

PHẦN THỨ SÁU

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ





Chủ tịch Hồ Chí Minh tại lễ đài cuộc mít tinh của hơn một vạn nhân dân Tuyên Quang ở sân vận động thị xã, tháng 3-1961.

Ảnh: Nguyễn Hải Hà

Chương I

ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH TUYÊN QUANG

I- ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG QUA CÁC THỜI KỲ

1. Sự ra đời của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Tháng 6-1937, đồng chí Hoàng Văn Lịch (Hai Cao) được tổ chức Đảng cử về hoạt động, xây dựng cơ sở cách mạng và tổ chức Đảng tại Tuyên Quang. Trên cơ sở phong trào cách mạng trong công nhân Mỏ than và các vùng lân cận ngày càng phát triển, ngày 20-3-1940, Chi bộ Mỏ than - Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên của tỉnh Tuyên Quang được thành lập có 7 đảng viên; đồng chí Vũ Mùi là Bí thư chi bộ¹.

Giữa năm 1941, Ban Cán sự Đảng tỉnh được thành lập, gồm 3 đồng chí, đồng chí Trương Đình Dần (tức Điều) là Bí thư Ban Cán sự². Tháng 7-1945, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Tuyên Quang được thành lập; đồng chí Tạ Xuân Thu là Bí thư Tỉnh ủy³.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Mỏ than, tiếp đó là Ban Cán sự Đảng tỉnh và Tỉnh ủy Tuyên Quang, phong trào cách mạng ở Tuyên Quang ngày càng phát triển sâu rộng,

bất nhịp với phong trào cách mạng chung của cả nước, tích cực chuẩn bị cho việc khởi nghĩa giành chính quyền. Từ tháng 3 đến tháng 8-1945, khi thời cơ đến, khởi nghĩa giành chính quyền đã diễn ra và giành thắng lợi ở tất cả các địa phương trong tỉnh.

Tháng 5-1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh từ Pác Bó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang), Khu giải phóng được thành lập, Tuyên Quang trở thành Thủ đô Khu giải phóng, trung tâm lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tại Tân Trào - Sơn Dương - Tuyên Quang đã diễn ra những sự kiện quan trọng, gắn liền với thắng lợi rực rỡ của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945; đó là: Hội nghị toàn quốc của Đảng, họp từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945 quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước; Quốc dân Đại hội - Hội nghị Diên Hồng thứ 2 trong lịch sử dân tộc Việt Nam họp từ ngày 16 đến ngày 17-8-1945, bầu ra Ủy ban giải phóng dân tộc, tức Chính phủ lâm thời, do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

2. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược

1, 2, 3. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (1940-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 43, 46, 74.-75.

bùng nổ. Tuyên Quang trở thành Thủ đô kháng chiến, căn cứ địa trung tâm lãnh đạo toàn dân trường kỳ kháng chiến, kiến quốc. Từ năm 1947 đến năm 1954, Tuyên Quang là nơi ở, làm việc chủ yếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Phủ Chủ tịch - Phủ Thủ tướng, Ban Thường trực Quốc hội, Mặt trận Liên Việt, các đoàn thể trung ương và 13/14 bộ, cơ quan ngang bộ thuộc chính phủ, 64 cơ quan trung ương, Chính phủ kháng chiến Lào... Tuyên Quang là nơi tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951) và nhiều hội nghị, đại hội quan trọng của trung ương, nơi ra đời những quyết sách quan trọng, quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Để lãnh đạo nhân dân hoàn thành sứ mệnh vẻ vang xây dựng, củng cố và bảo vệ vững chắc Thủ đô kháng chiến, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang không ngừng được xây dựng, phát triển về mọi mặt. Đến cuối năm 1950, Đảng bộ tỉnh có 6 đảng bộ trực thuộc, gồm: Đảng bộ huyện Sơn Dương, Đảng bộ huyện Yên Sơn, Đảng bộ huyện Yên Bình, Đảng bộ huyện Hàm Yên, Đảng bộ huyện Chiêm Hóa, Đảng bộ huyện Nà Hang. Toàn tỉnh có 126 chi bộ với 5.741 đảng viên¹.

1- Các kỳ hội nghị đại biểu Đảng toàn tỉnh

Tới trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951) do hoàn cảnh chiến tranh, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang chưa tổ chức đại hội. Mọi vấn đề về tổ chức, chủ trương, đường lối lãnh đạo cách mạng địa phương đều thông qua các kỳ hội nghị đại biểu Đảng, hội nghị bí thư chi bộ, hoặc hội nghị cán bộ đảng... Từ năm

1948 đến năm 1949, Đảng bộ tỉnh có 4 kỳ hội nghị đại biểu Đảng toàn tỉnh:

- Hội nghị lần thứ I tổ chức ngày 2-4-1948.
- Hội nghị lần thứ II tổ chức tháng 9-1948.
- Hội nghị lần thứ III tổ chức tháng 2-1949.
- Hội nghị lần thứ IV tổ chức tháng 6-1949².

2- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I

Đại hội được tổ chức từ ngày 14 đến ngày 16-4-1951. Đại hội tập trung nghiên cứu, học tập Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, liên hệ, kiểm thảo các mặt công tác, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cách mạng của địa phương trong thời gian tới. Đại hội nhận định: lúc này Tuyên Quang là tỉnh tự do nên nhiệm vụ lãnh đạo kinh tế, tài chính là cao nhất. Đại hội nhấn mạnh công tác củng cố chính quyền trong tình hình mới. Ngoài bản nghị quyết chính về phương hướng, nhiệm vụ công tác của địa phương, Đại hội còn có các nghị quyết chuyên đề: Nghị quyết về kiểm thảo công tác đối chiếu với Chính cương; Nghị quyết về việc học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II; Nghị quyết về việc sửa chữa sai lầm khuyết điểm trong sự thi hành chính sách nông thôn.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I. Đồng chí Trần Thanh Quang được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp:

1. Tạ Xuân Thu, tức Tạ Tiểu (1945-1946).
2. Võ Thanh Hòa (1948-1949).
3. Trần Thanh Quang (1949-1953).

1, 2. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (1940-1975)*, Sđd, tr. 121, tr. 119, 120, 127..

4. Nguyễn Công Bình, tức Phạm Ngọc Bổng (1953 -1956).

3. Thời kỳ cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ, cứu nước (1955-1975)

1- Hệ thống tổ chức các cấp

Năm 1955, Đảng bộ tỉnh có 8 đảng bộ trực thuộc, gồm: Đảng bộ huyện Sơn Dương, Đảng bộ huyện Yên Sơn, Đảng bộ huyện Yên Bình¹, Đảng bộ huyện Hàm Yên, Đảng bộ huyện Chiêm Hóa, Đảng bộ huyện Nà Hang, Đảng bộ thị xã Tuyên Quang, Đảng bộ cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh và 2 chi bộ trực thuộc là Chi bộ cơ quan Ty Công an, Chi bộ cơ quan Tỉnh đội.

Tháng 3-1961, Đảng bộ tỉnh có 243 chi bộ, đảng bộ cơ sở. Toàn tỉnh có 5.060 đảng viên². Đến năm 1975, Đảng bộ tỉnh có 9 đảng bộ trực thuộc, gồm: Đảng bộ huyện Sơn Dương, Đảng bộ huyện Yên Sơn, Đảng bộ huyện Hàm Yên, Đảng bộ huyện Chiêm Hóa, Đảng bộ huyện Nà Hang, Đảng bộ thị xã Tuyên Quang, Đảng bộ cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Quân sự tỉnh. Toàn tỉnh có 314 chi, đảng bộ cơ sở, 784 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, 14.826 đảng viên.

2- Các kỳ đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh thời kỳ 1955-1975

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II

Tổ chức từ ngày 30-1 đến ngày 5-2-1959, có 81 đại biểu tham dự, thay mặt cho trên 3.500 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội kiểm điểm công tác năm 1958 và xác định nhiệm vụ chung của năm 1959 là: Khẩn trương thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa; khâu chính là ra sức mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào tổ

đổi công, đẩy mạnh công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp; chú trọng cải tạo thủ công nghiệp và thương nghiệp tư doanh. Ra sức phát triển sản xuất và phát triển văn hóa. Tiến hành tốt việc xây dựng lực lượng, củng cố quốc phòng, củng cố và kiện toàn chính quyền dân chủ nhân dân. Phát triển, củng cố các tổ chức quần chúng, tăng cường công tác xây dựng Đảng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II gồm 21 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 7 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Xuân Việt là Bí thư Tỉnh ủy. Các đồng chí Trần Hoài Quang, Lê Tùng là Phó Bí thư Tỉnh ủy³.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III

Tổ chức từ ngày 16 đến ngày 25-3-1961, có 116 đại biểu thay mặt cho 5.060 đảng viên trong toàn tỉnh. Đại hội kiểm điểm, đánh giá tình hình công tác năm 1959 và 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 1961, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa mới. Trong thời gian Đại hội, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm tỉnh và nói chuyện với Đại hội.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III gồm 21 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 7 đồng chí. Đồng chí Trần Hoài Quang là Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Triệu Kim Dung (Triệu Chi Năng) là Phó Bí thư Tỉnh ủy⁴.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV

Tổ chức từ ngày 19 đến ngày 27-6-1963, có 149 đại biểu thay mặt cho 7.678 đảng viên trong toàn tỉnh. Đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội.

1. Năm 1956, huyện Yên Bình được sáp nhập về tỉnh Yên Bái.

2, 3, 4. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (1940-1975)*, *Sđd*, tr.276, 241-245, 276-282.

Đại hội kiểm điểm, đánh giá tình hình công tác 2 năm (1961-1962), thông qua đề án phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (1961-1965); đề ra phương hướng, nhiệm vụ 3 năm (1963-1965), bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa mới.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV gồm 21 đồng chí. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 7 đồng chí. Đồng chí Trần Hoài Quang là Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí Lê Tùng, Triệu Kim Dung (Triệu Chi Năng) là Phó Bí thư Tỉnh ủy¹.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V

Là Đại hội chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương, tổ chức từ ngày 28-3 đến ngày 11-4-1969, tại thị xã Tuyên Quang, có 203 đại biểu thay mặt cho 14.421 đảng viên trong toàn tỉnh. Đại hội kiểm điểm, đánh giá công tác nhiệm kỳ qua; đề ra phương hướng, nhiệm vụ 2 năm (1969-1970), bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa mới.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V gồm 24 đồng chí (trong đó có 1 ủy viên dự khuyết). Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 7 đồng chí. Đồng chí Trần Hoài Quang là Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Lê Hạnh là Phó Bí thư Tỉnh ủy².

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI

Tổ chức từ ngày 9-12 đến ngày 15-12-1974, có 232 đại biểu thay mặt cho trên 14.000 đảng viên trong toàn tỉnh. Đồng chí Hoàng Anh, Bí thư Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội kiểm điểm, đánh giá công tác nhiệm kỳ qua; đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 1975, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa mới.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI gồm 30 đồng chí (trong đó có 8 ủy viên dự khuyết). Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 7 đồng chí. Đồng chí Trần Hoài Quang là Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Lê Hạnh là Phó Bí thư Tỉnh ủy³.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh từ khóa II đến khóa VI⁴

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA II (1959-1961)

TT	Họ và tên	Nam/ Nữ	Dân tộc	Chức vụ
Ủy viên chính thức				
1	Nguyễn Xuân Việt	Nam	Kinh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Trần Hoài Quang	Nam	Kinh	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Công tác nông thôn và hợp tác hóa nông nghiệp
3	Lê Tùng	Nam	Kinh	Phó Bí thư Tỉnh ủy, phụ trách khối Kinh tế tài chính và Thống kê kế hoạch
4	Nguyễn Thu Sơn	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh

1, 2, 3. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (1940-1975)*, Sđd, tr. 283-289, 396-403, 471-476.

4. Chức vụ Đảng, chính quyền của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ghi tại thời điểm được bầu, theo quyết định chuẩn y.

5	Vũ Kiên	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức
6	Lê Quang Hùng	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách khối Dân vận và Mặt trận
7	Dương Phúc	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên huấn
8	Triệu Kim Dung (Triệu Chi Năng)	Nam	Tày	Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
9	Hoàng Thiệu Tráng	Nam	Kinh	Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
10	Nguyễn Hùng	Nam	Kinh	Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Trưởng ban Tài chính, Trưởng ban Thanh tra, phụ trách thuế vụ
11	Nguyễn Đức Hiến	Nam	Kinh	Phó Trưởng ban Công tác nông thôn
12	Bàn Chí Hàm (Bàn Chí Thanh)	Nam	Dao	Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, phụ trách Công tác vùng cao
13	Nguyễn Thanh Lưu	Nam	Tày	Trưởng ty Nông nghiệp
14	Vũ Long	Nam	Kinh	Trưởng ty Tài chính
15	Lương Hồng Thái	Nam	Kinh	Trưởng ty Văn hóa
16	Lê Thanh Hùng	Nam	Kinh	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch
17	Lê Bá Nghiêm (Hoàng Nghiêm)	Nam	Kinh	Trưởng ty Công an
18	Triệu Quý Gia	Nam	Tày	Trưởng ty Thương nghiệp
19	Đặng Trí	Nam	Kinh	Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
20	Nguyễn Liên	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Sơn Dương
21	Quan Ngọc Thuyết	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Nà Hang
Ủy viên dự khuyết				
1	Lương Quang Mai	Nam	Kinh	Trưởng ban Công nghiệp, Chánh Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh
2	Phùng Thiệu	Nam	Kinh	Chính trị viên phó Tỉnh đội
3	Hoàng Phương	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
4	Ma Văn Trang	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Yên Sơn

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA III
(1961-1963)

TT	Họ và tên	Nam/ Nữ	Dân tộc	Chức vụ
Ủy viên chính thức				
1	Trần Hoài Quang	Nam	Kinh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Triệu Kim Dung (Triệu Chi Năng)	Nam	Tày	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
3	Vũ Kiên	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy

4	Triệu Quý Gia	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, Trưởng ty Lâm nghiệp
5	Đặng Trí	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
6	Lê Bá Nghiêm (Hoàng Nghiêm)	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ty Công an
7	Lê Thanh Hùng	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch
8	Bàn Chí Hàm	Nam	Dao	Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
9	Hoàng Thiệu Tráng	Nam	Kinh	Trưởng ty Tài chính
10	Lương Quang Mai	Nam	Kinh	Trưởng ty Công nghiệp
11	Nguyễn Hùng	Nam	Kinh	Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy
12	Nguyễn Đức Hiến	Nam	Kinh	Trưởng ban Công tác nông thôn
13	Lương Hải Bằng	Nam	Kinh	Trưởng ty Thương nghiệp
14	Ma Văn Trang	Nam	Tày	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh
15	Nguyễn Thanh Lưu	Nam	Tày	Trưởng ty Nông nghiệp, Trưởng ban Kỹ thuật
16	Lương Hồng Thái	Nam	Kinh	Trưởng ty Văn hóa
17	Hoàng Phụng	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
18	Quan Ngọc Thuyết	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Nà Hang
19	Triệu Trung Chính	Nam	Tày	Trưởng Ty Lâm nghiệp
20	Trương Thị Kim Tím	Nữ	Kinh	Hội phó Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
21	Trương Trọng Thiệp	Nam	Kinh	Trưởng ty Thủy lợi
Ủy viên dự khuyết				
1	Hoàng Đình Thư	Nam	Cao Lan	Phó ban Công tác nông thôn
2	Nguyễn Ngọc Hứa	Nam	Kinh	Trưởng ty Giáo dục
3	Phạm Mạnh Quý	Nam	Kinh	Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
4	Châu Đức Phương	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Yên Sơn

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA IV

(1963-1969)

TT	Họ và tên	Nam/ Nữ	Dân tộc	Chức vụ
1	Trần Hoài Quang	Nam	Kinh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Lê Tùng	Nam	Kinh	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Triệu Kim Dung (Triệu Chi Năng)	Nam	Tày	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
4	Lê Thanh Hùng	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch
5	Triệu Quý Gia	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Nông nghiệp

6	Đặng Trí	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy kiêm Trưởng ban Nghiên cứu lịch sử Đảng
7	Hoàng Thiếu Tráng	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, Trưởng ban Tài chính - Thương nghiệp
8	Lê Bá Nghiêm	Nam	Kinh	Trưởng Ty Công an
9	Quan Ngọc Thuyết	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Nà Hang
10	Triệu Trung Chính	Nam	Tày	Trưởng ty Lâm nghiệp
11	Lương Hải Bằng	Nam	Kinh	Trưởng ty Thương nghiệp
12	Lương Quang Mai	Nam	Kinh	Trưởng ty Công nghiệp
13	Hoàng Đình Thư	Nam	Cao Lan	Ủy viên Thư ký Ủy ban hành chính tỉnh
14	Ma Văn Trang	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Yên Sơn
15	Nguyễn Hùng	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Sơn Dương
16	Phạm Mạnh Quý	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
17	Châu Đức Phương	Nam	Tày	Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy
18	Lê Hạnh	Nam	Kinh	Chính trị viên Tỉnh đội
19	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	Kinh	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
20	Nguyễn Hữu Chính	Nam	Kinh	Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
21	Hoàng Văn Thế	Nam	Cao Lan	Bí thư Đảng ủy xã Đội Bình, huyện Yên Sơn

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA V
(1969-1974)

TT	Họ và tên	Nam/ Nữ	Dân tộc	Chức vụ
Ủy viên chính thức				
1	Trần Hoài Quang	Nam	Kinh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Lê Hạnh	Nam	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
3	Triệu Kim Dung (Triệu Chi Năng)	Nam	Tày	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
4	Đặng Trí	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tài chính - Thương nghiệp
5	Nguyễn Long Châu	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
6	Quan Ngọc Thuyết	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
7	Phạm Mạnh Quý	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
8	Bàn Chí Hàm	Nam	Dao	Phó chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, Trưởng ban Dân tộc

9	Ma Văn Hiệu	Nam	Tày	Trưởng ty Giáo dục
10	Nguyễn Công Hoà	Nam	Kinh	Giám đốc xí nghiệp 5-8
11	Hoàng Thiếu Tráng	Nam	Kinh	Trưởng ty Thương nghiệp
12	Lương Thế Nho	Nam	Tày	Tỉnh đội trưởng
13	Nguyễn Đức Từ	Nam	Kinh	Phó Trưởng ty Công an
14	Hoàng Đình Thư	Nam	Cao Lan	Ủy viên Thư ký Ủy ban hành chính tỉnh
15	Lê Bá Nghiêm (Hoàng Nghiêm)	Nam	Kinh	Trưởng ty Công an
16	Triệu Quý Hưng	Nam	Dao	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp tỉnh
17	Trần Thế Minh	Nam	Kinh	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh
18	Châu Đức Phương	Nam	Tày	Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy
19	Lý Quang Hùng	Nam	Nùng	Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
20	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	Kinh	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
21	Trương Trọng Thiệp	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Hàm Yên
22	Nông Văn Chu	Nam	Tày	Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Chiêm Hóa
23	Ma Văn Dân	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Yên Sơn
Ủy viên dự khuyết				
1	Nguyễn Thị Hào	Nữ	Tày	Chủ nhiệm Công ty Ngoại thương

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA VI

(1974-1976)

TT	Họ và tên	Nam/ Nữ	Dân tộc	Chức vụ
Ủy viên chính thức				
1	Trần Hoài Quang	Nam	Kinh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Lê Hạnh	Nam	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Triệu Kim Dung (Triệu Chi Năng)	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
4	Quan Ngọc Thuyết	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
5	Ma Văn Hiệu	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ty Giáo dục
6	Phạm Mạnh Quý	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp tỉnh
7	Nguyễn Long Châu	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
8	Bàn Chí Hàm	Nam	Dao	Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
9	Hoàng Thiếu Tráng	Nam	Kinh	Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
10	Lê Bá Nghiêm (Hoàng Nghiêm)	Nam	Kinh	Trưởng ty Công an
11	Hoàng Đình Thư	Nam	Cao Lan	Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy

12	Châu Đức Phương	Nam	Tày	Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy
13	Luong Thế Nho	Nam	Tày	Tỉnh đội trưởng
14	Trần Thế Minh	Nam	Kinh	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh
15	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	Kinh	Phó Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy
16	Nguyễn Thị Hào	Nữ	Tày	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
17	Ma Văn Dân	Nam	Tày	Trưởng ty Lâm nghiệp
18	Lý Quang Hùng	Nam	Nùng	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
19	Trương Đức Mạnh	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Hàm Yên
20	Lê Thị Duyên	Nữ	Kinh	Phó Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh
21	Trần Đoan	Nam	Kinh	Trưởng ty Công nghiệp
22	Lý Đức Hậu	Nam	Cao Lan	Ủy viên Thư ký Ủy ban hành chính tỉnh
Ủy viên dự khuyết				
1	Đào Văn Quý	Nam	Kinh	Phó chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp tỉnh
2	Đặng Quang Tiết	Nam	Kinh	Phó Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
3	Hoàng Thế Nghĩa	Nam	Kinh	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Yên Sơn
4	Châu Văn Ong	Nam	Tày	Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Nà Hang
5	Phùng Tấn Tá	Nam	Kinh	Phó Trưởng ty Xây dựng
6	Nguyễn Quốc Văn	Nam	Kinh	Ủy viên Ủy ban Nông nghiệp tỉnh
7	Hà Quang Dự	Nam	Tày	Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Chiêm Hóa
8	Nịnh Văn Long	Nam	Kinh	Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp huyện Sơn Dương

4. Thời kỳ 1976-1991 (Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên)

1- Hệ thống tổ chức các cấp

Sau hợp nhất hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang thành tỉnh Hà Tuyên, Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên có 17 đảng bộ trực thuộc, gồm: Đảng bộ thị xã Tuyên Quang, Đảng bộ huyện Sơn Dương, Đảng bộ huyện Hàm Yên, Đảng bộ huyện Yên Sơn, Đảng bộ huyện Chiêm Hóa, Đảng bộ huyện Nà Hang, Đảng bộ thị xã Hà Giang, Đảng bộ

huyện Vị Xuyên, Đảng bộ huyện Quán Bạ, Đảng bộ huyện Đông Văn, Đảng bộ huyện Mèo Vạc, Đảng bộ huyện Xín Mần, Đảng bộ huyện Bắc Quang, Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì, Đảng bộ huyện Yên Minh, Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh. Toàn Đảng bộ có 568 chi, đảng bộ cơ sở, hơn 24.826 đảng viên. Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên được Trung ương chỉ định tháng 1-1976, gồm 39 ủy viên, trong đó có 11 đồng chí được cử vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy¹. Đồng chí

1. Quyết định số 2539-NQNS/TW, ngày 21-1-1976 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên.



Trần Hoài Quang được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Kim Xuyên Lương, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh¹. Tháng 3-1976, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã họp phân công đồng chí Lê Văn Lương làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy².

2- Các kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên lần thứ I

Từ ngày 10-11 đến ngày 20-11-1976, tại thị xã Hà Giang, Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ I (vòng 1); có 380 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 24.000 đảng viên toàn tỉnh.

Đại hội tập trung nghiên cứu, thảo luận và đóng góp ý kiến vào Đề cương Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Điều lệ Đảng (sửa đổi). Đại hội bầu 15 đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng; trong đó

có 3 đại biểu do Trung ương giới thiệu ứng cử, 2 đại biểu nữ, 7 đại biểu là người dân tộc thiểu số.

Từ ngày 25-4 đến ngày 2-5-1977, tại thị xã Tuyên Quang, Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ I (vòng 2); có 351 đại biểu tham dự. Đến dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Song Hào, Bí thư Trung ương Đảng; lãnh đạo một số bộ, ngành, cơ quan Trung ương.

Đại hội tập trung thảo luận đánh giá công tác sau một năm hợp nhất tỉnh; quyết định phương hướng nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, các tổ chức quần chúng và công tác quốc phòng - an ninh trong 2 năm (1977-1978) và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I.

Đại hội thảo luận, thông qua Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (lâm thời). Báo cáo đánh giá: Đảng bộ đã

1. Thông báo số 2540-CVNS/TW, ngày 21-1-1976 của Ban Bí thư thông báo Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc cử Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh.

2. Thông báo số 01-TB/TU, ngày 16-3-1976 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên.



hoàn thành nhanh gọn việc hợp tỉnh, thực hiện tốt các nhiệm vụ trước mắt; các hoạt động kinh tế - văn hóa được phát triển. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, nông nghiệp tăng hơn năm 1975. Nhiệm vụ bảo vệ trị an biên giới và nội địa được tiến hành vững chắc. Công tác xây dựng Đảng, tổ chức chính quyền và các đoàn thể quần chúng có những cố gắng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên (khóa I) gồm 35 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết¹. Ban Thường vụ có 12 đồng chí; đồng chí Lê Hạnh là Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Hồ Ngọc Thu là Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên lần thứ II

Từ ngày 5-11 đến ngày 8-11-1980, tại thị xã Tuyên Quang, Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên tiến hành Đại hội đại biểu lần

thứ II, có 276 đại biểu thay mặt cho hơn 2 vạn đảng viên trong tỉnh. Đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ dự và chỉ đạo Đại hội. Đến dự còn có các đồng chí: Hà Thị Quế, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Vũ Lập, Ủy viên Trung ương Đảng, Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu II và đại diện Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Dân tộc Trung ương.

Đại hội đã nghiêm túc đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I; đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung của Đảng bộ trong 2 năm 1981-1982.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II gồm 43 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết². Ban Chấp hành

1. Quyết định số 161-NQNS/TW, ngày 26-5-1977 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên.

2. Quyết định số 1301-NQNS/TW, ngày 11-12-1980 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên.



bầu 13 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Văn Đức là Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Lê Hạnh là Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên lần thứ III

Từ ngày 2-1 đến ngày 8-1-1982, tại thị xã Tuyên Quang, Đảng bộ Hà Tuyên tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ III (vòng 1), có 296 đại biểu đại diện cho 26.000 đảng viên của tỉnh tham dự. Các đồng chí Vũ Tuân, Bộ trưởng Bộ Thực phẩm; Dương Bạch Liên, Thứ trưởng Bộ Giao thông; Đào Tùng, Giám đốc Việt Nam Thông tấn xã về dự và ứng cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng.

Đại hội bầu 16 đại biểu, trong đó có 3 đại biểu Trung ương giới thiệu, đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng.

Từ ngày 20-3 đến ngày 24-3-1983, tại thị xã Tuyên Quang, Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên

tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ III (vòng 2), có 285 đại biểu đại diện cho 26.000 đảng viên của tỉnh. Các đồng chí: Lê Quang Đạo, Bí thư Trung ương Đảng; Lê Đức Bình, Ủy viên Trung ương, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng, Nguyễn Văn Trọng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã thảo luận, thông qua Báo cáo Chính trị, Báo cáo Xây dựng Đảng do Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II trình Đại hội; Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu phấn đấu trong những năm 1983-1985.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 43 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết¹. Tại phiên họp toàn thể lần thứ nhất, Ban Chấp hành khóa III đã bầu 13 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Văn Đức, Ủy viên Trung ương Đảng được bầu lại là Bí thư

1. Nghị quyết số 410-NQNS/TW, ngày 12-4-1983 của Ban Bí thư.



Tỉnh ủy, đồng chí Quan Ngọc Thuyết là Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy¹.

- *Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên lần thứ IV*

Từ ngày 7-10 đến ngày 12-10-1986, tại thị xã Tuyên Quang, Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên tiến hành Đại hội lần thứ IV, có 342 đại biểu đại diện cho 28.426 đảng viên trong tỉnh. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội.

Các đồng chí: Nguyễn Văn Đức, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ; Vũ Mão, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đặng Hồi Xuân, Bộ trưởng Bộ Y tế, được Trung ương cử về dự và ứng cử đại biểu đi dự

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Dự Đại hội còn có đại biểu của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Bộ Tư lệnh Quân khu II và đại biểu cán bộ lão thành cách mạng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV gồm 45 ủy viên chính thức và 11 ủy viên dự khuyết²; bầu 19 đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, trong đó có 3 đại biểu do Trung ương giới thiệu ứng cử. Tại hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IV) bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí, đồng chí Phạm Đình Dy là Bí thư Tỉnh ủy³; đồng chí Vũ Tiến là Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Vũ Tiệp, đồng chí Quan Ngọc Thuyết là Phó Bí thư Tỉnh ủy.

1. Nghị quyết số 491-NQNS/TW, ngày 20-9-1983 của Ban Bí thư.

Quyết định số 1348-NQNS/TW, ngày 5-12-1986 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên.

2. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, tháng 12-1986, đồng chí Phạm Đình Dy được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên từ khóa I đến khóa IV**BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ TUYÊN**

(Do Trung ương chỉ định, ngày 21-1-1976)

TT	Họ và tên	Nam Nữ	Dân tộc	Chức vụ
1	Trần Hoài Quang	Nam	Kinh	Bí Thư Tỉnh ủy
2	Lê Văn Lương	Nam	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Kim Xuyên Lượng	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
4	Lê Quang Hùng	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban hành chính tỉnh
5	Ma Văn Hiệu	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên huấn - Khoa giáo, Nghiên cứu lịch sử Đảng
6	Lê Hạnh	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
7	Vừ Mí Kê	Nam	Mông	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
8	Nguyễn Ngọc Chung	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
9	Hồ Ngọc Thu	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy kiêm Trưởng ban Dân tộc
10	Phạm Mạnh Quý	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Nông nghiệp Tỉnh ủy
11	Ma Thị Lâm	Nữ	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Bắc Quang
12	Nguyễn Long Châu	Nam	Kinh	Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
13	Bàn Chí Hàm	Nam	Dao	Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh
14	Nguyễn Văn Túy	Nam	Tày	Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp tỉnh
15	Hoàng Đình Thư	Nam	Cao Lan	Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy
16	Đặng Quang Tiết	Nam	Kinh	Phó Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
17	Vũ Bằng	Nam	Kinh	Trưởng ty Công an
18	Lê Thị Duyên	Nữ	Kinh	Phó Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh
19	Nguyễn Thị Tăng	Nữ	Tày	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

1. Theo Quyết định số 2539-NQNS/TW, ngày 21-1-1976 của Ban Bí thư về việc chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên và Thông báo số 01/TB, ngày 16-3-1976 của Ban Chấp hành Đảng bộ Hà Tuyên về phân công của Ban Chấp hành Đảng bộ.

20	Trần Thế Minh	Nam	Kinh	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh
21	Nguyễn Chí Tuy	Nam	Tày	Trưởng ty Thương nghiệp
22	Trần Đoan	Nam	Kinh	Trưởng ty Công nghiệp
23	Phùng Tấn Tá	Nam	Kinh	Phó Trưởng ty Xây dựng
24	Nguyễn Văn Lệnh	Nam	Tày	Trưởng ty Thủy lợi
25	Nguyễn Văn Vĩnh	Nam	Kinh	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp tỉnh
26	Đào Văn Quý	Nam	Kinh	Trưởng ty Lâm nghiệp
27	Phạm Đình Dy	Nam	Kinh	Trưởng ty Giao thông
28	Viên Thế Nghiêu	Nam	Tày	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh
29	Hoàng Thiếu Tráng	Nam	Kinh	Bí thư Thị ủy Tuyên Quang
30	Lý Đức Hậu	Nam	Cao Lan	Ủy viên Thư ký Ủy ban hành chính tỉnh
31	Hoàng Ngọc Lâm	Nam	Tày	Trưởng ban Định canh, định cư tỉnh
32	Sùng Náo Sán	Nam	Mông	Bí thư Huyện ủy Đông Văn
33	Sùng Đại Dũng	Nam	Mông	Bí thư Huyện ủy Mèo Vạc
34	Ma Văn Dẫn	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Yên Sơn
35	Lý Quang Hùng	Nam	Nùng	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
36	Hoàng Văn Vương	Nam	Tày	Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Vị Xuyên
37	Hà Quang Dự	Nam	Tày	Quyền Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
38	Nguyễn Tiến Lộc	Nam	Tày	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh
39	Nịnh Văn Long	Nam	Kinh	Hiệu phó Trường Trung học Nông nghiệp tỉnh

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ TUYÊN

KHÓA I, NHIỆM KỲ 1977-1980

(Được bầu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, ngày 1-5-1977)¹

TT	Họ và tên	Nam Nữ	Dân tộc	Chức vụ
Ủy viên chính thức				
1	Lê Hạnh	Nam	Kinh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Hồ Ngọc Thu	Nam	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Viên Thế Nghiêu	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Theo Quyết định số 161-NQNS/TW, ngày 26-5-1977 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên. Chức danh các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy viên được ghi tại thời điểm Đại hội, theo danh sách các đoàn giới thiệu để Đại hội quyết định lập danh sách bầu cử Ban Chấp hành và kết quả bầu cử Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, ngày 3-5-1977.

4	Lê Quang Hùng	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Phạm Mạnh Quý	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Nông nghiệp tỉnh
6	Phạm Đình Dy	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ty Giao thông
7	Vũ Bằng	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ty Công an
8	Quan Ngọc Thuyết	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Nguyễn Ngọc Chung	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
10	Kim Xuyên Lượng	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Dân vận và Mặt trận Tỉnh ủy
11	Ma Văn Hiệu	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
12	Nguyễn Văn Túy	Nam	Tày	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
13	Nguyễn Long Châu	Nam	Kinh	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
14	Bàn Chí Hàm	Nam	Dao	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
15	Đặng Quang Tiết	Nam	Kinh	Phó Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
16	Sùng Nào Sán	Nam	Mông	Bí thư Huyện ủy Đông Văn
17	Lý Quang Hùng	Nam	Nùng	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
18	Hoàng Văn Thừa	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Vị Xuyên
19	Nguyễn Văn Miêu	Nam	Tày	Trưởng ty Giáo dục
20	Hoàng Đình Thư	Nam	Cao Lan	Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy
21	Nguyễn Chí Tuy	Nam	Tày	Trưởng ty Thương nghiệp
22	Nguyễn Tiến Lộc	Nam	Tày	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh
23	Hoàng Đạo	Nam	Tày	Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
24	Nguyễn Thị Hào	Nữ	Tày	Hội phó Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh
25	Lý Đức Hậu	Nam	Cao Lan	Ủy viên Thư ký Ủy ban nhân dân tỉnh
26	Sùng Đại Dũng	Nam	Mông	Bí thư Huyện ủy Mèo Vạc
27	Hà Quang Dự	Nam	Tày	Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
28	Nguyễn Văn Lệnh	Nam	Tày	Trưởng ty Thủy lợi
29	Ma Văn Dân	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Yên Sơn
30	Hoàng Ngọc Lâm	Nam	Tày	Trưởng ban Định canh, định cư tỉnh
31	Ma Thị Lâm	Nữ	Tày	Bí thư Huyện ủy Bắc Quang
32	Trần Thế Minh	Nam	Kinh	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh
33	Hoàng Văn Vương	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Quản Bạ

34	Đào Quý	Nam	Kinh	Trưởng ty Lâm nghiệp
35	Dương Văn Lịch	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Sơn Dương
Ủy viên dự khuyết				
1	Nguyễn Quốc Văn	Nam	Kinh	Phó trưởng Ty Nông nghiệp
2	Hoàng Củng	Nam	Tày	Trưởng ty Xây dựng
3	Vũ Phi Hùng	Nam	Kinh	Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
4	Trần Đoan	Nam	Kinh	Trưởng ty Công nghiệp

Trong nhiệm kỳ khóa I

- Ngày 1-2-1978, Ban Bí thư có Quyết định số 612-NQNS/TW bổ sung đồng chí Hoàng Chiến Bình, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh vào Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên.

- Ngày 23-2-1979, Ban Bí thư có các Quyết định số 707, 708, 709-NQNS/TW chỉ định bổ sung đồng chí Lã Thái Hòa, Đại tá, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Tuyên vào Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên làm Tư lệnh Bộ Chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang tỉnh; chỉ định bổ sung đồng chí Vừ Mí Kê, nguyên Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên (lâm thời) vào Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên; điều động đồng chí Kim Xuyên Lượng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận và Mặt trận Tỉnh ủy về công tác tại Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Ngày 1-3-1979, Bộ Chính trị có Quyết định số 714-NQNS/TW điều động đồng chí Nguyễn Văn Đức, Chánh Văn phòng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và làm Bí thư Tỉnh ủy Hà Tuyên thay đồng

chí Lê Hạnh; quyết định đồng chí Lê Hạnh làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Các ngày 3-3, 5-3 và 7-3-1979, Ban Bí thư có các Quyết định số 733, 738, 739, 740, 742-NQNS/TW: điều Đại tá Phạm Ngọc Điền, Chánh Văn phòng Tổng cục Chính trị về tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên, làm Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất của tỉnh; điều đồng chí Nguyễn Việt Kỳ, Thượng tá, cán bộ Học viện Quân sự cao cấp về tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên, làm Chỉ huy phó Bộ chỉ huy quân sự thống nhất của tỉnh; điều động đồng chí Nguyễn Văn Vĩnh, chuyên viên Ban Tổ chức Trung ương về tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên; bổ sung đồng chí Sùng Nào Sán và đồng chí Nguyễn Long Châu, Tỉnh ủy viên vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên; điều đồng chí Lê Quang Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tại Ban Tổ chức Trung ương; điều đồng chí Vũ Bằng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ty Công an Hà Tuyên về nhận công tác tại Bộ Nội vụ.

- Sau tháng 2-1979, đồng chí Hồ Ngọc Thu được điều về công tác tại Ban Tổ chức Trung ương.

1. Theo Quyết định số 1301-NQNS/TW, ngày 11-12-1980 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Chức danh các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành được ghi theo danh sách giới thiệu bầu cử tại Đại hội và Báo cáo số 14-BC/TU, ngày 8-12-1980 của Tỉnh ủy Hà Tuyên về việc phân công Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa II).

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ TUYÊN

KHÓA II, NHIỆM KỲ 1980-1983

(Được bầu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II, ngày 8-11-19801

TT	Họ và tên	Nam Nữ	Dân tộc	Chức vụ
Ủy viên chính thức				
1	Nguyễn Văn Đức	Nam	Kinh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Lê Hạnh	Nam	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Viên Thế Nghiêu	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Phạm Đình Dy	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Phạm Mạnh Quý	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Phạm Ngọc Điển	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
7	Phan Chí Thiết	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
8	Quan Ngọc Thuyết	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ty Công an
9	Nguyễn Ngọc Chung	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy
10	Nguyễn Văn Vĩnh	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
11	Ma Văn Hiệu	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
12	Đặng Quang Tiết	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thị ủy Tuyên Quang
13	Sùng Nào Sán	Nam	Mông	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Đông Văn
14	Vừ Mí Kê	Nam	Mông	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
15	Sùng Đại Dừng	Nam	Mông	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
16	Lý Quang Hùng	Nam	Nùng	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
17	Hoàng Văn Thừa	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Vị Xuyên
18	Hoàng Đức Hỷ	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Yên Minh
19	Trương Đức Mạnh	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Hàm Yên
20	Hoàng Thế Thường	Nam	Tày	Quyển Giám đốc Sở Lâm nghiệp
21	Nguyễn Tiến Lộc	Nam	Tày	Bí thư Thị ủy Hà Giang
22	Hà Nho	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Nà Hang
23	Mông Văn Ấn	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Xín Mần
24	Nguyễn Văn Miêu	Nam	Tày	Trưởng ty Giáo dục - Đào tạo
25	Lệnh Hậu Thi	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Mèo Vạc

26	Hà Quang Dự	Nam	Tày	Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
27	Nguyễn Quốc Văn	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Nông nghiệp
28	Hoàng Văn Vương	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Quản Bạ
29	Dương Văn Lịch	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Sơn Dương
30	Lương Thủy Mặc	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá
31	Hoàng Trọng Kim	Nam	Tày	Phó Trưởng ty Công an
32	Nguyễn Văn Túy	Nam	Tày	Trưởng ban Nông nghiệp Tỉnh ủy
33	Hoàng Ngọc Lâm	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Hoàng Su Phì
34	Đào Tương	Nam	Kinh	Phó Bí thư Huyện ủy Yên Sơn
35	Ma Khái Sò	Nam	Mông	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh
36	Hoàng Ngọc Canh	Nam	Tày	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang
37	Lý Đức Hậu	Nam	Cao Lan	Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân tỉnh
38	Nguyễn Đình Văn	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Công nghiệp
39	Nguyễn Thị Hào	Nữ	Tày	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
40	Nguyễn Long Châu	Nam	Kinh	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
41	Hầu Mí Chơ	Nam	Mông	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Văn
42	Nguyễn Chí Tuy	Nam	Tày	Trưởng ty Thương nghiệp
43	Triệu Đức Thanh	Nam	Dao	Quyền Phó ban Định canh, định cư tỉnh
Ủy viên dự khuyết				
1	Hà Thị Khiết	Nữ	Tày	Hội phó Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
2	Nguyễn Ngọc Kiêm	Nam	Kinh	Trưởng ty Giao thông - Vận tải

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ TUYÊN

KHÓA III, NHIỆM KỲ 1983-1986

(Được bầu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III, ngày 24-1-1983)¹

TT	Họ và tên	Nam Nữ	Dân tộc	Chức vụ
Ủy viên chính thức				
1	Nguyễn Văn Đức	Nam	Kinh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Quan Ngọc Thuyết	Nam	Tày	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Viên Thế Nghiêu	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Phạm Đình Dy	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Nguyễn Văn Vĩnh	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Theo Quyết định số 410-NQNS/TW, ngày 12-4-1983 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên; chức danh các đồng chí trong Ban Chấp hành được ghi theo bản "Danh sách các đồng chí trong Ban Chấp hành Tỉnh ủy khóa III", lưu trong hồ sơ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên lần thứ III.

6	Nguyễn Ngọc Chung	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy
7	Đặng Quang Tiết	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
8	Phạm Mạnh Quỳ	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Ma Văn Hiệu	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Hoàng Văn Thừa	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
11	Hoàng Trọng Kim	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh
12	Trần An	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
13	Giàng Văn Quẩy	Nam	Mông	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy
14	Vừ Mí Ké	Nam	Mông	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
15	Hà Thị Khiết	Nữ	Tày	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
16	Hoàng Thế Thường	Nam	Tày	Giám đốc Sở Lâm nghiệp
17	Hoàng Đức Hỷ	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Thương nghiệp
18	Nguyễn Văn Miêu	Nam	Tày	Giám đốc Sở Giáo dục
19	Nguyễn Ngọc Kiên	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải
20	Nguyễn Đình Văn	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Công nghiệp
21	Lệnh Hậu Thi	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Đồng Văn
22	Nguyễn Chí Tuy	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Vị Xuyên
23	Hoàng Ngọc Canh	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Bắc Quang
24	Dương Văn Lịch	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Sơn Dương
25	Lương Thủy Mạc	Nam	Kinh	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
26	Hoàng Văn Vương	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Bắc Mê
27	Mông Văn Ấn	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Xín Mần
28	Triệu Đức Thanh	Nam	Dao	Bí thư Huyện ủy Hoàng Su Phì
29	Đào Tương	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Yên Sơn
30	Hầu Mí Chơ	Nam	Mông	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn
31	Đặng Ngọc Thanh	Nam	Dao	Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân tỉnh
32	Vũ Tiến	Nam	Kinh	Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
33	Trần Thế Hùng	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Lương thực
34	Nịnh Văn Long	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Nông nghiệp
35	Trần Vũ Cự	Nam	Kinh	Giám đốc Công ty Ngoại thương
36	Vũ Tiệp	Nam	Kinh	Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
37	Quan Thị Việt	Nữ	Tày	Phó Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy
38	Nguyễn Văn Tý	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Mèo Vạc
39	Nguyễn Đình Miên	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Yên Minh

40	Nguyễn Văn Tiếp	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Nà Hang
41	Hoàng Thế Viện	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
42	Nguyễn Hữu Chính	Nam	Kinh	Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh
43	Hoàng Xuân Hiến	Nam	Cao Lan	Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
Ủy viên dự khuyết				
1	Lê Quang Đôn	Nam	Kinh	Phó Giám đốc Sở Thủy lợi
2	Trần Trung Nhật	Nam	Kinh	Giám đốc Xí nghiệp chế biến lâm sản

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ TUYÊN
KHÓA IV, NHIỆM KỲ 1986-1991

(Được bầu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, ngày 11-10-1986)¹

TT	Họ và tên	Nam Nữ	Dân tộc	Chức vụ
Ủy viên chính thức				
1	Phạm Đình Dy	Nam	Kinh	Bí Thư Tỉnh ủy
2	Vũ Tiến	Nam	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Quan Ngọc Thuyết	Nam	Tày	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Vũ Tiệp	Nam	Kinh	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
5	Lệnh Hậu Thi	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Đồng Văn
6	Quan Thị Việt	Nữ	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
7	Đào Tương	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Yên Sơn
8	Trần An	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
9	Hoàng Trọng Kim	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh
10	Đặng Quang Tiết	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thị ủy Tuyên Quang
11	Giàng Văn Quẩy	Nam	Mông	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Hàm Yên
12	Hà Thị Khiết	Nữ	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Theo Quyết định số 1348-NQNS/TW, ngày 5-12-1986 của Ban Bí thư Trung ương về chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên và Văn bản số 63-ĐN/TU, ngày 18-10-1986 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên, đề nghị công nhận Ban Chấp hành Tỉnh ủy khóa IV, nhiệm kỳ 1986-1991 và Danh sách dự kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III chuẩn bị.

13	Lê Quang Đôn	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Thủy lợi
14	Nguyễn Chí Tuy	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Vị Xuyên
15	Trần Trung Nhật	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
16	Hoàng Văn Thừa	Nam	Tày	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
17	Hoàng Đức Hỷ	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Thương nghiệp
18	Nguyễn Văn Miêu	Nam	Tày	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
19	Hoàng Văn Vương	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Bắc Mê
20	Mông Văn Ấn	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Xín Mần
21	Triệu Đức Thanh	Nam	Dao	Bí thư Huyện ủy Hoàng Su Phì
22	Hầu Mí Chơ	Nam	Mông	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn
23	Đặng Ngọc Thanh	Nam	Dao	Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân tỉnh
24	Trần Thế Hùng	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Lương thực
25	Trần Vũ Cự	Nam	Kinh	Giám đốc Công ty Liên hiệp xuất nhập khẩu
26	Nguyễn Văn Tý	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Mèo Vạc
27	Nguyễn Đình Miên	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Yên Minh
28	Nguyễn Văn Tiếp	Nam	Tày	Phó Giám đốc Công an tỉnh
29	Hoàng Thế Viện	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
30	Hoàng Xuân Hiến	Nam	Cao Lan	Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
31	Đỗ Trọng Quý	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Giao thông - vận tải
32	Lâm Đại Nam	Nam	Cao Lan	Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra nhà nước
33	Dương Văn Khoa	Nam	Kinh	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp
34	Bùi Ngọc Quế	Nam	Kinh	Phó Giám đốc Sở Lâm nghiệp
35	Hoàng Thị Độ	Nữ	Tày	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
36	Nguyễn Nhân Thiệp	Nam	Kinh	Ủy viên Thường vụ Liên hiệp Công đoàn tỉnh
37	Nguyễn Văn Đê	Nam	Kinh	Bí thư Đảng ủy Dân - Chính - Đảng
38	Ma Trọng Tình	Nam	Tày	Phó Bí thư Huyện ủy Nà Hang
39	Hoàng Ngọc	Nam	Tày	Phó Bí thư Huyện ủy Bắc Quang
40	Lê Quang Triều	Nam	Kinh	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện Yên Minh
41	Nguyễn Thế Đường	Nam	Tày	Phó Giám đốc Công ty Liên hiệp xuất nhập khẩu
42	Trần Minh Giáp	Nam	Kinh	Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
43	Thiều Khắc Đước	Nam	Kinh	Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
44	Phí Văn Tường	Nam	Kinh	Tổng biên tập Báo Hà Tuyên
45	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	Kinh	Giám đốc Xí nghiệp dược phẩm Hà Tuyên
Ủy viên dự khuyết				
1	Hoàng Minh Nhật	Nam	Tày	Phó Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
2	Nguy Văn Thận	Nam	Kinh	Phó Trưởng ban Nông nghiệp Tỉnh ủy

3	Lê Hồng Vân	Nam	Kinh	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương
4	Vũ Mạnh Thắng	Nam	Kinh	Giám đốc Công ty xây dựng Thủy lợi
5	Nguyễn Trần Đạt	Nam	Kinh	Giám đốc Xí nghiệp gạch chịu lửa
6	Hoàng Hải	Nam	Tày	Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh
7	Vũ Quang Tiến	Nam	Kinh	Bí thư Thị đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thị xã Tuyên Quang
8	Vũ Thế Doanh	Nam	Kinh	Giám đốc Xí nghiệp giấy Tuyên Quang
9	Phạm Trọng Lập	Nam	Kinh	Giám đốc Xí nghiệp thiết kế
10	Sùng Thìn Cò	Nam	Mông	Phó Trưởng đồn biên phòng Nghĩa Thuận - Quán Bạ
11	Nguyễn Thị Hoan	Nữ	Kinh	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Nông trường Sông Lô

Trong nhiệm kỳ khóa IV

- Tháng 11-1988, các đồng chí Hoàng Văn Thừa, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đồng chí Hoàng Văn Vương, Giám đốc Sở Nông - Lâm nghiệp được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Có 5 đồng chí ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được bầu là ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: Hoàng Minh Nhất, Nguyễn Văn Thận, Lê Hồng Vân, Vũ Mạnh Thắng, Nguyễn Trần Đạt.

- Có 8 đồng chí nghỉ hưu, 1 đồng chí chuyển công tác khác.

5. Thời kỳ tái lập tỉnh Tuyên Quang, từ năm 1992 đến nay

1- Hệ thống tổ chức các cấp

Cuối tháng 9-1991, việc chia tách tỉnh Hà Tuyên thành hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang đã cơ bản hoàn thành. Từ ngày 1-10-1991, tỉnh Tuyên Quang chính thức đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mới.

Ngày 16-9-1991, Bộ Chính trị ra Quyết định số 41-NS/TW chỉ định Ban

Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang gồm 27 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ có 9 đồng chí. Đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) là Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Vũ Tiệp là Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Sau khi tái lập tỉnh, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang có 9 Đảng bộ trực thuộc, gồm: Đảng bộ thị xã Tuyên Quang, Đảng bộ các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Nà Hang, Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Dân - Chính - Đảng. Toàn tỉnh có 394 chi, đảng bộ cơ sở với 21.002 đảng viên; tất cả các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh đều có tổ chức cơ sở Đảng¹.

Đến tháng 12-2011, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang có 11 đảng bộ trực thuộc, gồm: Đảng bộ thành phố Tuyên Quang, Đảng bộ các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Nà Hang, Lâm Bình, Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh, Đảng bộ khối doanh nghiệp. Toàn tỉnh có 485 chi, đảng bộ cơ sở với 3.360 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, 42.726 đảng viên².

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XI (1-1992), tr. 39.

2. Báo cáo tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên năm 2011 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.



Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang khóa XI

2- Các kỳ đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang từ năm 1992 đến nay

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XI¹

Tổ chức từ ngày 20-1 đến ngày 22-1-1992, tại thị xã Tuyên Quang, có 200 đại biểu thay mặt cho trên 21 nghìn đảng viên trong tỉnh. Đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Nông Đức Mạnh, Ủy viên Bộ Chính trị đến dự và chỉ đạo Đại hội. Dự Đại hội còn có đại biểu lãnh đạo một số ban, bộ, ngành Trung ương; lãnh đạo Quân khu II, đại biểu cán bộ lão thành cách mạng...

Với chủ đề “Trí tuệ - đổi mới - dân chủ - kỷ cương - đoàn kết”, Đại hội thảo luận thông qua Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội VI

của Đảng và Nghị quyết Đại hội IV của Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên; đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu đến năm 1995 và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 1992-1996.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI gồm 41 đồng chí². Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu 11 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu là Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Vũ Tiệp là Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Trần Trung Nhật là Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XII

Tổ chức từ ngày 2-5 đến ngày 4-5-1996, tại thị xã Tuyên Quang, có 249 đại biểu đại diện cho 22.700 đảng viên trong tỉnh.



1. Trước khi sáp nhập với tỉnh Hà Giang, Đảng bộ Tuyên Quang có 6 kỳ đại hội (Đại hội lần thứ VI họp từ ngày 9-12 đến ngày 15-12-1974), giai đoạn tỉnh Hà Tuyên, Đảng bộ Hà Tuyên có 4 kỳ đại hội, do vậy Đại hội tháng 1-1992 là Đại hội lần thứ XI.

2. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XI, tháng 1-1992.

Đại hội đã nhận được điện chúc mừng của Tổng Bí thư Đỗ Mười; nhiều điện, thư chúc mừng của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

Đồng chí Phan Minh Tấnh, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Dân vận Trung ương đã về dự và chỉ đạo Đại hội. Dự Đại hội còn có đại biểu lãnh đạo các ban của Trung ương Đảng, đại biểu lãnh đạo nhiều bộ, ngành Trung ương, đại biểu lãnh đạo Quân khu II và một số tỉnh bạn; đại biểu cán bộ lão thành cách mạng và Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII là Đại hội góp phần vào việc tổng kết 10 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua việc kiểm điểm đánh giá những việc làm được, những việc chưa làm được; chỉ ra những ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và những kinh nghiệm tiến hành đổi mới trên các

lĩnh vực đời sống xã hội của tỉnh Tuyên Quang trong những năm qua.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII gồm 45 ủy viên. Tại kỳ họp thứ nhất, Ban Chấp hành đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí, bầu đồng chí Hà Thị Khiết, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng là Bí thư Tỉnh ủy¹, đồng chí Ngụy Văn Thận là Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Trần Trung Nhật là Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIII

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIII được tổ chức từ ngày 14-12 đến ngày 17-12-2000, tại thị xã Tuyên Quang; dự Đại hội có 250 đại biểu thay mặt cho hơn 27.000 đảng viên trong tỉnh. Đến dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; đại biểu lãnh đạo các ban,



1. Tháng 3-1998, đồng chí Hà Thị Khiết chuyển công tác về làm Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, đồng chí Trần Trung Nhật được bầu là Bí thư Tỉnh ủy.

ngành trung ương; đại biểu Quân khu II; các đồng chí nguyên là Bí thư, Phó Bí thư qua các thời kỳ, đại biểu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII nhiệm kỳ 2000-2005 là đại hội “*Dân chủ, Trí tuệ, Kỷ cương, Đoàn kết, Sáng tạo*”, nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững chắc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đại hội thống nhất đánh giá kết quả đạt được qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ VIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang khóa XIII gồm 45 ủy viên¹. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 ủy viên. Đồng chí

Trần Trung Nhật được bầu là Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Nguyễn Văn Thận, Hà Phúc Mịch được bầu là Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- *Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIV*

Tổ chức từ ngày 10-12 đến ngày 13-12-2005, có 250 đại biểu thay mặt cho trên 32 ngàn đảng viên trong tỉnh. Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Nội chính Trung ương thay mặt Ban Bí thư Trung ương Đảng dự và chỉ đạo Đại hội. Dự Đại hội còn có các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng đại diện các ban của Đảng, các bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Trung ương, Quân khu II, lãnh đạo các tỉnh Bình Thuận, Vĩnh Phúc; các đồng chí nguyên là Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy qua các thời kỳ, các đồng chí nguyên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII, các đồng chí lão thành cách mạng, Mẹ Việt Nam Anh hùng.



1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIII, tháng 12-2000, tr. 105-108.

Chủ đề của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIV là “*Dân chủ, kỷ cương, năng động, sáng tạo, chủ động hội nhập*”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang khóa XIV (nhiệm kỳ 2005-2010) gồm 47 đồng chí. Tại kỳ họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Hoàng Bình Quân, Ủy viên Trung ương Đảng được bầu lại là Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí: Nguyễn Sáng Vang và Lê Thị Quang được bầu lại là Phó Bí thư Tỉnh ủy¹.

- *Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XV*

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015 được tổ chức từ ngày 18-10 đến ngày 21-10-2010 tại Trung tâm Hội nghị tỉnh với sự tham dự của 315 đại biểu, thay mặt cho trên 40.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh.

Đại hội vinh dự đón đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đến dự và phát biểu chỉ đạo Đại hội. Dự Đại hội có các đồng chí Hà Thị Khiết, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Quang; các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng: Hoàng Bình Quân, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Quang; Đinh Thế Huynh, Tổng Biên tập Báo Nhân Dân; Trần Lưu Hải, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương; Trịnh Đình Dũng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; Nguyễn Minh Quang, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đại diện lãnh đạo các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Trung ương, Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Quân khu II; các đồng chí nguyên là Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh qua các thời kỳ; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV đã nghỉ hưu, chuyển công tác; đại diện cán bộ lão thành cách mạng, Mẹ Việt Nam Anh hùng.

Các đồng chí: Đỗ Mười, nguyên Tổng Bí thư; Lê Đức Anh, nguyên Chủ tịch nước; Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ; Phùng Quang Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng và một số bộ, ban, ngành Trung ương đã gửi lẵng hoa chúc mừng Đại hội.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV là Đại hội đánh dấu thời kỳ phát triển mới của tỉnh trên tất cả các lĩnh vực với chủ đề: “*Phát huy truyền thống quê hương cách mạng, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp đổi mới, sớm đưa Tuyên Quang thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển*” và phương châm hành động: “*Ổn định hài hòa, tập trung đột phá, khai thác tiềm năng, hội nhập phát triển*”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV gồm 55 đồng chí. Tại kỳ họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí; đồng chí Nguyễn Sáng Vang được bầu lại là Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Nguyễn Hữu Hoan, Đỗ Văn Chiến được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIV, tháng 12-2005.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang từ khóa XI đến khóa XV**BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XI**(Do Trung ương chỉ định, ngày 16-9-1991)¹

TT	Họ và tên	Nam Nữ	Dân tộc	Chức vụ
1	Hà Thị Khiết	Nữ	Tày	Bí thư Tỉnh ủy
2	Vũ Tiệp	Nam	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Trần Trung Nhật	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Quan Thị Việt	Nữ	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
5	Lê Quang Đôn	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Đào Tương	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Thương nghiệp
7	Hoàng Thế Viện	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
8	Nguyễn Văn Tiếp	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh
9	Nguyễn Đức Huyền	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
10	Đặng Ngọc Thanh	Nam	Dao	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
11	Nguyễn Trần Đạt	Nam	Kinh	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
12	Lâm Đại Nam	Nam	Cao Lan	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
13	Nguy Văn Thận	Nam	Kinh	Phó Giám đốc Liên hiệp xí nghiệp chè Tuyên Quang
14	Nguyễn Văn Đê	Nam	Kinh	Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh
15	Ma Trọng Tình	Nam	Tày	Trưởng ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh
16	Dương Văn Khoa	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Sơn Dương
17	Hoàng Đức Hỷ	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Yên Sơn
18	Hoàng Xuân Hiến	Nam	Cao Lan	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Yên Sơn
19	Nguyễn Văn Tý	Nam	Kinh	Bí thư Đảng ủy Dân - Chính - Đảng
20	Vũ Mạnh Thắng	Nam	Kinh	Phó Bí thư Đảng ủy Dân - Chính - Đảng

1. Theo Quyết định số 41-NS/TW, ngày 16-9-1991 của Bộ Chính trị về việc chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang và Tờ trình số 489/CV-TU, ngày 22-8-1991 của Tỉnh ủy Hà Tuyên, về việc chuẩn y Ban Chấp hành Tỉnh ủy (lâm thời) hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang.

21	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	Kinh	Giám đốc Xí nghiệp Liên hiệp dược
22	Phạm Trọng Lập	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Xây dựng
23	Vũ Quang Tiến	Nam	Kinh	Bí thư Tỉnh đoàn
24	Lê Hồng Vân	Nam	Kinh	Giám đốc Công ty Lương thực
25	Nguyễn Thị Hoan	Nữ	Kinh	Chủ tịch Công đoàn Liên hiệp xí nghiệp nông, công nghiệp chè
26	Bùi Ngọc Quế	Nam	Kinh	Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
27	Hoàng Hải	Nam	Tày	Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG

KHÓA XI, NHIỆM KỲ 1992-1996

(Được bầu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, ngày 21-1-1992)¹

TT	Họ và tên	Nam Nữ	Dân tộc	Chức vụ
1	Hà Thị Khiết	Nữ	Tày	Bí thư Tỉnh ủy
2	Vũ Tiệp	Nam	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Trần Trung Nhật	Nam	Kinh	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Lê Quang Đôn	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Quan Thị Việt	Nữ	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
6	Nguyễn Đức Huyền	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
7	Nguyễn Văn Tiếp	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh
8	Lâm Đại Nam	Nam	Cao Lan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
9	Hoàng Thế Viện	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
10	Đào Tương	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
11	Vũ Mạnh Thắng	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Yên Sơn
12	Nguyễn Công Mịch	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Sơn Dương
13	Phạm Thị Sung	Nữ	Kinh	Bí thư Thị ủy Tuyên Quang

1. Theo Quyết định 192-NS/TW, ngày 29-2-1992 của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang; báo *Tuyên Quang*, số 1956 ra ngày 23-1-1992 và Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang khóa XI, do Ban Chấp hành lâm thời giới thiệu.

14	Vũ Quang Tiến	Nam	Kinh	Bí thư Tỉnh đoàn
15	Đặng Ngọc Thanh	Nam	Dao	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
16	Hoàng Xuân Hiến	Nam	Cao Lan	Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
17	Phan Văn Bính	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải
18	Bàn Công Hiến	Nam	Dao	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
19	Dương Văn Khoa	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Nông - Lâm nghiệp
20	Hoàng Văn Phú	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Hàm Yên
21	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	Kinh	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
22	Phạm Văn Long	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Nà Hang
23	Nguy Văn Thận	Nam	Kinh	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh
24	Bùi Ngọc Quế	Nam	Kinh	Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
25	Hoàng Đình Chà	Nam	Kinh	Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
26	Nguyễn Văn Đê	Nam	Kinh	Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh
27	Hoàng Đức Hỷ	Nam	Kinh	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh
28	Ma Trọng Tình	Nam	Tày	Chánh Thanh tra nhà nước tỉnh
29	Hoàng Hải	Nam	Tày	Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh
30	Vũ Văn Nhân	Nam	Kinh	Giám đốc Xí nghiệp xi măng
31	Phạm Trọng Lập	Nam	Kinh	Phó Giám đốc Sở Xây dựng
32	Nguyễn Thị Hoan	Nữ	Kinh	Phó ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy
33	Hoàng Xuân Cháp	Nam	Cao Lan	Giám đốc Sở Tư pháp
34	Nguyễn Văn Tý	Nam	Kinh	Bí thư Đảng ủy Dân - Chính - Đảng
35	Nguyễn Trần Đạt	Nam	Kinh	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
36	Nông Quang Nhung	Nam	Tày	Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
37	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	Kinh	Giám đốc Xí nghiệp Liên hiệp dược
38	Nguyễn Thế An	Nam	Tày	Tổng Biên tập Báo Tuyên Quang
39	Nịnh Văn Độ	Nam	Cao Lan	Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
40	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	Kinh	Phó Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh
41	Nịnh Văn Long	Nam	Kinh	Trưởng ban Khoa học kỹ thuật tỉnh

Trong nhiệm kỳ khóa XI (1992-1996)

- Hội nghị giữa nhiệm kỳ đã bầu bổ sung 4 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ, gồm: Đồng chí Bàn Xuân Triều, Phó chủ nhiệm thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Trưởng ban Thư ký Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Nguyễn Văn Mạch, Tổng

Biên tập Báo Tuyên Quang; đồng chí Hà Thị Huyền, Bí thư Ban Cán sự Đảng, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và xã hội; đồng chí Riêu Ngọc Chính, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Sơn Dương.

- Có 1 đồng chí chuyển công tác.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG

KHÓA XII, NHIỆM KỲ 1996-2000

(Được bầu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, ngày 3-5-1996)

TT	Họ và tên	Nam Nữ	Dân tộc	Chức vụ
1	Hà Thị Khiết	Nữ	Tày	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Nguy Văn Thận	Nam	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Trần Trung Nhật	Nam	Kinh	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Quan Thị Việt	Nữ	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
5	Phạm Thị Sung	Nữ	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
6	Hoàng Thế Viện	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
7	Lê Quang Đôn	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy
8	Nguyễn Công Mịch	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
9	Lâm Đại Nam	Nam	Cao Lan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
10	Vũ Mạnh Thắng	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
11	Đặng Ngọc Thanh	Nam	Dao	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
12	Nguyễn Văn Tiếp	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh
13	Nguyễn Đức Huyền	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
14	Hoàng Đình Chà	Nam	Kinh	Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
15	Bàn Xuân Triều	Nam	Dao	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.
16	Đỗ Văn Chiến	Nam	Sán Dìu	Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
17	Nguyễn Thế An	Nam	Tày	Trưởng ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh
18	Nguyễn Văn Mịch	Nam	Kinh	Tổng Biên tập Báo Tuyên Quang
19	Nguyễn Trần Đạt	Nam	Kinh	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
20	Nông Quang Nhung	Nam	Tày	Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
21	Hoàng Văn Phú	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Hàm Yên
22	Lương Minh Sỹ	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương

23	Hoàng Hải	Nam	Tày	Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh
24	Phạm Văn Long	Nam	Tày	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh
25	Nguyễn Sáng Vang	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Nà Hang
26	Bàn Công Hiến	Nam	Dao	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
27	Nguyễn Thị Hoan	Nữ	Kinh	Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
28	Dương Văn Khoa	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Nông - Lâm nghiệp
29	Phạm Trọng Lập	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Xây dựng
30	Vũ Văn Nhân	Nam	Kinh	Giám đốc Xí nghiệp xi măng
31	Bùi Ngọc Quế	Nam	Kinh	Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
32	Nông Hải Việt	Nam	Tày	Bí thư Tỉnh đoàn
33	Phan Văn Bình	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải
34	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	Kinh	Cục trưởng Cục Thuế tỉnh
35	Nịnh Văn Long	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường
36	Âu Văn Hành	Nam	Cao Lan	Phó Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh
37	Tôn Thị Phương Toàn	Nữ	Mường	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
38	Bạch Hồng Hải	Nam	Kinh	Bí thư Thị ủy Tuyên Quang
39	Vũ Quang Tiến	Nam	Kinh	Phó Chánh Thanh tra nhà nước tỉnh
40	Lê Thị Hạ	Nữ	Tày	Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn
41	Nguyễn Thị Tuyến	Nữ	Kinh	Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh
42	Triệu Thị Sen	Nữ	Tày	Phó Giám đốc Sở Y tế
43	Hà Thị Huyền	Nữ	Tày	Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
44	Hà Phúc Mịch	Nam	Tày	Phó Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư
45	Lê Phi	Nam	Kinh	Giám đốc Nhà máy đường Tuyên Quang

Trong nhiệm kỳ khóa XII (1996-2000):

- Tháng 10-1997, đồng chí Phan Thanh Nghị, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Tháng 1-1998, đồng chí Hà Thị Khiết được Trung ương điều động về làm Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; tháng 2-1998, đồng chí Trần Trung Nhật, Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

- Tháng 5-1998, đồng chí Hà Phúc Mịch,

Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đồng chí Đỗ Văn Chiến, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Yên Sơn được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tháng 9-1998, đồng chí Lê Thị Quang, Giám đốc Sở kế hoạch - Đầu tư và đồng chí Lý Văn Bình, Phó Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Trong toàn khóa, có 4 đồng chí được điều động về công tác tại các cơ quan trung ương.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG

KHÓA XIII, NHIỆM KỲ 2000-2005

(Được bầu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, ngày 16-12-2000)¹

TT	Họ và tên	Nam	Dân tộc	Chức vụ
1	Trần Trung Nhật	Nam	Kinh	Bí Thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Nguy Văn Thận	Nam	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Hà Phúc Mịch	Nam	Tày	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Đỗ Văn Chiến	Nam	Sán Diu	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Yên Sơn
5	Bạch Hồng Hải	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Giám đốc Công an tỉnh
6	Hoàng Hải	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh
7	Nguyễn Công Mịch	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy Dân - Chính - Đảng, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh
8	Lê Thị Quang	Nữ	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Vũ Mạnh Thắng	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Nguyễn Sáng Vang	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
11	Phan Đăng Vinh	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
12	Tạ Hữu Biển	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Hàm Yên
13	Hà Hữu Chinh	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
14	Hà Thị Huyền	Nữ	Tày	Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
15	Giang Văn Huỳnh	Nam	Kinh	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên
16	Phạm Trọng Lập	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Xây dựng
17	Phan Thanh Nghị	Nam	Cao Lan	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
18	Bàn Xuân Triều	Nam	Dao	Trưởng ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh
19	Nguyễn Thế An	Nam	Tày	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
20	Nguyễn Thị Định	Nữ	Kinh	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
21	Nguyễn Hồng Thắng	Nam	Tày	Phó Giám đốc Sở Y tế
22	Tôn Thị Phương Toàn	Nữ	Mường	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
23	Nguyễn Thị Tuyền	Nữ	Kinh	Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Theo Quyết định số 999-QĐNS/TW, ngày 29-2-2000 của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang và Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIII, tháng 12-2000.

24	Nguyễn Thị Hoan	Nữ	Kinh	Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
25	Châu Văn Lâm	Nam	Tày	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nà Hang
26	Phạm Văn Lý	Nam	Kinh	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
27	Hà Thị Ngọc	Nữ	Kinh	Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
28	Vũ Văn Nhân	Nam	Kinh	Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
29	Ma Xuân Quang	Nam	Tày	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
30	Lương Minh Sỹ	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Sơn Dương
31	Hoàng Văn An	Nam	Kinh	Bí thư Thị ủy Tuyên Quang
32	Nông Hải Việt	Nam	Tày	Bí thư Tỉnh đoàn
33	Dương Văn Khoa	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
34	Triệu Kim Long	Nam	Dao	Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng
35	Trần Ngọc Thực	Nam	Kinh	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương
36	Bùi Thị Ngọc Vân	Nữ	Kinh	Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường
37	Âu Văn Hành	Nam	Cao Lan	Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh
38	Hoàng Thị Bích Hợp	Nữ	Kinh	Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá
39	Triệu Thị Sen	Nữ	Tày	Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em
40	Lý Văn Bình	Nam	Tày	Phó Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy
41	Mai Đức Thông	Nam	Tày	Phó Bí thư Tỉnh đoàn
42	Bùi Hữu Viện	Nam	Kinh	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn
43	Vũ Thị Bích Việt	Nữ	Kinh	Trưởng ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh
44	Vũ Quang Tiến	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Nà Hang
45	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	Kinh	Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy

Trong nhiệm kỳ khóa XIII (2000 - 2005):

- Tháng 7-2003, đồng chí Nguyễn Văn Thận, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được Trung ương điều về làm Phó Trưởng bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (lần 2); tháng 8-2004, đồng chí Nguyễn Sáng Vang, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

- Tháng 10-2003, đồng chí Vũ Quang Tiến, Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; đồng chí Châu Văn Lâm, Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Nà Hang được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tháng 6-2003, các đồng chí: Trần Quốc Hải, Giám đốc Bưu điện tỉnh; Trần Ngọc Thân, Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải; Đỗ Văn Toán, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Ngày 3-12-2003, Bộ Chính trị có Quyết định số 855-QĐNS/TW, điều đồng chí Hà Phúc Mịch, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam.

- Tháng 7-2004, đồng chí Lê Thị Quang, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

- Tháng 4-2004, các đồng chí: Nguyễn Hữu Hoan, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Yên Sơn; Hứa Minh Dịch, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Hàm Yên; Lưu Bích Thuận, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII.

- Tháng 10-2004, đồng chí Nguyễn Thị Thu Hà, Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Tuyên Quang; đồng chí Nguyễn Hữu Hoan, Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tháng 11-2004, các đồng chí: Vương Thị Kim Ngân, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa; Phạm Văn Thắng, Bí thư Ban Cán sự Đảng,

Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Hoàng Văn Thịnh, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Nà Hang được bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Ngày 8-12-2004, Bộ Chính trị có Quyết định số 1304-QĐNS/TW phân công đồng chí Hoàng Bình Quân, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham gia Ban Chấp hành, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Quang từ ngày 1-3-2005, thay đồng chí Trần Trung Nhật nghỉ hưu.

- Có 5 đồng chí chuyển công tác về các cơ quan của Trung ương, 11 đồng chí nghỉ chế độ.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG

KHÓA XIV, NHIỆM KỲ 2005-2010

(Được bầu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, ngày 12-12-2005)¹

TT	Họ và tên	Nam Nữ	Dân tộc	Chức vụ
1	Hoàng Bình Quân	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2	Nguyễn Sáng Vang	Nam	Tày	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội khóa XI tỉnh Tuyên Quang
3	Lê Thị Quang	Nữ	Kinh	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Đỗ Văn Chiến	Nam	Sán Dìu	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Nguyễn Hữu Hoan	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy Dân - Chính - Đảng
6	Vũ Quang Tiến	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
7	Châu Văn Lâm	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Bạch Hồng Hải	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh.

1. Theo Quyết định số 1595-QĐNS/TW, ngày 26-12-2005 của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang và Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIV (12-2005).

9	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thị ủy Tuyên Quang
10	Phạm Văn Lý	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
11	Giang Văn Huỳnh	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
12	Nguyễn Hồng Thắng	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
13	Tiêu Xuân Hồng	Nam	Cao Lan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
14	Vũ Thị Bích Việt	Nữ	Kinh	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
15	Tạ Hữu Biển	Nam	Kinh	Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh
16	Bàn Xuân Triều	Nam	Dao	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh
17	Lý Văn Bình	Nam	Tày	Giám đốc Sở Tư pháp
18	Tôn Thị Phương Toàn	Nữ	Mường	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
19	Hà Thị Ngọc	Nữ	Kinh	Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
20	Ma Xuân Quang	Nam	Tày	Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh
21	Hoàng Thị Bích Hợp	Nữ	Kinh	Giám đốc Sở Tài chính
22	Nguyễn Thị Định	Nữ	Kinh	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
23	Triệu Kim Long	Nam	Dao	Trưởng ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh
24	Hà Hữu Chinh	Nam	Tày	Phó Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
25	Trần Ngọc Thực	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư
26	Hoàng Văn An	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường
27	Mai Đức Thông	Nam	Tày	Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin
28	Trần Ngọc Thân	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Hàm Yên
29	Đỗ Văn Toán	Nam	Kinh	Chi Cục trưởng Chi Cục Kiểm lâm tỉnh
30	Hứa Minh Dịch	Nam	Tày	Giám đốc Sở Nội vụ
31	Lưu Bích Thuận	Nữ	Kinh	Bí thư Huyện ủy Yên Sơn
32	Hoàng Văn Thịnh	Nam	Kinh	Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
33	Vương Thị Kim Ngân	Nữ	Tày	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
34	Phạm Văn Thắng	Nam	Kinh	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
35	Phạm Minh Huấn	Nam	Kinh	Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
36	Tràng Thị Trinh	Nữ	Kinh	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
37	Trần Thị Ngọc Sáng	Nữ	Cao Lan	Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
38	Nguyễn Văn Sơn	Nam	Kinh	Bí thư Tỉnh đoàn
39	Triệu Thị Lún	Nữ	Dao	Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
40	Hứa Kiến Thiết	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Nà Hang

41	Nguyễn Đình Quang	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Sơn Dương, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội khóa XI tỉnh Tuyên Quang
42	Vũ Anh Quân	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Công nghiệp
43	Phạm Văn Quang	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải
44	Lê Thị Dung	Nữ	Kinh	Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
45	Phùng Quang Đông	Nam	Kinh	Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh
46	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	Tày	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương
47	Lý Minh Bình	Nam	Mông	Phó Trưởng ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh

Trong nhiệm kỳ khóa XIV (2005-2010)

- Tháng 5-2009, đồng chí Đỗ Văn Chiến được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay đồng chí Lê Thị Quang nghỉ chế độ; đồng chí Hứa Kiến Thiết được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tháng 6-2009, đồng chí Đỗ Văn Chiến được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Hoàng Bình Quân chuyển công tác về làm Trưởng ban Đối ngoại Trung ương; đồng chí Nguyễn Thị Thu Hà chuyển công tác; các đồng chí Châu Xuân Oanh, Phùng Thị Lan được Ban Bí

thư chỉ định bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Tháng 7-2009, đồng chí Nguyễn Sáng Vang được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Hữu Hoan được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, được phân công là Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Trần Ngọc Thực được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tháng 1-2010, các đồng chí Vũ Thị Bích Việt, Phạm Minh Huấn được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Trong nhiệm kỳ có 6 đồng chí nghỉ chế độ, 1 đồng chí từ trần.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG

KHÓA XV, NHIỆM KỲ 2010-2015

(Được bầu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, ngày 19-10-2010)¹

TT	Họ và tên	Nam Nữ	Dân tộc	Chức vụ
1	Nguyễn Sáng Vang	Nam	Tày	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội khóa XII tỉnh Tuyên Quang
2	Đỗ Văn Chiến	Nam	Sán Dìu	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Nguyễn Hữu Hoan	Nam	Kinh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
4	Vũ Quang Tiến	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Theo Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XV (10-2010).

5	Châu Văn Lâm	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Nguyễn Hồng Thắng	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
7	Vũ Thị Bích Việt	Nữ	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Tiêu Xuân Hồng	Nam	Cao Lan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
9	Hứa Kiến Thiết	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh
10	Phạm Minh Huấn	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Tuyên Quang
11	Lý Văn Bình	Nam	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
12	Trần Ngọc Thân	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan Dân - Chính - Đảng, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
13	Triệu Thị Lún	Nữ	Dao	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Yên Sơn
14	Nguyễn Văn Sơn	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Sơn Dương, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh khóa XII
15	Nguyễn Đình Quang	Nam	Kinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư
16	Hoàng Văn An	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường
17	Vũ Thị Bé	Nữ	Kinh	Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
18	Lê Quang Bích	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Tư pháp
19	Lý Minh Bình	Nam	Mông	Trưởng ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh
20	Hà Hữu Chinh	Nam	Tày	Trưởng ban Dân tộc tỉnh
21	Hứa Minh Dịch	Nam	Tày	Giám đốc Sở Nội vụ
22	Lê Thị Dung	Nữ	Kinh	Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
23	Lê Thị Kim Dung	Nữ	Kinh	Phó Giám đốc Sở Tài chính
24	Nguyễn Thị Định	Nữ	Kinh	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
25	Phùng Quang Đông	Nam	Kinh	Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh
26	Hà Thị Thu Hiền	Nữ	Tày	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh
27	Ma Thế Hồng	Nam	Tày	Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
28	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	Tày	Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
29	Nông Thị Bích Huệ	Nữ	Tày	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang
30	Phùng Thị Lan	Nữ	Kinh	Tổng Biên tập Báo Tuyên Quang
31	Triệu Kim Long	Nam	Dao	Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh

32	Đỗ Thị Ngân	Nữ	Kinh	Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh
33	Trần Thị Nguyệt	Nữ	Kinh	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
34	Châu Xuân Oanh	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Nà Hang
35	Phạm Hồng Phong	Nam	Kinh	Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang
36	Hoàng Việt Phương	Nam	Kinh	Phó Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang
37	Ma Xuân Quang	Nam	Tày	Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh
38	Phạm Văn Quang	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Giao thông - Vận tải
39	Phùng Tiến Quân	Nam	Kinh	Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
40	Trương Xuân Quý	Nam	Kinh	Phó Giám đốc Sở Công Thương
41	Phạm Trung Sơn	Nam	Kinh	Cục trưởng Cục Thuế tỉnh
42	Trịnh Ngọc Tân	Nam	Kinh	Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
43	Đỗ Hồng Thanh	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ
44	Hoàng Thị Thắm	Nữ	Tày	Phó Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
45	Lê Tiến Thắng	Nam	Kinh	Bí thư Huyện ủy Hàm Yên
46	Hoàng Văn Thịnh	Nam	Kinh	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
47	Mai Đức Thông	Nam	Tày	Bí thư Huyện ủy Chiêm Hóa
48	Trần Ngọc Thực	Nam	Kinh	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
49	Đỗ Văn Toán	Nam	Kinh	Chánh Thanh tra tỉnh
50	Lê Thị Thanh Trà	Nữ	Kinh	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
51	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	Kinh	Bí thư Tỉnh đoàn
52	Tạ Đức Tuyên	Nam	Kinh	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
53	Nguyễn Hưng Vượng	Nam	Kinh	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương
54	Phạm Thị Minh Xuân	Nữ	Kinh	Phó Trưởng ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh
55	Khánh Thị Xuyên	Nữ	Tày	Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

Trong nhiệm kỳ khóa XV (2010-2015)

- Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 1-2011), các đồng chí Nguyễn Sáng Vang, Đỗ Văn Chiến được bầu là Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Tháng 6-2011, đồng chí Châu Văn Lâm được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tháng 9-2011, đồng chí Đỗ Văn Chiến chuyển công tác làm Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái; đồng chí Châu Văn Lâm được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí

Phạm Minh Huấn được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tháng 7-2013, đồng chí Tiêu Xuân Hồng chuyển công tác.

- Tháng 12-2013, đồng chí Nguyễn Hữu Hoan nghỉ chế độ; các đồng chí Phùng Quang Đông, Phạm Thanh Tuấn được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tháng 2-2014, đồng chí Phạm Minh Huấn được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy, được phân công Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

II- CÁC CƠ QUAN CHUYÊN TRÁCH CỦA TỈNH ỦY

Các cơ quan chuyên trách giúp việc của Tỉnh ủy hiện nay gồm có: Các ban Đảng Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Báo Tuyên Quang và Trường Chính trị tỉnh.

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Ban Tổ chức Tỉnh ủy được thành lập năm 1948 với tên gọi ban đầu là Ban Đảng vụ.

Tổ chức bộ máy và biên chế của Ban Tổ chức Tỉnh ủy hiện nay gồm:

- Lãnh đạo Ban: Trưởng ban và các Phó Trưởng ban
- Văn phòng Ban
- Phòng Tổ chức cán bộ
- Phòng Cơ sở Đảng - đảng viên
- Phòng huyện, ban, ngành, sở
- Phòng Bảo vệ chính trị nội bộ

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY QUA CÁC THỜI KỲ¹

TT	Họ tên	Chức vụ Đảng	Thời gian giữ chức vụ Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
1	Đặng Hồng Tinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy	1948 - 1949
2	Hoàng Văn Bút (Bút Tân)	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	1950 – 6-1950
3	Ma Quang Lâm (Túc Thu)	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	7-1950 – 3-1951
4	Nguyễn Thanh	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	4-1951 - 1954
5	Nguyễn Gia Lượng (Nguyễn Gia Hạc)	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	1954 – 10-1956
6	Lê Đức Nhuận (Lê Tùng)	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	11-1956 – 1-1959
7	Vũ Kiên	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy	3-1959 – 12-1959
8	Đặng Trí	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy	1960 - 1969
9	Lê Hạnh	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	4-1969 – 11-1971
10	Lý Quang Hùng	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	12-1971 – 12-1973
11	Hoàng Đình Thư	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	1-1974 - 1975
12	Nguyễn Ngọc Chung	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	3-1976 – 2-1979
13	Nguyễn Văn Vĩnh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	3-1979 – 9-1986
14	Vũ Tiệp	- Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy - Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	10-1986 – 9-1991 11-1993 – 7-1995

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tuyên Quang 60 năm xây dựng và trưởng thành (xuất bản năm 2009).

15	Hoàng Thế Viện	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	10-1991 – 11-1993
16	Quan Thị Việt	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	7-1995 – 12-2000
17	Nguyễn Công Mịch	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	7-2001 – 5-2004
18	Nguyễn Sáng Vang	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	1-6-2004 đến 30-6-2004
19	Nguyễn Hữu Hoan	- Tỉnh ủy viên, Quyền Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	7-2004 – 10-2004 11-2004 – 8-2009
20	Nguyễn Hồng Thắng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy	Từ tháng 8-2009

2. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy hoạt động theo các nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh, được Ban Chấp hành Đảng bộ các khóa bầu ra (phân công) từ khóa I (tháng 4-1951), đến khóa XV, cụ thể:

1- Các nhiệm kỳ Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

- Đại hội Đảng bộ Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 1951-1959, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang khóa I, trong phiên họp lần thứ nhất (4-1951) đã quyết định phân công Trưởng ban, Phó ban, Ủy viên Ban Thanh tra, Ban Kiểm tra của Đảng.

- Đại hội Đảng bộ Tuyên Quang lần thứ II, nhiệm kỳ 1959-1961: Ủy ban Kiểm tra có 6 ủy viên.

- Đại hội Đảng bộ Tuyên Quang lần thứ III, nhiệm kỳ 1961-1963: Ủy ban Kiểm tra có 5 ủy viên.

- Đại hội Đảng bộ Tuyên Quang lần thứ IV nhiệm kỳ 1963-1969: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ủy ban kiểm tra gồm 5 ủy viên.

- Đại hội Đảng bộ Tuyên Quang lần thứ V nhiệm kỳ 1969-1973: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ủy ban kiểm tra gồm 9 ủy viên.

- Đại hội Đảng bộ Tuyên Quang lần thứ VI, nhiệm kỳ 1974-1977: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ủy viên kiểm tra gồm 7 ủy viên. Đến tháng 12-1976, hợp nhất 2 tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang thành tỉnh Hà Tuyên.

- Đại hội Đảng bộ Hà Tuyên lần thứ I, nhiệm kỳ 1977-1980: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ủy ban kiểm tra gồm 7 ủy viên.

- Đại hội Đảng bộ Hà Tuyên lần thứ II, nhiệm kỳ 1980-1983: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ủy ban kiểm tra gồm 9 ủy viên.

- Đại hội Đảng bộ Hà Tuyên lần thứ III, nhiệm kỳ 1983-1986: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ủy ban kiểm tra gồm 8 ủy viên.

- Đại hội Đảng bộ Hà Tuyên lần thứ IV, nhiệm kỳ 1986-1992: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ủy ban kiểm tra gồm 7 ủy viên.

- Đại hội Đảng bộ Tuyên Quang lần thứ XI, nhiệm kỳ 1992-1996: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ủy ban kiểm tra gồm 7 ủy viên.

- Đại hội Đảng bộ Tuyên Quang lần thứ XII, nhiệm kỳ 1996-2000: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ủy ban kiểm tra gồm 7 ủy viên.

- Đại hội Đảng bộ Tuyên Quang lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2001-2005: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ủy ban kiểm tra gồm 7 ủy viên.

- Đại hội Đảng bộ Tuyên Quang lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2005-2010: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ủy ban kiểm tra gồm 9 ủy viên.

- Đại hội Đảng bộ Tuyên Quang lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ủy ban kiểm tra gồm 11 ủy viên.

2- Tổ chức bộ máy của cơ quan Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy hiện nay gồm:

- Lãnh đạo cơ quan: Chủ nhiệm và 3 Phó Chủ nhiệm
- Văn phòng
- Phòng Nghiệp vụ I
- Phòng Nghiệp vụ II
- Phòng Nghiệp vụ III

TRƯỞNG BAN, CHỦ NHIỆM ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY QUA CÁC THỜI KỲ

TT	Họ tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ
1	Hoàng Thiếu Tráng	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy	1951 - 1959
2	Nguyễn Hùng (Nguyễn Liên)	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy	1959 - 1961
3	Lương Hồng Thái	Tỉnh ủy viên, Quyền Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy	1961 - 1963
4	Châu Đức Phương	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy	6-1963 – 3-1976
5	Hoàng Đình Thư	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy	1977 - 1980
6	Nguyễn Ngọc Chung	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy	1980 - 1986
7	Quan Thị Việt	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra	1986 - 1996
8	Phạm Thị Sung	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra	1996 - 2000
9	Hoàng Hải	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra	2001 - 2005
10	Phạm Văn Lý	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra	Từ 2005 đến tháng 10-2010
11	Lý Văn Bình	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra	Từ tháng 10-2010

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Tuyên Quang được thành lập đầu năm 1948. Ngày 14-8-1963, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Nghị quyết chuyển Ban Tuyên huấn thành Ban Tuyên giáo. Đến những năm 1980, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng (thành lập năm 1962) được sáp nhập vào Ban Tuyên giáo.

Tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hiện nay gồm:

- Lãnh đạo Ban: Trưởng ban và các Phó Trưởng ban
- Văn phòng Ban
- Phòng Lý luận chính trị
- Phòng Tuyên truyền - văn hoá, văn nghệ
- Phòng Thông tin công tác tuyên giáo
- Phòng Khoa giáo
- Phòng Lịch sử Đảng

CÁC TRƯỞNG BAN TUYÊN HUẤN, TRƯỞNG BAN TUYÊN TRUYỀN, TRƯỞNG BAN TUYÊN GIÁO, TRƯỞNG BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG QUA CÁC THỜI KỲ¹

TT	Họ tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ
1	Quyết Tâm	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tuyên huấn	1948-1949
2	Bùi Lê Hùng	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tuyên truyền	1950
3	Trần Văn Khiết	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Huấn học	1950
4	Dương Văn Phúc	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tuyên huấn	1956-1959
5	Vũ Kiên	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên huấn	1960-1962
6	Đặng Trí	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng	1962-1971
7	Lê Tùng	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo	1963-1965
8	Nguyễn Lập	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tuyên giáo	1967-1970
9	Phạm Mạnh Quý	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo	1970-1971
10	Lương Hải Bằng	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng	1972-1977
11	Ma Văn Hiệu	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên huấn	1975-1981
12	Đặng Quang Tiết	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên huấn	8-1981 – 8-1986 8-1987 – 1991
13	Đào Tương	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo	1991-1996
14	Nguyễn Công Mịch	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo	1996-2001
15	Vũ Quang Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo	2001 – 10-2005
16	Giang Văn Huỳnh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo	11-2005 – 1-2011
17	Nguyễn Văn Sơn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo	Tháng 2-2011 đến nay

4. Ban Dân vận Tỉnh ủy

Ban Dân vận Tỉnh ủy hình thành trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, sau đó giải thể. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, tháng 8-1977, Ban Dân vận Tỉnh ủy Hà Tuyên được thành lập. Từ năm 1988 đến năm 1992, Ban Dân vận Tỉnh ủy giải thể. Tháng 8-1992, Ban Dân vận Tỉnh ủy Tuyên Quang được tái lập.

Tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Tỉnh ủy hiện nay gồm:

- Lãnh đạo Ban: Trưởng ban và các Phó Trưởng ban
- Văn phòng Ban
- Phòng Đoàn thể và các hội quần chúng
- Phòng Dân tộc và Tôn giáo
- Phòng Công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tuyên Quang: *Truyền thống Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tuyên Quang (1948-2005)*, Tuyên Quang, 2005, tr. 185-186.

TRƯỞNG BAN DÂN VẬN TỈNH ỦY QUA CÁC THỜI KỲ

TT	Họ tên	Chức vụ Đảng	Thời gian giữ chức vụ
1	Kim Xuyên Lượng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận	1977-1979
2	Lê Hạnh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận	1980 -1983
3	Quan Ngọc Thuyết	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận	1984 -1985
4	Hoàng Xuân Hiến	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Dân vận	1986-1987 (1988-1992 Ban Dân vận giải thể)
5	Vũ Tiệp	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận	8-1992 – 10-1993
6	Hoàng Thế Viện	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận	12-1993 – 3-2001
7	Lương Minh Sỹ	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Dân vận	12-2001 – 11-2004 là Quyền Trưởng ban; 12-2004 – 12-2005 là Trưởng ban
8	Nguyễn Hồng Thắng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận	12-2005 – 4-2008
9	Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận	4-2008 – 7-2010
10	Triệu Thị Lún	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận	Tháng 2-2011 đến nay

5. Ban Nội chính Tỉnh ủy**1- Quá trình thành lập, tách, nhập, giải thể, tái lập Ban Nội chính Tỉnh ủy:**

- Ngày 12-9-1980, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên ban hành Quyết định số 941-QĐ/TU về việc thành lập Ban Nội chính Tỉnh ủy; Ban được bố trí 7 biên chế.

- Ngày 6-2-1988, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên ban hành Quyết định số 497-QĐ/TU về việc giải thể Ban Nội chính Tỉnh ủy; chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, tài sản về Văn phòng Tỉnh ủy quản lý và điều hành.

- Ngày 6-10-1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang ban hành Quyết định số 190-QĐ/TU về việc thành lập Ban Nội chính Tỉnh ủy; Ban được bố trí 5 biên chế.

- Ngày 26-11-2001, Ban Thường vụ Tỉnh

ủy ban hành Quyết định số 682-QĐ/TU về việc giải thể Ban Nội chính Tỉnh ủy; chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, tổ chức cán bộ, tài chính, tài sản về Văn phòng Tỉnh ủy.

- Ngày 20-6-2013, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 611-QĐ/TU thành lập Ban Nội chính Tỉnh ủy.

2- Tổ chức bộ máy và biên chế của Ban Nội chính Tỉnh ủy hiện nay

- Lãnh đạo Ban: Gồm Trưởng ban và 2 Phó Trưởng ban.

- Văn phòng: 6 biên chế, gồm: Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng; kế toán; văn thư, lưu trữ, thủ kho, thủ quỹ và 2 lái xe.

- Phòng Nghiệp vụ: 6 biên chế, gồm: trưởng phòng, các phó trưởng phòng và chuyên viên.

TRƯỞNG BAN NỘI CHÍNH TỈNH ỦY QUA CÁC THỜI KỲ

TT	Họ tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ
1	Lê Hạnh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng ban Nội chính	1980-1983
2	Nguyễn Văn Thận	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng ban Nội chính	1997-2001
3	Phùng Quang Đông	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Nội chính	Từ năm 2013 đến nay

6. Văn phòng Tỉnh ủy

Hình thành từ khi Tỉnh ủy Tuyên Quang được thành lập vào tháng 7-1945, đến cuối năm 1947, chính thức trở thành cơ quan chuyên trách của Tỉnh ủy.

Tổ chức bộ máy của Văn phòng Tỉnh ủy hiện nay gồm:

- Lãnh đạo Văn phòng: Chánh Văn phòng và các Phó Chánh Văn phòng.

- Phòng Tổng hợp
- Phòng Hành chính - Cơ yếu
- Phòng Lưu trữ
- Phòng Quản trị
- Phòng Tài chính Đảng
- Phòng Công nghệ thông tin
- Phòng Nội chính - Tiếp dân
- Nhà khách Kim Bình (đơn vị sự nghiệp có thu).

CHÁNH VĂN PHÒNG TỈNH ỦY QUA CÁC THỜI KỲ

TT	Họ tên	Chức vụ Đảng	Thời gian giữ chức vụ
1	Hoàng Thiếu Tráng	Tỉnh ủy viên	1947 - 1948; 1959 - 1960, 1974 - 1976.
2	Nguyễn Duy Ban		1948
3	Lê Quang Hợp		1948 - 1949
4	Đào Tuyên		1949 - 1950
5	Nguyễn Hoàng		1950
6	Vũ Đức		1950
7	Trần Thị Tích		1953 - 1954
8	Lê Minh		1954 - 1958
9	Phạm Mạnh Quỳ	Tỉnh ủy viên dự khuyết	1961
10	Nguyễn Huấn		1965 - 1968
11	Nguyễn Lập		1969 - 1970
12	Trần Đoan		1970 - 1974
13	Vũ Tiến	Tỉnh ủy viên	1976 - 1986
14	Đoàn Phương Lữ		1976 - 1977
15	Thieu Khắc Được	Tỉnh ủy viên	1986 - 1988
16	Trần Vũ Cự	Tỉnh ủy viên	1988 - 1991
17	Hoàng Đình Chà	Tỉnh ủy viên	1991 - 1997

18	Đỗ Đình Bảng		1994
19	Phạm Ngọc Quyết		1997 - 1998
20	Nguyễn Văn Mạch	Tỉnh ủy viên	1998 - 2002
21	Nguyễn Thị Thu Hà	Tỉnh ủy viên	2002 - 2004
22	Phạm Minh Huấn	Tỉnh ủy viên	2004 - 2008
23	Trần Ngọc Thân	Tỉnh ủy viên, từ tháng 10-2010 Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy	2008 – 2-2011
24	Ma Thế Hồng	Tỉnh ủy viên	2-2011 – 3-2013
25	Vũ Thị Bé	Tỉnh ủy viên	Từ tháng 4-2013 đến nay

7. Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh

Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh Tuyên Quang thành lập ngày 14-10-1963 theo Nghị quyết số 30-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ban đầu Ban có 5 đồng chí; ngày 1-11-1979, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên ra Nghị quyết số 685-NQ/TU về kiện toàn Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh Hà Tuyên; ngày 4-5-1991, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang ra Nghị quyết số 33-NQ/TU về việc thành lập Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh Tuyên Quang.

Tổ chức bộ máy của Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh hiện nay gồm:

- Lãnh đạo Ban gồm:
 - + Trưởng ban: Đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy kiêm nhiệm
 - + Các Phó Trưởng ban: 1 bác sĩ Phó Trưởng ban chuyên trách làm nhiệm vụ thường trực và 2 đồng chí Phó Trưởng ban kiêm nhiệm (Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy và Giám đốc Sở Y tế).
- Các ủy viên: Làm nhiệm vụ kiêm nhiệm
- Bộ phận thường trực chuyên trách, gồm: Văn phòng Ban; Phòng quản lý sức khỏe cán bộ.

TRƯỞNG BAN BẢO VỆ SỨC KHOẺ CÁN BỘ TỈNH QUA CÁC THỜI KỲ

TT	Họ tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ
1	Nguyễn Hữu Thành	Phó Ty Y tế - Trưởng ban	1963 - 1968
2	Nguyễn Quang Khang	Trưởng Ty Y tế - Trưởng ban	1968 - 1972
3	Lý Quang Hùng	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy - Trưởng ban	1972 - 1973
4	Hoàng Đình Thư	Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy - Trưởng ban	1-1974 – 1975
5	Nguyễn Ngọc Chung	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy - Trưởng ban	3-1976 – 2-1979
6	Nguyễn Văn Vĩnh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy - Trưởng ban	3-1979 – 9-1986
7	Vũ Tiệp	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy - Trưởng ban	10-1986 – 9-1991 11-1993 – 7-1995
8	Hoàng Thế Viện	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy - Trưởng ban	10-1991 – 1-1993

9	Quan Thị Việt	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy - Trưởng ban	7-1995 – 12-2000
10	Nguyễn Công Mịch	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy - Trưởng ban	7-2001 – 5-2004
11	Nguyễn Sáng Vang	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy - Trưởng ban	6-2004
12	Nguyễn Hữu Hoan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy - Trưởng ban	7-2004 – 4-2008
13	Nguyễn Hồng Thắng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy - Trưởng ban	Từ tháng 4-2008 đến nay

8. Báo Tuyên Quang

Báo Tuyên Quang là cơ quan ngôn luận của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang. Báo Tuyên Quang được thành lập theo Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 3-12-1964 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ra số đầu tiên ngày 3-2-1965 (tiền thân của báo *Tuyên Quang* là *Tờ tin Tuyên Quang*, ra số đầu tiên ngày 1-5-1958).

Tháng 4-1976, hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang hợp nhất thành tỉnh Hà Tuyên, báo *Tuyên Quang* và báo *Hà Giang* cũng sáp nhập thành báo *Hà Tuyên*. Tháng 10-1991, Hà Tuyên tách thành hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang, báo *Hà Tuyên* được chia tách thành báo *Tuyên Quang* và báo *Hà Giang*.

Khi mới ra đời, báo *Tuyên Quang* xuất bản mỗi tuần một kỳ, 4 trang, khổ 27 x 39 cm. Năm 1996, báo mở rộng khuôn

khổ 42 x 57 cm. Năm 2002, báo tăng kỳ xuất bản lên 3 kỳ/tuần. Từ năm 2009, báo đổi sang khổ nhỏ 29 x 42 cm, tăng lên 8 trang/kỳ, trang 1 và 8 in 4 màu. Năm 2010, báo tăng lên 12 trang/kỳ; số lượng phát hành gần 8.000 tờ/kỳ.

Từ năm 1996, báo *Tuyên Quang* phát hành thêm tờ *Tin ảnh Tuyên Quang vùng cao*, 4 trang khổ 23,5 x 34 cm.

Từ năm 2007, báo *Tuyên Quang* có thêm báo *Tuyên Quang điện tử*.

Tổ chức bộ máy của Báo Tuyên Quang hiện nay gồm:

- Ban Biên tập gồm: Tổng Biên tập, các Phó Tổng biên tập
- Phòng Thư ký - Bạn đọc.
- Phòng Phóng viên kinh tế
- Phòng Phóng viên Xây dựng Đảng - Nội chính

- Phòng Phóng viên Văn hoá - Xã hội
- Phòng Báo điện tử
- Phòng Hành chính - Trị sự

TỔNG BIÊN TẬP BÁO TUYÊN QUANG QUA CÁC THỜI KỲ

TT	Họ tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Lập	1965 - 1969	Khi đó là Chủ nhiệm chính trị
2	Phạm Kim Quy	1976 - 1983	
3	Phí Văn Tường	1983 - 1987	
4	Nguyễn Thế An	1988 - 1993	
5	Nguyễn Văn Mạch	1993 - 1998	
6	Nguyễn Việt Thanh	1999 - 2004	
7	Phùng Thị Lan	Từ năm 2004 đến nay	

9. Trường Chính trị tỉnh

Được thành lập tháng 6-1957 với tên gọi là Trường Đảng tỉnh. Năm 1992, Trường Đảng tỉnh được sáp nhập với Trường Dân vận, Trường Hành chính, Trường Phổ thông lao động thành Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tỉnh. Năm 1994, Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được đổi tên thành Trường Chính trị tỉnh.

Tổ chức bộ máy Trường Chính trị hiện nay gồm:

- Ban Giám hiệu: Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng
- Khoa Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh
- Khoa Xây dựng Đảng
- Khoa Dân vận
- Khoa Nhà nước và Pháp luật
- Phòng Đào tạo
- Phòng Nghiên cứu Khoa học - Thông tin - Tư liệu
- Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH QUA CÁC THỜI KỲ

TT	Họ tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Dương Văn Phúc	6-1957 – 1960	
2	Lê Tùng	1962 - 1967	
3	Trần Hoài Quang	1967 - 1975	
4	Ma Văn Hiệu	1975 - 1976	
5	Dương Văn TỰ	1976 - 1988	
6	Sâm Viết Ngôn	1988 - 1991	
7	La Trúc Bạch	1992 - 1996	
8	Nguyễn Công Mịch	1996 - 2002	
9	Mai Cơ	7-2005 – 8-2011	Từ năm 2003 đến tháng 6-2005 là Quyền Hiệu trưởng
10	Ngô Xuân Minh	Từ tháng 3-2012 đến nay	

Chương II

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

I- ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA I TỈNH TUYÊN QUANG

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tổ chức ngày 6-1-1946, nhiệm kỳ từ tháng 3-1946 đến tháng 7-1960, kéo dài 15 năm 4 tháng. Tỉnh Tuyên Quang có 2 đại biểu:

Họ và tên	Ghi chú
1. Ma Văn Kinh	Sinh năm 1893, dân tộc Tày, quê huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang
2. Tạ Xuân Thu (Tạ Quốc Tiêu)	Sinh năm 1916, dân tộc Kinh, quê xã Tây Giang, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Quang

II- ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA II TỈNH TUYÊN QUANG

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa II (1960-1964) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tổ chức ngày 8-5-1960. Tỉnh Tuyên Quang có 4 đại biểu:

Họ và tên	Ghi chú
1. Nịnh Văn Bình (tức Sửu)	Sinh năm 1921, dân tộc Sán Chay, quê huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chủ nhiệm hợp tác xã xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn
2. Hồ Đắc Di	Sinh năm 1900, dân tộc Kinh, quê huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên-Huế. Bác sĩ, Giám đốc Vụ Đại học và Trung học chuyên nghiệp
3. Quan Văn Quý (Ngọc Thuyết)	Sinh năm 1929, dân tộc Tày, quê huyện Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang. Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Nà Hang.
4. Bàn Chí Thanh (Hàm)	Sinh năm 1927, dân tộc Dao, quê huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ủy ban hành chính Khu tự trị Việt Bắc, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Tuyên Quang.

III- ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA III TỈNH TUYÊN QUANG

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa III (1964 - 1971) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tổ chức ngày 26-4-1964. Tỉnh Tuyên Quang có 4 đại biểu:

Họ và tên	Ghi chú
1. Trần Văn Hòe	Sinh năm 1927, dân tộc Kinh, quê Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ. Bí thư chi bộ xã
2. Nông Thị Lang	Sinh năm 1937, dân tộc Tày, quê tỉnh Tuyên Quang. Ủy viên Ban Quản trị hợp tác xã, Hội phó Hội Phụ nữ xã
3. Bàn Chí Thanh (Hàm)	Sinh năm 1927, dân tộc Dao, quê huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Tuyên Quang
4. Hoàng Đình Thử	Sinh năm 1923, dân tộc Sán Chay, quê huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Trưởng ban Công tác nông thôn tỉnh Tuyên Quang

IV- ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA IV TỈNH TUYÊN QUANG

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa IV (1971-1975) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tổ chức ngày 11-4-1971. Tỉnh Tuyên Quang có 6 đại biểu:

Họ và tên	Ghi chú
1. Nguyễn Thị Tám	Sinh năm 1948, quê tỉnh Tuyên Quang. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, công nhân Nông trường Tháng 10, tỉnh Tuyên Quang
2. Nguyễn Tạo	Sinh năm 1905, quê huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp
3. Bàn Chí Thanh	Sinh năm 1927, dân tộc Dao, quê huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Tuyên Quang
4. Hoàng Đình Thử	Sinh năm 1923, dân tộc Sán Chay, quê huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Ủy viên Thư ký Ủy ban hành chính tỉnh Tuyên Quang
5. Quan Thị Toan	Sinh năm 1947, dân tộc Tày, quê tỉnh Tuyên Quang. Ủy viên Ủy ban hành chính xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa
6. Lê Văn Tra	Sinh năm 1930, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Đội trưởng Đội sản xuất 20-7, Nông trường Sông Lô, Tuyên Quang

V- ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA V TỈNH TUYÊN QUANG

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa V (1975-1976) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tổ chức ngày 6-4-1975. Tỉnh Tuyên Quang có 6 đại biểu:

Họ và tên	Ghi chú
1. Phạm Quang Khải	Sinh năm 1937, quê huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phú. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Đội trưởng Đội sản xuất Nông trường Tân Trào, huyện Sơn Dương
2. Trần Thị Lạ	Sinh năm 1948, dân tộc Tày, quê huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Ủy viên Ban Chấp hành Huyện đoàn thanh niên, Hội trưởng Hội Phụ nữ xã Hòa An, huyện Chiêm Hóa

3. Nguyễn Tạo	Sinh năm 1905, quê huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp Trung ương, Ủy viên Ủy ban Dự án pháp luật của Quốc hội
4. Tống Huy Tăng	Sinh năm 1948, quê huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổ trưởng sản xuất Lâm trường Sơn Dương
5. Bàn Chí Thanh (Hàm)	Sinh năm 1927, dân tộc Dao, quê huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Tuyên Quang, Ủy viên Ủy ban Dân tộc của Quốc hội
6. Hoàng Đình Thử	Sinh năm 1923, dân tộc Sán Chay, quê huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Tuyên Quang, Ủy viên Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội

VI- ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA VI TỈNH HÀ TUYÊN

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa VI (1976 - 1981) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức ngày 25-4-1976. Tỉnh Hà Tuyên có 7 đại biểu:

Họ và tên	Ghi chú
1. Vũ Văn Cần	Sinh năm 1915, quê tỉnh Hải Hưng. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Y tế
2. Lò Mí Chinh	Sinh năm 1946, dân tộc Lô Lô, quê huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Tuyên
3. Cháng Văn Dùi	Sinh năm 1935, dân tộc Dao, quê tỉnh Hà Tuyên. Cán bộ Ủy ban nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Tuyên
4. Hà Quang Dự	Sinh năm 1945, dân tộc Tày, quê xã Tân An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Kỹ sư nông nghiệp, Tỉnh ủy viên, Bí thư Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh tỉnh Hà Tuyên, Ủy viên Ủy ban Y tế và Xã hội của Quốc hội
5. Vũ Mí Ké (tức Vũ Mí Đình)	Sinh năm 1930, dân tộc Mông, quê huyện Đông Văn, tỉnh Hà Giang. Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên; Ủy viên Ủy ban Dân tộc của Quốc hội
6. Nguyễn Thị Lâm	Sinh năm 1937, dân tộc Sán Chay, quê tỉnh Hà Tuyên. Phó Hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Hà Tuyên; Ủy viên Ủy ban Dân tộc của Quốc hội
7. Nguyễn Văn Lượng	Sinh năm 1941, quê tỉnh Hải Hưng. Công nhân điện, Xí nghiệp Cơ khí Tuyên Quang, Ty Công nghiệp Hà Tuyên

VII- ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA VII TỈNH HÀ TUYÊN

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa VII (1981-1987) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức ngày 26-4-1981. Tỉnh Hà Tuyên có 7 đại biểu:

Họ và tên	Ghi chú
1. Lò Mí Chinh	Sinh năm 1946, dân tộc Lô Lô, quê huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Tuyên; Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội
2. Phạm Thị Minh Hà	Sinh năm 1950, quê tỉnh Hà Nam Ninh. Bác sĩ Bệnh viện A Tuyên Quang; Ủy viên Ủy ban Y tế và Xã hội của Quốc hội.
3. Vũ Mí Ké (tức Vũ Mí Đình)	Sinh năm 1930, dân tộc Mông, quê huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên; Ủy viên Ủy ban Kinh tế, Kế hoạch và Ngân sách của Quốc hội
4. Nguyễn Thị Lâm	Sinh năm 1937, dân tộc Sán Chay, quê tỉnh Hà Tuyên. Phó Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hà Tuyên; Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội.
5. Dương Thành Mậu	Sinh năm 1934, quê tỉnh Bắc Thái. Giám đốc Công ty Nguyên liệu giấy sợi Bắc Quang, Hà Tuyên
6. Hà Tế	Sinh năm 1930, dân tộc Tày, quê tỉnh Hà Tuyên. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại tá, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Tuyên
7. Triệu Đức Thanh	Sinh năm 1942, dân tộc Dao, quê tỉnh Hà Tuyên. Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên, Bí thư Huyện ủy Hoàng Su Phì; Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội

VIII- ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA VIII TỈNH HÀ TUYÊN

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa VIII (1987-1992) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức ngày 19-4-1987. Tỉnh Hà Tuyên có 7 đại biểu:

Họ và tên	Ghi chú
1. Dương Minh Chương	Sinh năm 1945, dân tộc Mông, quê xã Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Tuyên
2. Đặng Văn Đồng	Sinh năm 1938, dân tộc Dao, quê xã Sín Chải, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Thường vụ Huyện ủy, Trung tá, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Tuyên
3. Nguyễn Văn Đức	Sinh năm 1923, quê xã Thượng Trưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phú. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội
4. Âu Văn Hành	Sinh năm 1954, dân tộc Cao Lan, quê xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Huyện ủy viên, Trưởng ban Tổ chức chính quyền Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Hà Tuyên; Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội

5. Nông Quang Lù	Sinh năm 1939, dân tộc La Chí, quê huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Tuyên; Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội
6. Trần Trung Nhật	Sinh năm 1943, quê xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam Ninh. Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên
7. Chúng Thị Phà	Sinh năm 1943, dân tộc Tày, quê xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Huyện ủy viên, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Tuyên

IX- ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA IX TỈNH TUYÊN QUANG

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa IX (1992-1997) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức ngày 19-7-1992. Tỉnh Tuyên Quang có 4 đại biểu:

Họ và tên	Ghi chú
1. Hà Quang Dự	Sinh năm 1945, dân tộc Tày, quê xã Tân An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Kỹ sư nông nghiệp, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng phụ trách công tác thanh niên và thể dục thể thao
2. Âu Văn Hành	Sinh năm 1954, dân tộc Cao Lan, quê xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội
3. Hoàng Đức Hỷ	Sinh năm 1936, quê xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang
4. Hà Thị Khiết	Sinh năm 1950, dân tộc Tày, quê xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Ủy viên Ủy ban về Các vấn đề xã hội của Quốc hội

X- ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA X TỈNH TUYÊN QUANG

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa X (1997-2002) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức ngày 20-7-1997. Tỉnh Tuyên Quang có 5 đại biểu:

Họ và tên	Ghi chú
1. Lê Thị Kim Dung	Sinh năm 1968, quê xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, giáo viên Trường phổ thông trung học chuyên tỉnh Tuyên Quang
2. Hà Quang Dự	Sinh năm 1945, dân tộc Tày, quê xã Tân An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục - Thể thao

3. Âu Văn Hành	Sinh năm 1954, dân tộc Cao Lan, quê xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh Tuyên Quang; Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội.
4. Hà Thị Khiết (tức Hà Thị Khích)	Sinh năm 1950, dân tộc Tày, quê xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Ủy viên Ủy ban về Các vấn đề xã hội của Quốc hội
5. Nguyễn Phúc Thanh	Sinh năm 1944, quê xã Khai Thái, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây. Trung tướng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội

XI- ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XI TỈNH TUYÊN QUANG

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI (2002-2007) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức ngày 19-5-2002. Tỉnh Tuyên Quang có 6 đại biểu:

Họ và tên	Ghi chú
1. Nguyễn Sáng Vang	Sinh năm 1957, dân tộc Tày, quê xã Lăng Can, huyện Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang. Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang
2. Hà Thị Khiết (Hà Thị Khích)	Sinh năm 1950, dân tộc Tày, quê xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam
3. Nguyễn Thị Sáu	Sinh năm 1959, dân tộc Kinh, quê xã Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng Trường phổ thông trung học Hàm Yên, Tuyên Quang
4. Nguyễn Đình Quang	Sinh năm 1959, dân tộc Kinh, quê xã Ý La, thị xã Tuyên Quang. Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Sơn Dương, Ủy viên Hội đồng Khoa học tỉnh
5. Hoàng Văn Toái	Sinh năm 1950, dân tộc Tày, quê xã Xuân Giang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Đại tá, Phó Tư lệnh Quân khu 2
6. Triệu Thị Lún	Sinh năm 1964, dân tộc Dao, quê xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh

XII- ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XII TỈNH TUYÊN QUANG

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa XII (2007-2011) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức ngày 20-5-2007. Tỉnh Tuyên Quang có 6 đại biểu:

Họ và tên	Ghi chú
1. Nguyễn Sáng Vang	Sinh năm 1957, dân tộc Tày, quê xã Lăng Can, huyện Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang. Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy ¹ , Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang
2. Hà Thị Khiết (tức Hà Thị Khích)	Sinh năm 1950, dân tộc Tày, quê xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban Dân vận Trung ương
3. Đinh Thế Huynh	Sinh năm 1953, quê xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy, Tổng biên tập Báo Nhân dân, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam; Ủy viên Ủy ban đối ngoại của Quốc hội
4. Nguyễn Văn Sơn	Sinh năm 1970, dân tộc Kinh, quê xã Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Phó Trưởng đoàn chuyên trách Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang; Ủy viên Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội
5. Phan Thị Mỹ Bình	Sinh năm 1974, dân tộc Sán Chay, quê xã Đại Phú, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Tuyên Quang, Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn, Bí Thư Thị Đoàn Tuyên Quang; Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội
6. Trương Xuân Quý	Sinh năm 1975, dân tộc Kinh, quê xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Giám đốc Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp - Sở Công nghiệp tỉnh Tuyên Quang

XIII- ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XIII TỈNH TUYÊN QUANG

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa XIII (2011-2016) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức ngày 22-5-2011. Tỉnh Tuyên Quang có 6 đại biểu¹:

Họ và tên	Ghi chú
1. Nguyễn Sáng Vang	Sinh năm 1957, dân tộc Tày, quê xã Lăng Can, huyện Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang
2. Hoàng Bình Quân	Sinh năm 1959, dân tộc Kinh, quê xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương

1- Tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ 16, đồng chí Nguyễn Sáng Vang, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội của tỉnh đã được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Quang nhiệm kỳ 2005-2010. Tháng 9-2011, đại biểu Đỗ Văn Chiến chuyển sinh hoạt về Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Yên Bái.

3. Đỗ Văn Chiến	Sinh năm 1962, dân tộc Sán Dìu, quê xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang
4. Âu Thị Mai	Sinh năm 1978, quê xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang
5. Hoàng Việt Phương	Sinh năm 1965, quê xã Nam Trung, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay là Phó Trưởng đoàn chuyên trách Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh
6. Ma Thị Thúy	Sinh năm 1978; quê xã Hà Lang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Tuyên Quang.

Chương III

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC TỈNH TUYÊN QUANG

I- HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

1. Các nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh

- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa I (1946-1949), bầu ngày 6-1-1946, có 20 hội viên chính thức, 7 hội viên dự khuyết.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa II (1949-1952), bầu ngày 15-8-1949, có 18 đại biểu; tháng 3-1950 bầu bổ sung 2 đại biểu. Tổng số 20 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa III (1952-1959), bầu ngày 20-2-1952, có 20 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa IV, nhiệm kỳ 1959-1962, bầu ngày 15-5-1959, có 53 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa V, nhiệm kỳ 1962-1965, bầu ngày 25-3-1962, có 59 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa VI, nhiệm kỳ 1965-1968, bầu ngày 25-4-1965, có 65 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa VII, nhiệm kỳ 1968-1971, bầu ngày 28-4-1968, có 73 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa VIII, nhiệm kỳ 1971-1974, bầu ngày 25-4-1971, có 76 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa IX, nhiệm kỳ 1974-1976, bầu ngày 5-5-1974, có 80 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tuyên hợp nhất (1976-1977).

Tháng 2-1976, Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tuyên được hợp nhất trên cơ sở Hội đồng nhân dân 2 tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang, có 158 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tuyên khóa I, nhiệm kỳ 1977-1981, bầu ngày 15-5-1977, có 120 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tuyên khóa II, nhiệm kỳ 1981-1985, bầu ngày 26-4-1981, có 123 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tuyên khóa III, nhiệm kỳ 1985-1989, bầu ngày 21-4-1985, có 118 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tuyên khóa IV, nhiệm kỳ 1989-1994, bầu ngày 19-11-1989, có 95 đại biểu; tháng 9-1991, tách tỉnh, Tuyên Quang còn 52 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIV, nhiệm kỳ 1994-1998, bầu ngày 20-11-1994, có 52 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XV, nhiệm kỳ 1998-2004, bầu ngày 14-11-1999, có 54 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVI, nhiệm kỳ 2004-2011, bầu ngày 25-4-2004, có 57 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVII, nhiệm kỳ 2011-2016, bầu ngày 22-5-2011, có 58 đại biểu.

2. Tổ chức bộ máy của Hội đồng nhân dân tỉnh

Tổ chức bộ máy của Hội đồng nhân dân tỉnh có: Thường trực Hội đồng nhân dân (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh) và các ban của Hội đồng nhân dân.

CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH VÀ ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUA CÁC THỜI KỲ

Khóa	Nhiệm kỳ	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang				
I	1946 - 1949			Từ năm 1946 đến năm 1989 chỉ có Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính
II	1949 - 1952			
III	1952 - 1959			
IV	1959 - 1962			
V	1962 - 1965			
VI	1965 - 1968			
VII	1968 - 1971			
VIII	1971 - 1974			
IX	1974 - 1976			
Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tuyên¹				
	2-1976 – 1977			
I	1977 - 1981			
II	1981 - 1985			
III	1985 - 1989			
IV	1989 - 1991	- Hà Thị Khiết	- Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tuyên	
		- Giàng Văn Quấy	- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tuyên	
	1991- 1994	- Hà Thị Khiết	- Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	
		- Lâm Đại Nam	- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	
Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang				
XIV	1994 - 1998	- Hà Thị Khiết	- Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh	
		- Lâm Đại Nam	- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh	

1. Tháng 9-1991, tỉnh Hà Tuyên được tách thành hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang.

XV	1998 - 2004	- Trần Trung Nhật - Nguyễn Sáng Vang	- Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
XVI	2004-2011	- Nguyễn Sáng Vang - Vũ Quang Tiến - Tạ Hữu Biển	- Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh - Ủy viên Thường trực
XVII	2011-2016	- Nguyễn Sáng Vang - Vũ Quang Tiến - Triệu Kim Long	- Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh - Ủy viên Thường trực

1- Các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh qua các nhiệm kỳ

Từ nhiệm kỳ 1985-1989, theo luật, Hội đồng nhân dân tỉnh bắt đầu có các ban. Cụ thể:

- Nhiệm kỳ 1985-1989, các ban: Ban Ngân sách; Ban Thương nghiệp; Ban Văn hóa - xã hội; Ban Pháp chế; Ban Giáo dục Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng; Ban Dân tộc; Ban Thư ký.

- Nhiệm kỳ 1989-1994, các ban: Ban Kinh tế - Kế hoạch và Ngân sách; Ban Văn hóa - Xã hội; Ban Pháp chế; Ban Dân tộc.

- Từ nhiệm kỳ 1994-1999, 1999-2004, 2004-2014, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thành lập 3 ban: Ban Kinh tế và Ngân sách; Ban Văn hóa - Xã hội; Ban Pháp chế.

- Từ nhiệm kỳ 2011-2016, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có 4 ban: Ban Kinh tế và Ngân sách; Ban Văn hóa - Xã hội; Ban Pháp chế; Ban Dân tộc.

Số lượng thành viên của mỗi ban do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

CÁC TRƯỞNG BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUA CÁC THỜI KỲ

Ban Kinh tế, Ban Ngân sách, Ban Thương nghiệp, Ban Kinh tế - Kế hoạch và Ngân sách

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Giàng Văn Quẩy	1985 - 1989	Ban Ngân sách
2	Dương Minh Toại	1985 - 1989	Ban Thương nghiệp
3	Trần Vũ Cự	1990 - 1991	Ban Kinh tế - Kế hoạch và Ngân sách
4	Bùi Ngọc Quế	1991 - 1996	Ban Kinh tế - Ngân sách
5	Hoàng Thị Bích Hợp	1996 - 1999	Ban Kinh tế - Ngân sách
6	Nguyễn Sáng Vang	1999 - 2004	Ban Kinh tế - Ngân sách
7	Nguyễn Thị Hạnh	Từ năm 2004 đến tháng 5-2011	Ban Kinh tế - Ngân sách
8	Khánh Thị Xuyên	Từ tháng 6-2011 đến nay	Ban Kinh tế - Ngân sách

Ban Văn hóa - Xã hội

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Hoàng Thị Độ	1985 - 1989	
2	Nguyễn Thế An	1990 - 1996	
3	Riêu Ngọc Chính	1996 - 1999	
4	Vũ Thị Bích Việt	1999 - 2004	
5	Triệu Kim Long	2004 - 2006	
6	Lý Minh Bình	2006 đến tháng 5-2011	
7	Phạm Thị Minh Xuân	Từ tháng 6-2011 đến nay	

Ban Pháp chế

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Đình Văn	1985 - 1989	
2	Ma Trọng Tình	1990 - 1994	
3	Lê Quang Đôn	1994 - 1996	
4	Bàn Xuân Triều	1996 - 2004	
5	Tạ Hữu Biển	Từ năm 2004 đến tháng 5-2011	
6	Ma Việt Dũng	Từ tháng 6-2011 đến nay	

Ban Dân tộc (1985-1994)

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Chào Chấn Khuấn	1985 - 1989	
2	Triệu Đức Thanh	1989 - 1991	
3	Bàn Xuân Triều	1991 - 1994	Từ năm 1994 đến năm 2011 Hội đồng nhân dân tỉnh không có Ban Dân tộc
4	Lý Minh Bình	Từ tháng 6-2011 đến nay	

- Ban Thư ký: Nguyễn Minh Viễn (1985-1989).

- Ban Giáo dục Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng: Lưu Đình Lã (1985-1989).

2- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được thành lập theo Quyết định số 25/QĐ-HĐND16, ngày 1-9-2005 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với tên gọi Văn phòng Hội đồng nhân dân và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang. Ngày 11-12-2007, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII ra Nghị quyết số 545/2007/UBTVQH12, theo đó, tên gọi của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang được đổi là Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

*Các chánh văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh
qua các thời kỳ*

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Ma Thế Trân	2005 - 2008	
2	Nguyễn Thị Độ	từ tháng 9-2009 đến tháng 7-2011	
3	Phạm Văn Loan	năm 2013 đến nay	

II- ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Ủy ban tỉnh qua các thời kỳ

Ngày 22-8-1945, Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công trong toàn tỉnh; Ủy ban cách mạng lâm thời (tức Ủy ban hành chính) tỉnh được thành lập, do đồng chí Nguyễn Công Bình làm Chủ tịch. Sau bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh khóa I (đầu năm 1946), Ủy ban hành chính tỉnh được kiện toàn. Cũng trong năm 1946, Ủy ban kháng chiến tỉnh được thành lập, do đồng chí Nguyễn Công Bình, Chủ tịch Ủy ban hành chính làm Chủ tịch. Đến năm 1948-1949, Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính chính sáp nhập thành Ủy ban kháng chiến hành chính. Sau ngày hòa bình lập lại, đổi tên thành Ủy ban hành chính và năm 1976 đổi thành Ủy ban nhân dân.

DANH SÁCH CÁC VỊ LÃNH ĐẠO ỦY
BAN NHÂN DÂN TỈNH
TUYÊN QUANG QUA CÁC THỜI KỲ

Chủ tịch

STT	Họ và tên	Thời gian
1	Nguyễn Công Bình	1945 - 1956
2	Nguyễn Thu Sơn	1957 - 1960
3	Triệu Kim Dung	1961 - 1976

4	Kim Xuyên Lượng	1976 - 1977
5	Viên Thế Nghiêu	1977 - 1985
6	Phạm Đình Di	1985 - 1986
7	Quan Ngọc Thuyết	1986 - 1989
8	Hoàng Thừa	1989 - 1991
9	Trần Trung Nhật	1991 - 1998
10	Hà Phúc Mịch	1998 - 2003
11	Lê Thị Quang	2004 - 4-2009
12	Đỗ Văn Chiến	5-2009 - 6-2011
13	Châu Văn Lâm	từ tháng 6-2011 đến nay

Phó Chủ tịch

STT	Họ và tên	Thời gian
1	Trần Văn Cần	1950
2	Hoàng Văn Bút	1952
3	Nguyễn Gia Lượng	1957
4	Nguyễn Xuân Việt	1958
5	Lê Tùng	1959 - 1965
6	Triệu Kim Dung	1959 - 1961
7	Bàn Chí Hàm	1959 - 1976
8	Trần Hoài Quang	1961 - 1962
9	Lê Thanh Hùng	1962 - 1965

1. Gồm: Ủy ban Cách mạng lâm thời, Ủy ban kháng chiến, Ủy ban kháng chiến hành chính, Ủy ban hành chính, Ủy ban nhân dân. Do tài liệu lưu trữ rất hạn chế, không đủ cơ sở để xác định được thành viên của Ủy ban cách mạng lâm thời, Ủy ban kháng chiến, Ủy ban kháng chiến hành chính trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).

10	Triệu Quý Gia	1962 - 1965
11	Quan Ngọc Thuyết	1965 - 1974, 1977 - 1979
12	Nguyễn Long Châu	1965 - 1977
13	Hoàng Thiếu Tráng	1965 - 1968
14	Ma Văn Trang	1968 - 1971
15	Đặng Trí	1971 - 1976
16	Vừ Mí Ké	1976 - 1977, 1981 - 1986
17	Lê Quang Hùng	1976 - 1977
18	Nguyễn Văn Túy	1976 - 1977
19	Phạm Đình Di	1977 - 1985
20	Phạm Mạnh Quý	1977 - 1985
21	Sùng Đại Dũng	1979 - 1986
22	Lương Thủy Mạc	1981 - 1985
23	Ma Văn Hiệu	1981 - 1987
24	Hà Thị Khiết	1985 - 1989
25	Hoàng Thừa	1985 - 1989
26	Trần Trung Nhật	1985 - 1989
27	Lê Quang Đôn	1988 - 1994
28	Nguyễn Chí Tuy	1990 - 1991
29	Nguyễn Trần Đạt	1989 - 1999
30	Đặng Ngọc Thanh	1989 - 1997
31	Hà Phúc Mịch	1997 - 1998
32	Vũ Mạnh Thắng	1994 - 2003
33	Lê Thị Quang	1999 - 2004
34	Đỗ Văn Chiến	2001 - 5-2009
35	Châu Văn Lâm	từ năm 2004 đến tháng 5-2011
36	Vũ Thị Bích Việt	từ năm 2004 đến nay
37	Trần Ngọc Thực	từ năm 2009 đến nay
38	Phạm Minh Huấn	từ tháng 9-2011 đến nay

2. Các cơ quan chức năng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1- Văn phòng Ủy ban nhân dân

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Văn phòng: Chánh Văn phòng và không quá 3 Phó Chánh văn phòng.

- Các phòng chuyên môn: Phòng Tổng hợp; Phòng Quy hoạch, đầu tư và xây dựng; Phòng Kinh tế công - nông - lâm nghiệp; Phòng Nội chính; Phòng Văn xã; Phòng Công nghệ thông tin; Phòng Hành chính - Tổ chức; Phòng Quản trị - Tài vụ.

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Nhà khách Tân Trào; Trung tâm Công báo.

2- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Cơ cấu tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc Sở.

- Các phòng chuyên môn: Thanh tra; Văn phòng; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Nghiệp vụ văn hóa; Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình; Phòng Di sản văn hóa; Phòng Nghiệp vụ du lịch; Phòng Nghiệp vụ thể dục - thể thao.

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Trung tâm Văn hóa và Triển lãm; Thư viện tỉnh; Ban Quản lý khu du lịch văn hóa và sinh thái Tân Trào; Bảo tàng tỉnh; Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng; Đoàn Nghệ thuật dân tộc; Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao.

3- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Thanh tra; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Người có công; Phòng Lao động - Việc làm; Phòng Dạy nghề; Phòng Bảo trợ xã hội - Phòng chống tệ nạn xã hội; Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em; Thư ký Hội đồng trọng tài lao động tỉnh.

- Các đơn vị trực thuộc: Trung tâm Bảo trợ xã hội; Trung tâm Giới thiệu việc làm; Quỹ Bảo trợ trẻ em.

4- Sở Xây dựng

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Thanh tra; Phòng quản lý hoạt động xây dựng và vật liệu xây dựng; Phòng quản lý chất lượng công trình xây dựng; Phòng Kinh tế xây dựng; Phòng Quản lý kiến trúc - quy hoạch; Phòng Kiến trúc, quy hoạch xây dựng; Phòng Hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị; Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản.

- Các đơn vị trực thuộc: Trung tâm Quy hoạch xây dựng; Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

5- Sở Tư pháp

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Thanh tra sở; Phòng Xây dựng và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật; Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật; Phòng kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Phòng Hành chính tư pháp; Phòng Hỗ trợ tư pháp.

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Phòng Công chứng số 1; Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản; Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước.

6- Sở Giao thông vận tải

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Phòng Kế hoạch - tài chính; Thanh tra Giao thông Vận tải; Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông; Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái; Phòng Quản lý

chất lượng công trình giao thông; Phòng An toàn giao thông; Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh.

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Bến xe khách Tuyên Quang; Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải; Trung tâm dạy nghề - sát hạch lái xe; Đoạn Quản lý và sửa chữa đường bộ; các ban quản lý dự án.

7- Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Phòng Tổng hợp kế hoạch; Phòng Kinh tế đối ngoại; Phòng xây dựng cơ bản và thẩm định; Phòng Kế hoạch kinh tế ngành; Phòng Kế hoạch văn hóa - xã hội; Phòng Đăng ký kinh doanh; Thanh tra.

- Cơ quan trực thuộc: Trung tâm Xúc tiến đầu tư.

8- Sở Tài chính

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: Phòng Quản lý tài chính ngân sách; Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp; Phòng Quản lý công sản - giá; Phòng Tài chính doanh nghiệp; Phòng Đầu tư; Phòng tin học và thống kê; Thanh tra; Văn phòng.

9- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Thanh tra sở; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Trồng trọt; Phòng Chăn nuôi.

- Cơ quan trực thuộc: Chi cục Lâm nghiệp; Chi cục Thủy lợi; Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Bảo vệ thực vật;

Chi cục Thú y; Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Thủy sản; Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản.

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Trung tâm Khuyến nông; Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Trung tâm Điều tra - quy hoạch - thiết kế nông - lâm nghiệp; Trung tâm Thủy sản; Ban Quản lý rừng phòng hộ Nà Hang; Ban Quản lý dự án nông nghiệp Hàm Yên; Ban Quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình.

10- Sở Tài nguyên và Môi trường

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Thanh tra; Phòng Đo đạc bản đồ; Phòng Tài nguyên khoáng sản; Phòng Quản lý tài nguyên nước - khí tượng thủy văn.

- Các đơn vị trực thuộc: Chi cục Bảo vệ môi trường; Chi cục Quản lý đất đai.

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Trung tâm công nghệ thông tin; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất; Trung tâm đo đạc bản đồ và quy hoạch đất đai; Trung tâm quan trắc và bảo vệ môi trường.

11- Sở Khoa học và Công nghệ

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Phòng Kế hoạch và Quản lý khoa học; Phòng Quản lý công nghệ; Phòng Quản lý sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và thông tin khoa học công nghệ; Thanh tra.

- Cơ quan trực thuộc: Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

12- Sở Nội vụ

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc

- Các phòng, ban chuyên môn: Văn phòng; Thanh tra; Phòng Xây dựng

chính quyền; Phòng Tổ chức bộ máy và Cải cách hành chính; Phòng Công chức, viên chức; Phòng Tôn giáo; Phòng Công tác thanh niên.

- Cơ quan trực thuộc: Ban Thi đua và khen thưởng; Chi cục Văn thư - lưu trữ.

13- Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc Sở.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Thanh tra; Phòng Giáo dục mầm non; Phòng Giáo dục tiểu học; Phòng Giáo dục trung học; Phòng Đào tạo và giáo dục thường xuyên; Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Các đơn vị trực thuộc Sở: các trường trung học phổ thông: Yên Hoa, Lâm Bình, Thượng Lâm, Nà Hang, Đầm Hồng, Minh Quang, Kim Bình, Hà Lang, Chiêm Hóa, Hòa Phú, Phù Lưu, Hàm Yên, Thái Hòa, Xuân Huy, Nguyễn Văn Huyền, Tháng 10, Sông Lô, Trung Sơn, Xuân Vân, các trường trung học phổ thông dân tộc nội trú Ý La, Tân Trào, Chuyên, Sơn Dương, Đông Thọ, Kim Xuyên, Sơn Nam, ATK Tân Trào, Kháng Nhật; các trường trung học cơ sở dân tộc nội trú Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Nà Hang, Sơn Dương, Lâm Bình, các trường phổ thông dân tộc nội trú ATK Sơn Dương; Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp tỉnh, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp Sơn Dương, Trung tâm Giáo dục thường xuyên.

14- Sở Công thương

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Thanh tra; Phòng Kế hoạch - Tài chính;

Phòng Quản lý công nghiệp; Phòng Quản lý thương mại; Phòng Quản lý điện năng; Phòng Kỹ thuật an toàn - môi trường.

- Các đơn vị trực thuộc: Chi cục Quản lý thị trường; Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp.

15- Sở Y tế

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Thanh tra; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Nghiệp vụ Y; Phòng nghiệp vụ Dược.

- Cơ quan trực thuộc: Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Trung tâm Giám định y khoa; Trung tâm Kiểm nghiệm; Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe; Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh; Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Trung tâm Phòng, chống bệnh xã hội; Trung tâm phục hồi chức năng Hương Sen; Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS; 7 Trung tâm y tế huyện, thành phố: Lâm Bình, Nà Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương, thành phố Tuyên Quang; Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang; Bệnh viện Y dược cổ truyền; Bệnh viện Lao và bệnh phổi; Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm; Bệnh viện đa khoa huyện Nà Hang; Bệnh viện đa khoa huyện Chiêm Hóa; Bệnh viện đa khoa huyện Hàm Yên; Bệnh viện đa khoa khu vực ATK, huyện Yên Sơn; Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Dương; Bệnh viện đa khoa khu vực Kim Xuyên, huyện Sơn Dương; Bệnh viện đa khoa huyện Lâm Bình; Trường Trung cấp y tế Tuyên Quang.

16- Sở Thông tin và truyền thông

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Thanh tra; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Bưu chính - viễn thông; Phòng Công nghệ thông tin; Phòng Báo chí - Xuất bản.

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông.

17- Thanh tra tỉnh

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh: Chánh Thanh tra và không quá 3 Phó Chánh Thanh tra.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Phòng tiếp dân và xử lý đơn thư; Phòng giải quyết khiếu nại, tố cáo; Phòng Thanh tra kinh tế - xã hội.

18- Ban Dân tộc

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Ban: Trưởng ban và không quá 3 Phó Trưởng ban.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Phòng Chính sách dân tộc; Phòng Tổng hợp kế hoạch; Thanh tra

19- Sở Ngoại vụ

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: Văn phòng; Thanh tra; Phòng lãnh sự Việt kiều; Phòng Hợp tác quốc tế.

20- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Đài Phát thanh Hà Tuyên thành lập tháng 10-1976 theo Quyết định số 1147/TCCB, ngày 30-10-1976 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên. Đến tháng 10-1991, tỉnh Hà Tuyên chia tách thành 2 tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang; Đài Phát thanh Hà Tuyên đổi thành Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang.

Tổ chức bộ máy hiện nay:

- Lãnh đạo Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, gồm: Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm: Phòng Tổ chức và Hành chính; Phòng Thời sự; Phòng Biên tập; Phòng Văn nghệ và giải trí; Phòng Chuyên đề; Phòng Phát thanh - Truyền hình tiếng dân tộc; Phòng Kỹ thuật và công nghệ; Phòng Truyền dẫn - phát sóng; Phòng Kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình.

21- Liên minh hợp tác xã tỉnh

Liên minh hợp tác xã tỉnh thành lập năm 1995 theo Quyết định số 283/QĐ-UB, ngày 13-5-1995 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; đến nay đã tổ chức 4 kỳ đại hội: Đại hội lần thứ I tổ chức ngày 1-7-1995; Đại hội lần thứ II tổ chức ngày 16-11-2001; Đại hội lần thứ III tổ chức ngày 29-1-2007; Đại hội lần thứ IV tổ chức ngày 24-4-2012.

Cơ cấu tổ chức bộ máy chuyên trách hiện nay gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Văn phòng, Phòng nghiệp vụ phong trào.

TRƯỞNG CÁC NGÀNH THUỘC ỦY BAN KHÁNG CHIẾN HÀNH CHÍNH,
ỦY BAN HÀNH CHÍNH, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUA CÁC THỜI KỲ

*Chánh văn phòng Ủy ban hành chính, Ủy ban kháng chiến - hành chính,
Ủy ban nhân dân tỉnh*

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Ngọc Lâm	1946 - 1950	
2	Phạm Đình Giục	1950 - 1959	
3	Trần Thế Minh	1955	Quyền Chánh Văn phòng
4	Bùi Huy Tụng	1959 - 1960	Quyền Chánh Văn phòng
5	Phạm Mạnh Quỳ	8-1960 – 1961	
6	Vũ Nhật Tinh	1961 - 1962	Quyền Chánh Văn phòng
7	Đỗ Hữu Sửu	1962 - 1969	
8	Nguyễn Tiến Đồng	1969 - 1974	
9	Chu Minh Thảo	1974 - 1981	
10	Đặng Ngọc Thanh	8-1981 – 1983	
11	Đoàn Văn Nghị	1983 - 1987	
12	Hoàng Nhân	1987 - 1988	
13	Nguyễn Dân	1988 - 1992	
14	Nguyễn Khắc Luyện	1992 - 1993	
15	Ma Xuân Quang	1993 - 2004	
16	Giang Văn Huỳnh	2004 - 2006	
17	Tạ Đức Tuyên	3-2006 – 2013	
18	Tạ Văn Dũng	2013 đến nay	

Ngành Văn hóa - Thông tin

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Công Thành		Ty Văn hóa
2	Hà Huy Hội		Ty Văn hóa
3	Lê Nguyên		Ty Văn hóa
4	Lê Quang Hùng		Ty Văn hóa
5	Dương Văn Phúc	1956 - 1959	Ty Văn hóa
6	Lương Hồng Thái	1960 - 1962	Ty Văn hóa
7	Phó Đức Nhac	12-1966 – 1970, 1970 – 8-1973	Ty Văn hóa Ty Văn hóa - Thông tin
8	Bùi Tất Chinh	1966 - 1970, 8 -1973 – 11-1976	Ty Thông tin Ty Văn hóa - Thông tin
9	Phạm Văn Luyến	1962-1966 12-1976 – 9-1988	Ty Văn hóa Ty Văn hóa - Thông tin
10	Phí Văn Tường	9-1988 – 10-1989	Sở Văn hóa - Thông tin
11	Hùng Đình Quý	11-1989 – 9-1991	Sở Văn hóa - Thông tin
12	Nguyễn Văn Mạch	10-1991 – 10-1993	Sở Văn hóa - Thông tin
13	Nịnh Văn Độ	11-1993 – 3-2004	Sở Văn hóa - Thông tin
14	Nguyễn Việt Thanh	Từ tháng 11-2004 đến nay	Sở Văn hóa - Thông tin; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Ngành Thể dục thể thao

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Thu Sơn	1957 - 1959	Ban Thể dục thể thao
2	Chu Văn Sáng	1959 - 1964	Ủy ban Thể dục thể thao
3	Phùng Hậu Giành	1971 - 1975	Ủy ban Thể dục thể thao
4	Nguyễn Quang Trọng	1976 - 1980	Ty Thể dục thể thao. Năm 1980, Ty Thể dục thể thao sáp nhập với Ty Y tế
5	Nguyễn Văn Ban	1983 - 1988	Sở Thể dục thể thao
6	Đàm Viết Khoa	1989 - 1991	Sở Thể dục thể thao. Tháng 5-1991, Sở Thể dục thể thao sáp nhập với Sở Văn hóa - Thông tin. Đến năm 2000 được tái lập
7	Ma Trọng Tình	2001 – 7-2003	Giám đốc Thể dục thể thao
8	Vũ Văn Văn	7-2003 – 4-2008	Sở Thể dục thể thao. Tháng 5-2008, Sở Thể dục thể thao sáp nhập với Sở Văn hóa Thông tin

Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Công Ích	1947 - 1949	Trưởng ty Lao động
2	Nguyễn Đăng Trác	1950 - 1954	Trưởng ty Lao động
3	Trần Hữu Định	1955 - 1958	Trưởng ty Lao động
4	Trần Đức Thành	1962 - 1974	Từ 1959-1962 là Phó Trưởng ty, phụ trách Ty Lao động
5	Nguyễn Tiến Đồng	1974 - 1986	Trưởng ty và Giám đốc Sở Lao động
6	Đỗ Hữu Sửu	4-1969 – 1987	Trưởng ban, Trưởng ty, Giám đốc sở Thương binh và Xã hội.
7	Nguyễn Thế Đường	1987 - 1988	Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
8	Lê Minh Đát	1988 – 9-1991	Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
9	Hà Hữu Hiền	10-1991 – 4-1993	Quyền Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
10	Hà Thị Huyền	5-1993 – 5-2004	Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
11	Lê Thị Dung	Từ tháng 6-2004 đến nay	Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Ngành Y tế

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Lưu Tê	Trước năm 1957	
2	Nguyễn Hữu Thành	1957	Quyền Trưởng ty
3	Lưu Thế Viên	1958 - 1969	
4	Nguyễn Quang Khang	1969 - 1975	
5	Nguyễn Vũ Hải	1976 - 1980	
6	Bùi Hữu Đồi	3-1980 – 1980	Năm 1980, sáp nhập với Ty Thể dục thể thao thành Sở Y tế và Thể dục thể thao. Tháng 7-1983, Sở Y tế và Thể dục thể thao tách thành Sở Thể dục thể thao và Sở Y tế
7	Nguyễn Quang Thuận	1980 - 1991	
8	Hà Đức Hiệu	1992 - 1996	
9	Triệu Thị Sen	1996 - 1998	
10	Mai Ngọc Châu	1998 – 3-2008	
11	Đào Duy Quyết	Từ tháng 12-2008 đến nay	Phụ trách Sở từ tháng 3-2008 (từ tháng 12-2008 là Giám đốc)

Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Vừ Mí Kê	1984 – 8-1989	Thành lập tháng 5-1984, gọi là Ủy ban Dân số và sinh đẻ có kế hoạch, sau đó đổi là Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình
2	Hà Thị Khiết	9-1989 – 1991	
3	Đặng Ngọc Thanh	2-1992-1998	
4	Phạm Ngọc Điệp	7-1998 – 8-2002, 6-2004 – 4-2008	Năm 2002, sáp nhập với Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em thành Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em
5	Triệu Thị Sen	9-2002 – 5-2004	Tháng 4-2008, Ủy ban Bảo vệ bà mẹ trẻ em giải thể

Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Bàn Chí Hàm	1971 - 1975	
2	Vũ Thị Ngọc Bảo	1976 - 1985	
3	Đàm Thị Đẹp	1985 - 1987	Năm 1987, Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em sáp nhập thành một bộ phận của Sở Giáo dục. Năm 1991, tái lập gọi là Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em
4	Đặng Ngọc Thanh	1991 - 1998	
5	Triệu Thị Sen	1998 - 2002	Từ năm 2002, sáp nhập với Ủy ban dân số - Kế hoạch hóa gia đình thành Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em

Sở Xây dựng

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Trương Trọng Thiệp	1957	Trưởng ty Thủy lợi - Kiến trúc
2	Trần Thượng Bình	6 - 1961	Trưởng ty Kiến trúc
3	Nguyễn Công Hòa	1971 - 1973	Trưởng ty Kiến trúc
4	Đặng Trí	1973 - 1976	Trưởng ty Xây dựng
5	Hoàng Cùng	1976 - 1979	Trưởng ty Xây dựng
6	Nguyễn Lan	1979 - 1988	Trưởng ty Xây dựng
7	Trần Minh	1988 - 1992	Giám đốc Sở Xây dựng
8	Phạm Trọng Lập	1992 - 2004	Giám đốc Sở Xây dựng
9	Nguyễn Quốc Vinh	Từ tháng 11-2004 đến nay	Giám đốc Sở Xây dựng

Ban Kiến thiết cơ bản - Ban Xây dựng cơ bản

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Lê Thanh Hùng	1954 - 1956	
2	Nguyễn Long Châu	1956 - 1968	
3	Đặng Trí	1968 - 1973	Năm 1973, Ban Kiến thiết cơ bản sáp nhập với Ty Kiến trúc thành Ty Xây dựng
4	Đỗ Phùng - Phó ban phụ trách	1982 - 1988	Ban Xây dựng cơ bản tái lập (1982-1988), không có Trưởng ban

Ngành Tư pháp

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Mai Đức Toàn	6-1977 – 1-1982	Trưởng ban Pháp chế
2	Mai Đức Toàn	1-1982 – 12-1983	Giám đốc Sở Tư pháp
3	Hoàng Quang Sôi	12-1983 – 10-1984 11-1984 – 9-1991	- Quyền Giám đốc - Giám đốc Sở Tư pháp
4	Hoàng Thanh Kính	9-1991 – 12-1991	Quyền Giám đốc Sở Tư pháp
5	Hoàng Xuân Chắp	12-1991 – 10-1997	Giám đốc Sở Tư pháp
6	Bàn Công Hiến	11-1997 – 12-2002	Giám đốc Sở Tư pháp
7	Lý Văn Bình	2-2004 – 6-2010	Giám đốc Sở Tư pháp
8	Lê Quang Bích	6-2010 – 2013	Giám đốc Sở Tư pháp
9	Nguyễn Thị Thuộc	Từ năm 2013 đến nay	Giám đốc Sở Tư pháp

Ngành Giao thông - Vận tải

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Trần Tử An	1945 - 1947	
2	Nguyễn Khắc Tựa	1947 - 1951	
3	Phan Bá Doãn	1951 - 1953	
4	Nguyễn Đức Phương	1953 - 1958	
5	Phạm Đình Giục	1959 - 1976	
6	Phạm Đình Dy	1976 - 1978	
7	Nguyễn Ngọc Kiên	1978 - 1986	
8	Đỗ Trọng Quý	1986 - 1991	
9	Phan Văn Bình	1991 - 1999	
10	Đặng Ngọc Tâm	1999 – 5-2003	
11	Trần Ngọc Thân	6-2003 – 1-2004	
12	Phạm Văn Quang	Từ tháng 2-2004 đến nay	

Kế hoạch và Đầu tư

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Lê Thanh Hùng	1955 - 1963	
2	Đặng Trí	1964 - 1969	
3	Triệu Kim Dung	1969 - 1975	
4	Viên Thế Nghiêu	1976 - 1979	
5	Trần Thế Minh	1980 - 1981	
6	Hoàng Thừa	1982 - 1985	
7	Trần Trung Nhật	1986	
8	Nguyễn Trần Đạt	1987 – 10-1991	
9	Nguy Văn Thận	11-1991 – 6-1997	
10	Hà Phúc Mịch	9-1996 – 6-1997	
11	Lê Thị Quang	7-1997 – 7-2001	
12	Trần Ngọc Thực	8-2001 – 1-2004	
13	Châu Văn Lâm	2-2004 – 2-2005	
14	Trần Ngọc Thực	3-2005 đến tháng 8-2009	
15	Nguyễn Đình Quang	Từ tháng 8-2009 đến nay	

Ngành Tài chính

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Long	1950 - 1958	
2	Hoàng Thiệu Tráng	1958 - 1960	
3	Khúc Doanh Huyền	1961 - 1978	
4	Lương Thủy Mạc	1979 - 1980	
5	Nguyễn Hữu Chế	1981 - 1985	
6	Phạm Sơn Vỹ	1986 - 1987	
7	Nguyễn Mạnh Châu	1988 – 9-1991	
8	Lê Ngọc Côn	10-1991 – 1999	
9	Hoàng Thị Bích Hợp	2000 - 2010	
10	Lê Thị Kim Dung	Từ tháng 11-2011 đến nay	

Ủy ban Vật giá

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Hoàng Thiệu Tráng	1963 - 1967	
2	Đặng Trí	1967 - 1976	
3	Lâm Minh	1977 - 1979	1980-1981, sáp nhập vào Sở Tài chính
4	Dương Minh Toại	1981 - 1988	Từ 1988, sáp nhập vào Sở Tài chính thành Sở Tài chính - Vật giá

Ngành Nông nghiệp, Nông - lâm nghiệp, Nông nghiệp và phát triển nông thôn

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Chí Mùi	1946 - 1949	Ty Khuyến nông
2	Nguyễn Bá Phụ	1950 - 1951	Ty Thú ngư
3	Hồ Văn Đức	1953	Ty Canh nông
4	Nguyễn Xuân Việt	1952	Ty Nông - lâm
5	Lê Hoàn (Lê Văn Hữu)	1954 - 1958	Ty Nông nghiệp
6	Nguyễn Thanh Lưu	1958 - 1962	Ty Nông nghiệp
7	Hoàng Đình Thu	1962 - 1963	Ty Nông nghiệp
8	Quan Ngọc Thuyết	1963 - 1965 9-1974 – 1975	Ty Nông nghiệp
9	Nguyễn Đức Chấn	1965 - 1969	Ty Nông nghiệp
10	Triệu Quý Gia	10-1969 – 6-1971	Ty Nông nghiệp
11	Triệu Kim Dung	1971 - 1974	Ty Nông nghiệp
12	Phạm Mạnh Quỳ	1976 – 9-1977	Ủy ban Nông nghiệp
13	Nguyễn Quốc Văm	1977 - 1982	Ủy ban Nông nghiệp
14	Nịnh Văn Long	1982 - 1986	Ủy ban Nông nghiệp
15	Dương Văn Khoa	1986 – 1-1988 10-1991 – 1-2003	Sở Nông - Lâm nghiệp. Từ năm 1996 là Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
16	Lê Quý Đôn	2-1988 – 5-1988	Sở Nông - Lâm nghiệp
17	Giàng Văn Quẩy	5-1988 – 9-1988	Sở Nông - Lâm nghiệp
18	Hoàng Văn Vương	9-1988 – 9-1991	Sở Nông - Lâm nghiệp
19	Nguyễn Thị Định	2-2003 – 2013	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
20	Lê Tiến Thắng	Từ năm 2013 đến nay	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Ngành Lâm nghiệp

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Triệu Trung Chính	1956 - 1959 1969 - 1971 8-1971 – 5-1974	Ty Lâm nghiệp
2	Triệu Quý Gia	1959 - 1969	Ty Quốc doanh lâm nghiệp

3	Nguyễn Long Châu	2-1971 – 8-1971	Ty Lâm nghiệp
4	Ma Văn Dân	1974 – 5-1975	Công ty Lâm nghiệp
5	Đào Văn Quý	3-1976 – 3-1980	1974-1976 là Công ty Lâm nghiệp. Đến năm 1976 đổi là Sở Lâm nghiệp
6	Hoàng Thế Thường	4-1980 – 3-1988	Năm 1988, sáp nhập với Ty Nông nghiệp, Ty Thủy lợi thành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Ngành Thủy lợi

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Trương Trọng Thiệp	8-1956 – 5-1967	Ty Kiến Trúc - Thủy lợi
2	Phạm Hữu Mục	1967 - 1970	Ty Thủy lợi Tuyên Quang
3	Nguyễn Ngọc Huy	1971 – 3-1975	Ty Thủy lợi Tuyên Quang
4	Vũ Đình Mùi	3-1975 – 3-1976 5-1979 – 3-1986	Ty Thủy lợi Tuyên Quang Ty Thủy lợi Hà Tuyên
5	Nguyễn Văn Lệnh	3-1976 – 4-1979	Ty Thủy lợi Hà Tuyên
6	Lê Quang Đôn	4-1986 – 9-1986	Ty Thủy lợi Hà Tuyên
7	Cao Bá Hậu	10-1986 – 1-1988	Năm 1988, sáp nhập với Ty Nông nghiệp, Ty Lâm nghiệp thành Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Chi cục Kiểm lâm

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Hoàng Thế Thường	1973 - 1979	Chi cục Kiểm lâm nhân dân
2	Nguyễn Minh Kiên	1979 – 3-1980	Chi cục Kiểm lâm nhân dân
3	Hoàng Vi Pào	9-1993 – 10-1997	Chi cục Kiểm lâm nhân dân
4	Lê Văn Tập	11-1997 – 7-2000	Chi cục Kiểm lâm nhân dân
5	Nguyễn Phùng Minh	3-2000 – 3-2002	Quyền Chi cục trưởng
6	Đỗ Văn Toán	6-2003 – 12-2007	Từ tháng 6-2003 đến tháng 12-2007 là Phó Chi cục trưởng phụ trách Chi cục Kiểm lâm, từ năm 1988 sáp nhập vào Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tài nguyên, Môi trường

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Dân	4-1982 – 1988	Phó ban, phụ trách Ban quản lý ruộng đất và đo đạc bản đồ tỉnh Hà Tuyên
2	Nguyễn Ngọc Châu	1988 – 10-1994 1994 – 6-1998	- Trưởng ban Quản lý ruộng đất và đo đạc bản đồ tỉnh - Giám đốc Sở Địa chính
3	Hoàng Đình Chà	1997 - 1998	Giám đốc Sở Địa chính
4	Nguyễn Dương Sứ	2001 - 2003	Giám đốc Sở Địa chính
5	Giang Văn Huỳnh	7-2003 – 3-2004	Giám đốc Sở Địa chính
6	Hoàng Văn An	Từ tháng 11- 2004 đến nay	Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường

Khoa học, công nghệ và môi trường; Sở Khoa học và công nghệ

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Lưu	12-1959 – 1964	Ủy viên Ủy ban hành chính tỉnh, Trưởng ban
2	Nguyễn Long Châu	9-1965 – 1971	Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, Trưởng ban
3	Triệu Quý Gia	8-1972 – 1975	Trưởng ban Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tuyên Quang
4	Phạm Đình Di	1976 - 1981	Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, kiêm Trưởng ban
5	Đình Tiến Lộc	1982 - 1985	Trưởng ban Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Hà Tuyên
6	Ninh Văn Long	11-1986 – 1993 1994 - 1999	- Trưởng ban Khoa học và Kỹ thuật tỉnh - Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường
7	Bùi Thị Ngọc Vân	12-1999 – 11-2008	Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường
8	Nguyễn Đình Quang	5-2009 – 8-2009	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ
7	Đỗ Hồng Thanh	Từ tháng 8-2010 đến nay	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Nội vụ

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Hoàng Thanh	1963 -1968	Trưởng ban
2	Lý Quang Hùng (tức Sầm Hùng)	1969 - 1970	Trưởng ban
3	Hoàng Đình Thử	1970-1973	Trưởng ban

4	Nông Văn Chu	1974-1977	Trưởng ban
5	Viên Thế Vinh	1978	Trưởng ban
6	Đình Văn Sáng	1979-1982	Quyền Trưởng ban
7	Phạm Quang Linh	1982 – 9-1987	Trưởng ban
8	Nguyễn Văn Đề	10-1987 – 5-1996	Trưởng ban
9	Âu Văn Hành	6-1996 – 5-2004	Trưởng ban
10	Hứa Minh Dịch	Từ tháng 11-2004 đến nay	Giám đốc

Ban Thi đua - Khen thưởng

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Lê Xuân Đào	1981 - 1987	
2	Nguyễn Minh Xiêm	2-2000 – 5-2004	
3	Ngô Văn Lăng	Từ tháng 5-2004	Trưởng ban - Phó Giám đốc Sở Nội vụ

(Trước năm 1981, Trưởng ban Thi đua (từ năm 1973, sau khi sáp nhập với Phòng Khen thưởng thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, được gọi là Ban Thi đua - Khen thưởng, do Chủ tịch Ủy ban hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh kiêm nhiệm; đến năm 2008 sáp nhập về Sở Nội vụ).

Giáo dục và Đào tạo

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Hứa	1945 - 1952	Trưởng ty Bình dân học vụ
2	Đồng chí Đông	Chưa rõ	Trưởng ty Giáo dục phổ thông
	Đồng chí Châu	Chưa rõ	Trưởng ty Giáo dục phổ thông
3	Lê Thế Hùng	1952 - 1953	Ty Giáo dục phổ thông và Bình dân học vụ
4	Quách Di Liên	1953 - 1955	Ty Giáo dục
5	Nguyễn Ngọc Hứa	1955 - 1959	Ty Giáo dục
6	Đỗ Đức Giang	1959 - 1968	Ty Giáo dục
7	Ma Văn Hiệu	1968 - 1976	Ty Giáo dục
8	Nguyễn Văn Miêu	1976 - 1991	Từ năm 1988 là Sở Giáo dục và Đào tạo
9	Đào Lương Nhân	1991 - 1997	
10	Nông Quang Nhung	7-1997 – 10-1997	
11	Nguyễn Thế An	11-1997 – 3-2003	
12	Ngô Thục Lâm	8-2004 – 3-2006	Từ tháng 4-2003 đến tháng 7-2004, là Phó Giám đốc phụ trách
13	Hoàng Văn Thịnh	8-2006	Từ tháng 3-2006 đến tháng 7-2006 là Phó Giám đốc phụ trách

Ban Giáo dục chuyên nghiệp

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Đình Văn Sáng	1982 - 1987	Năm 1987 sáp nhập với Sở Giáo dục

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Lương Quang Mai	1959 - 1967	
2	Đặng Văn Vượng	6-1967 – 11-1970	
3	Hà Hưng Long	12-1970 – 2-1974	
4	Trần Đoan	3-1974 – 12-1980	
5	Nguyễn Đình Văn	1-1981 – 4-1987	
6	Đàm Cháu	5-1987 – 6-2003	
7	Ngô Thế Kim	7-2003 – 3-2005	
8	Vũ Anh Quân	5-2005 – 4-2008	

Thương nghiệp, thương mại - du lịch

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Lê Tùng	1951 - 1955	
2	Triệu Kim Dung (tức Chi Năng)	1955 - 1961	
3	Triệu Quý Gia	1961 - 1963	
4	Lương Hải Bằng	1963 - 1969	
5	Hoàng Thiệu Tráng	1969 - 1975	
6	Nguyễn Chí Tuy	1976 - 1982	
7	Hoàng Đức Hỷ	10-1982 – 7-1987	
8	Phạm Văn Long	8-1987 – 11-1987	
9	Đào Tương	12-1987 – 11-1991	
10	Phan Quốc Nhượng	12-1991 – 5-1996	
11	Phạm Văn Long	6-1996 – 12-2000	
12	Lê Thanh Sơn	1-2001 – 12-2003	
13	Bùi Hữu Viện	1-2004 – 3-2004	
14	Hoàng Quốc Bình	4-2004 – 4-2008	

Công thương

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Hoàng Quốc Bình	Từ tháng 4-2008	Giám đốc

Lương thực

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Trần Ngọc Khiết	1960 - 1969	
2	Nguyễn Đức Chấn	1970 - 1982	
3	Trần Thế Hùng	1982 - 1988	
4	Lê Hồng Vân	1988 - 1993	
5	Phạm Đức Bình	1994 - 1999	Từ năm 1995, Công ty Lương thực thuộc Trung ương quản lý

Thông tin - Truyền thông

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ
1	Lê Quang Ninh	- Từ tháng 9-2005 – 9-2007: Quyền Giám đốc Sở Bưu chính - Viễn thông - Từ tháng 9-2007 đến tháng 4-2008: Giám đốc Sở Bưu chính - Viễn thông - Từ tháng 4-2008: Giám đốc Sở Thông tin - Truyền thông

Thanh tra

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Triệu Quý Gia	1957	Trưởng ban Thanh tra chính quyền
2	Nguyễn Đức Quỳ	1958 - 1964	Trưởng ban Thanh tra chính quyền
3	Hoàng Thị Sâm	1964 - 1965	Tháng 7-1965, Ban Thanh tra chính quyền giải thể; đến tháng 11-1970, tái lập (Trưởng ban)
4	Lương Hải Bằng	1970 - 1976	Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra
5	Nguyễn Văn Trương	1976 – 6-1985	Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra
6	Lâm Đại Nam	6-1985 – 12-1991	Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra tỉnh từ tháng 6-1985 đến tháng 8-1990; Chánh Thanh tra từ tháng 8-1990 đến tháng 12-1991
7	Ma Trọng Tình	12-1991 – 10-1996	Chánh Thanh tra
8	Vũ Quang Tiến	11-1996 – 3-1999	Chánh Thanh tra
9	Phùng Đình Nghĩa	Từ 5-2004 – 5-2010	3-1999 – 4-2004 là Quyền Chánh Thanh tra; 5-2004 – 5-2010 là Chánh Thanh tra
10	Đỗ Văn Toán	Từ tháng 5-2010 đến nay	Chánh Thanh tra

Ban Định canh - định cư

Thành lập năm 1968; đến tháng 7-1971, sáp nhập với Ty Nông nghiệp, Ban Quản lý hợp tác xã nông nghiệp, Phòng Nông trường, Phòng Quản lý tiểu thủy nông thành Ủy ban Nông nghiệp. Ban Định canh - định cư là một bộ phận của Ban Phân vùng và Quy hoạch thuộc Ủy ban Nông nghiệp tỉnh. Sau đó, Ban định canh - định cư tái lập, đến năm 1980 lại hợp nhất với Ty Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm nhân dân, thành Sở Lâm nghiệp; đến năm 1988, sau khi sáp nhập một số sở, ngành, Ban Định canh - định cư trực thuộc Sở Nông - Lâm nghiệp.

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Bàn Chí Hàm	1968 - 1975	
2	Hoàng Ngọc Lâm	1976 - 1981	
3	Triệu Đức Thanh	1981 - 1982	
4	Nông Duy Đẹp	1982 - 1991	

Ban Dân tộc

Thành lập năm 1966 theo Quyết định 334-QĐ/TCĐT, ngày 31-10-1966 của Ủy ban hành chính tỉnh, sau đó giải thể (chưa rõ thời gian); đến năm 1994, tái lập.

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Bàn Chí Hàm	1966 - 1975	Trưởng ban Dân tộc
2	Nguyễn Văn Tý	2-1994 – 3-1998	Trưởng ban Dân tộc và miền núi
3	Hà Phúc Sỹ	3-1998 – 12-2002	Trưởng ban Dân tộc và miền núi
4	Âu Văn Hành	10-2005 – 4-2008	Phó ban phụ trách Ban Dân tộc và tôn giáo
5	Âu Văn Hành	5-2008 – 11-2009	Phó ban phụ trách Ban Dân tộc
6	Hà Hữu Chinh	Từ 11-2009	Trưởng ban Dân tộc

Ban Phân vùng và quy hoạch

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Long Châu	1972 - 1974	
2	Ma Văn Dân	1974 - 1975	
3	Nguyễn Công Hậu	1976 - 1980	Từ năm 1980, sáp nhập vào Ủy ban Kế hoạch

Ngoại vụ

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Tạ Văn Dũng	Từ tháng 2-2012 – 2013	Giám đốc
2	Nguyễn Thị Định	Từ năm 2013 đến tháng	Giám đốc

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Lập	1976 - 1987	
2	Chu Thái Tinh	1988 - 1991	
3	Nguyễn Xuân Túc	1991 - 1995	
4	Hà Doãn Tồn	1996 – 8-2002	
5	Lê Quang Ninh	9-2002 – 1-2004	Phó giám đốc phụ trách
6	Ma Xuân Quang	Từ tháng 2-2004	

Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Đình Lâm	1995 – 9-2000	
2	Đàm Chứ	10-2000 – 12-2006	
3	Đào Văn Huệ	Từ tháng 1-2007	

III- MỘT SỐ NGÀNH THUỘC TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**1. Viện Kiểm sát nhân dân**

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-VKSTC, ngày 31-12-1960 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về thành lập Viện kiểm sát nhân dân địa phương các cấp. Năm 1976, Tuyên Quang sáp nhập với tỉnh Hà Giang thành tỉnh Hà Tuyên; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh đổi tên là Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tuyên. Đến 10-1991, tỉnh Hà Tuyên lại được chia thành hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh lại đổi tên, gọi là Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

1- Tổ chức bộ máy của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh hiện nay gồm:

- Ủy ban Kiểm sát, các phòng và Văn phòng.

- Ủy ban kiểm sát Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh gồm có: Viện trưởng, các Phó Viện trưởng và một số kiểm sát viên.

- Hiện nay, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có 9 phòng nghiệp vụ:

1. Phòng Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự về kinh tế và chức vụ.

2. Phòng Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự về trật tự xã hội, án an ninh và án ma túy.

3. Phòng Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm án hình sự.

4. Phòng Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù.

5. Phòng Kiểm sát thi hành án.

6. Phòng Kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự, hành chính, kinh tế, lao

động và những việc khác theo quy định của pháp luật.

7. Phòng Khiếu tố.

8. Phòng Tổ chức cán bộ.

9. Văn phòng Tổng hợp và thống kê tội phạm.

2- Viện Kiểm sát nhân dân huyện, quận, thành phố:

Hiện nay có 7 Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, thành phố: Sơn Dương, Yên Sơn, Nà Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa, Hàm Yên, thành phố Tuyên Quang.

Viện kiểm sát nhân dân huyện, thành

phố thuộc tỉnh gồm có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng và các kiểm sát viên.

Bộ máy làm việc của Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện gồm: bộ phận thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử và kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam. Bộ phận kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, hành chính, kinh tế, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; kiểm sát thi hành án. Bộ phận Văn phòng tổng hợp, thống kê tội phạm và khiếu tố.

Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Lương Hồng Thái	1960 - 1979	1-1974 – 12-1975, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Khu tự trị Việt Bắc
2	Nguyễn Long Châu	9-1979 – 4-1987	
3	Nguyễn Bình Thăng	5-1987 – 10-1989	
4	Phạm Văn Lý	1-1991 – 1-2004	11-1989 – 12-1990 là Quyền Viện trưởng
5	Phạm Văn Thắng	2-2004 – 7-2011	
6	Phùng Tiến Quân	Từ tháng 7-2011 đến nay	

2. Tòa án nhân dân tỉnh

Hệ thống Tòa án nhân dân tỉnh ra đời từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945; hiện nay, được tổ chức và hoạt động theo Luật tổ chức Tòa án nhân dân, được Quốc hội khóa X nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ 11, ngày 2-4-2002, có hiệu lực thi hành từ ngày 1-10-2002.

1- Tòa án nhân dân tỉnh

Gồm có: Ủy ban Thẩm phán; Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa kinh tế, Tòa lao động, Tòa hành chính; bộ máy giúp việc.

Tòa án nhân dân tỉnh có Chánh án, các Phó Chánh án, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký.

Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh gồm có:

- Chánh án, các Phó Chánh án và một số thẩm phán.

- Các Tòa chuyên trách có Chánh tòa, Phó Chánh tòa, thẩm phán, thư ký.

2- Tòa án nhân dân huyện, thành phố

Có 07 tòa án nhân dân huyện, thành phố: Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Nà Hang, Lâm Bình, thành phố Tuyên Quang.

Về cơ cấu tổ chức:

Tòa án nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh có Chánh án, một hoặc hai Phó Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký.

Tòa án nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh có bộ máy giúp việc.

Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Phú	1946 - 1949	
2	Ngô Văn Thâu	1949 - 1956	
3	Bùi Văn Cầu	1956 - 1966	
4	Lê Hoàn	1966 - 1970	
5	Lý Văn Ban	1971 - 1976	
6	Ma Khái Sò	1976 - 1978	
7	Lý Văn Ban	1978 - 1981	
8	Nguyễn Thị Hào	1981 - 1985	
9	Hoàng Hải	1985 - 2001	
10	Lý Khắc Đồng	2001 - 2013	
11	Lê Quang Bích	Từ năm 2013 đến nay	

3. Ngân hàng nhà nước

Thành lập năm 1951 với tên gọi ban đầu là Chi nhánh Ngân hàng quốc gia tỉnh Tuyên Quang. Từ năm 1961, gọi là Ngân hàng nhà nước tỉnh Tuyên Quang. Từ năm 1988 trở về trước, bộ máy tổ chức của Ngân hàng nhà nước có đến cấp huyện; từ sau khi thành lập Ngân hàng chuyên doanh (năm 1988 đến nay) bộ máy của Ngân hàng nhà nước chỉ có ở cấp tỉnh và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng.

Ngân hàng chuyên doanh (thực hiện chức năng kinh doanh) gồm:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thành lập năm 1988 (ngày mới thành lập là Ngân hàng Phát triển nông nghiệp tỉnh).

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển, thành lập năm 1991 (từ năm 1991 đến tháng 4-2012 là Ngân hàng Đầu tư và phát triển; từ tháng 5-2012 đến nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển).

- Ngân hàng Chính sách xã hội, thành lập năm 1995 (từ năm 1995 đến năm 2002 là Ngân hàng Phục vụ người nghèo; từ năm 2003 là Ngân hàng Chính sách xã hội).

- Ngân hàng Phát triển, thành lập năm 1995 (từ năm 1995 đến năm 1999 là Cục Đầu tư phát triển; từ năm 2000 đến năm 2005 là Quỹ Hỗ trợ phát triển; từ năm 2006 đến nay là Ngân hàng Phát triển).

- Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương, thành lập năm 2009.

Giám đốc Ngân hàng nhà nước tỉnh Tuyên Quang qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ
1	Nguyễn Gia Hạc	Trưởng chi nhánh	1951 - 1954
2	Triệu Kim Dung	Quyên Trưởng chi nhánh	1955 - 1956
3	Nguyễn Thanh	Thừa ủy quyền Trưởng chi nhánh	1-1957 – 6-1957
4	Hoàng Trung Thiện	Trưởng ban điều hành	6-1957 – 1958
5	Đoàn Kim Thái	Trưởng chi nhánh	1959 - 1960
6	Nguyễn Văn Phong	Trưởng chi nhánh	1961 - 1968
7	Nguyễn Như Đình	Trưởng chi nhánh	1968 - 1973
8	Hoàng Trung Thiện	Trưởng chi nhánh	1973 - 1975
9	Hà Doãn Đốc	Giám đốc	1983 – 7-1998
10	Nguyễn Văn Mạn	Giám đốc	8-1998 – 3-2007
11	Trịnh Ngọc Tuấn	Giám đốc	Từ tháng 4-2007 đến nay

Giám đốc các ngân hàng chuyên doanh qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ
A	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn		
1	Đặng Hà Luận	Giám đốc	7-1988 – 8-1991
2	Nguyễn Văn Mạn	Giám đốc	9-1991 – 9-1998
2	Nguyễn Thị Tuyên	Giám đốc	Từ tháng 10-1998 đến nay
B	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển		
1	Nguyễn Duy Lạng	Giám đốc	9-1991 – 2-1995
2	Nguyễn Thị Nguyệt Hồng	Giám đốc	3-1995 – 2005
3	Hứa Đức Se	Giám đốc	Từ năm 2005 đến nay
C	Ngân hàng Chính sách xã hội		
1	Nguyễn Thị Tuyên	Giám đốc	12-1995 – 1-1999
2	Lê Ngọc Bảo	Giám đốc	2-1999 – 12-2009
3	Trương Văn Bình	Giám đốc	Từ tháng 12-2009 đến nay
D	Ngân hàng Phát triển		
1	Nguyễn Duy Lạng	- Cục trưởng Cục Đầu tư phát triển - Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển	- 3-1995 – 12-1999 - 4-1999 – 3-2006
2	Nguyễn Minh Hoà	- Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển - Giám đốc Ngân hàng phát triển	- 4-2006 – 6-2006 - Từ tháng 7-2006 đến nay
E	Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương		
1	Nguyễn Thị Việt Hằng	Giám đốc	Từ tháng 8-2009 đến nay

4. Kho bạc nhà nước

Được tách khỏi Sở Tài chính thành cơ quan độc lập từ năm 1990. Hiện nay được thành lập đến cấp huyện.

Giám đốc Kho bạc nhà nước qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Điều	1990 – 4-2003	Giám đốc
2	Trần Quang Đông	Từ tháng 4-2003 đến nay	Giám đốc

5. Cục Thuế

Thành lập tháng 10-1990 trên cơ sở hợp nhất các cơ quan thu ngân sách: Chi cục Thuế công thương nghiệp; Phòng Thu quốc doanh các xí nghiệp trung ương và địa phương; Phòng Thuế nông nghiệp.

Tổ chức bộ máy hiện nay của Cục Thuế tỉnh bao gồm: 11 phòng thuộc Cục Thuế và 7 Chi cục Thuế các huyện, thành phố trực thuộc Cục Thuế.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Thanh	1992 - 1994	Cục trưởng
2	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1994 - 1999	Cục trưởng
3	Đỗ Đình Bằng	1999 - 2006	Cục trưởng
4	Phạm Trung Sơn	Từ năm 2006 đến nay	Cục trưởng

6. Bưu điện

Thành lập từ tháng 10-1945 (khi mới thành lập gọi là Ty Bưu điện tỉnh, từ năm 1976 gọi là Bưu điện tỉnh; từ tháng 1-2008 tách thành 2 đơn vị, đó là: Viễn Thông Tuyên Quang và Bưu điện tỉnh.

Giám đốc (Trưởng ty) Bưu điện tỉnh qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Mè Văn Tư	10-1945	Trưởng ty
2	Lê Thông	1954 – 7-1959	Trưởng ty
3	Trần Đoan	7-1959 – 7-1967	Trưởng ty
4	Nguyễn Văn Quý	7-1967 – 10-1976	Trưởng ty

5	Nguyễn Bá Khiên	10-1976 – 7-1979	Giám đốc
6	Triệu Đức Nghi	7-1979 – 5-1988	Giám đốc
7	Hà Văn Việt	5-1988 – 1-2003	Giám đốc
8	Trần Quốc Hải	2-2002 -12-2007	Giám đốc
9	Nguyễn Xuân Hùng	1-2008 – 01-2009	Phó Giám đốc (phụ trách Bưu điện tỉnh)
10	Phạm Gia Bình	Từ tháng 2-2009 đến nay	Giám đốc

Giám đốc Viễn Thông Tuyên Quang qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Trần Quốc Hải	Từ tháng 1-2008 đến nay	Giám đốc

7. Cục thống kê

Cục trưởng Cục Thống kê qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Lê Thanh Hùng	1956 - 1960	Từ tháng 5-1956 đến năm 1960, thuộc Ủy ban Kế hoạch tỉnh; tháng 12-1960, chuyển thành cơ quan độc lập trực thuộc Ủy ban hành chính tỉnh.
2	Đào Văn Tuyên	1961 – 7-1974	Từ tháng 4-1974, Tổng cục Thống kê quản lý.
3	Trần Thi	8-1974 – 9-1980	
4	Lê Đình Phùng	10-1980 – 7-1987	
5	Phạm Thiệu Lăng	8-1987 – 3-2006	- Tháng 8-1988 sáp nhập vào Ủy ban Kế hoạch, do địa phương quản lý; tháng 5-1992 tách khỏi Ủy ban Kế hoạch thành cơ quan độc lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. - Từ năm 1994, Tổng cục Thống kê quản lý theo ngành dọc.
6	Lê Văn Thảo	4-2006 – 9-2011	
7	Nguyễn Việt Thái	Từ tháng 10-2011 đến nay	

CÁC SỞ, BAN, NGÀNH QUA CÁC THỜI KỲ

Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

1. Văn phòng Ủy ban hành chính (Ủy ban kháng chiến hành chính)
2. Ty Văn hóa (từ năm 1946)
3. Ty Lao động (từ năm 1947)
4. Ty Giao thông - Công chính (từ năm 1946)
5. Ty Tài chính (từ năm 1950)
6. Chi nhánh Ngân hàng quốc gia tỉnh (từ tháng 5-1951)
7. Ty Khuyến nông (1946-1952)
8. Ty Thú ngư (1946-1952)
9. Ty Canh nông (thành lập từ năm 1952 trên cơ sở sáp nhập Ty Khuyến nông với Ty Thú ngư)
10. Ty Bình dân học vụ (1945-1952)
11. Ty Giáo dục phổ thông (1945-1952)
12. Ty Giáo dục phổ thông và Bình dân học vụ (thành lập từ năm 1952 trên cơ sở sáp nhập Ty Tiểu học với Ty Bình dân học vụ, đến năm 1953 đổi là Ty Giáo dục)
13. Chi sở Mật dịch (từ năm 1951)
14. Ty Y tế (từ năm 1947)
15. Ty Bưu điện (từ tháng 10-1945)
16. Tòa án nhân dân tỉnh

Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước (1954-1975)

1. Văn phòng Ủy ban hành chính
2. Ty Văn hóa (1954-1970)
3. Ty Thông tin (1966-1970)
4. Ty Văn hóa - Thông tin (từ năm 1970)
5. Ban Thể dục - Thể thao (từ năm 1957 đến năm 1970 đổi là Ty Thể dục - Thể thao)
6. Ty Lao động
7. Ban Thương binh và Xã hội (từ năm 1968), sau đổi là Ty Thương binh và Xã hội
8. Ty Y tế
9. Ủy ban Bà mẹ và Trẻ em (từ năm 1971)
10. Ty Thủy lợi - Kiến trúc (1955-1960)
11. Ty Kiến trúc (1961-1970)
12. Ty Xây dựng (từ năm 1973, trên cơ sở sáp nhập Ty Kiến trúc với Ban Xây dựng cơ bản)

13. Ban Kiến thiết cơ bản (từ năm 1954 đến năm 1973 sáp nhập vào Ty Kiến trúc thành Ty Xây dựng)
14. Ty Thủy lợi (10-1960 – 6-1982)
15. Ty Giao thông
16. Ủy ban Kế hoạch (từ năm 1955)
17. Cục Thống kê (từ năm 1957 đến tháng 4-1974 được giao về cho Tổng cục Thống kê quản lý)
18. Ty Tài chính
19. Ủy ban Vật giá
20. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh
21. Ty Nông nghiệp từ năm 1956 đến tháng 3-1980 gọi là Ủy ban Nông nghiệp)
22. Ty Lâm nghiệp, từ năm 1956 đến năm 1976 gọi là Công ty Lâm nghiệp.
23. Chi cục Kiểm lâm (từ năm 1973 đến tháng 5-1976)
24. Ban Kỹ thuật (từ năm 1959 đến năm 1965 gọi là Ban Khoa học - kỹ thuật)
25. Ban Tổ chức và dân chính (từ năm 1963 đến năm 1968 tách thành Ban Tổ chức và Ban Thương binh - Xã hội)
26. Ban Tổ chức (từ năm 1968)
27. Ban Thi đua (từ năm 1973, gọi là Ban Thi đua - Khen thưởng)
28. Ty Giáo dục
29. Ban Công nghiệp (từ năm 1959, sau đó gọi là Ty Công nghiệp)
30. Ty Thương nghiệp
31. Ty Lương thực (từ năm 1960)
32. Ty Bưu điện
33. Ban Thanh tra chính quyền (từ năm 1956, năm 1964 giải thể, đến năm 1969 tái lập gọi là Ủy ban Thanh tra)
34. Ban Dân tộc (từ năm 1966)
35. Ban Quy hoạch và Phân vùng kinh tế (từ năm 1972)
36. Tòa án nhân dân tỉnh
37. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh (từ năm 1960)

Thời kỳ này, tỉnh còn có Ban Định canh - định cư, Ban Quản lý hợp tác xã nông nghiệp, Ban Công tác vùng cao; nhưng do hạn chế về tư liệu, chúng tôi chưa xác định được chính xác về các cơ quan này (BBT).

Thời kỳ tỉnh Hà Tuyên (1976-1991)

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân
2. Ty Văn hóa - Thông tin (đến 1982 gọi là Sở, năm 1991 sáp nhập với Sở Thể dục thể thao thành Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao).
3. Ty Thể dục - Thể thao (từ năm 1980 đến năm 1983, sáp nhập vào Ty Y tế).

4. Ty Lao động (từ năm 1982 là Sở Lao động, đến năm 1987 sáp nhập với Sở Thương binh và Xã hội thành Sở Lao động, Thương binh và Xã hội).
5. Ty Thương binh và Xã hội (từ năm 1982 là Sở Thương binh và Xã hội, đến năm 1987 sáp nhập với Sở Lao động thành Sở Lao động, Thương binh và Xã hội)
6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (từ năm 1988)
7. Ủy ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình (từ tháng 5-1984).
8. Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em (năm 1981, sáp nhập vào Sở Giáo dục).
9. Sở Tư Pháp (từ năm 1977 đến năm 1982, gọi là Ban Pháp chế).
10. Sở Xây dựng (từ năm 1982 về trước là Ty Xây dựng).
11. Sở Giao thông - Vận tải.
12. Ủy ban Kế hoạch.
13. Sở Tài chính (đến năm 1987 nhập với Ủy ban Vật giá thành Sở Tài chính - Vật giá)
14. Ủy ban Vật giá (năm 1980 nhập vào Sở Tài chính, thành Sở Tài chính - Vật giá; năm 1983 tách ra thành 2 cơ quan là Sở Tài chính và Ủy ban Vật giá; đến năm 1988 lại sáp nhập với Sở Tài chính thành Sở Tài chính - Vật giá)
15. Sở Tài chính - Vật giá (từ năm 1988)
16. Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh
17. Kho bạc nhà nước (từ năm 1990)
18. Cục Thuế (từ tháng 8-1990)
19. Sở Nông nghiệp Hà Tuyên (3-1980 – 2-1988: hợp nhất Ban chỉ đạo vùng kinh tế mới với Ty Nông nghiệp thành Sở Nông nghiệp Hà Tuyên).
20. Ủy ban Nông nghiệp (đến năm 1988 sáp nhập với Ty Thủy lợi, Sở Lâm nghiệp, Ban Quản lý ruộng đất và đo đạc bản đồ thành Sở Nông - Lâm nghiệp)
21. Sở Lâm nghiệp (đến năm 1988, nhập với Ty Thủy lợi, Sở Nông nghiệp, Ban Quản lý ruộng đất và đo đạc bản đồ thành Sở Nông - Lâm nghiệp).
22. Ty Thủy lợi (đến năm 1988, nhập với Sở Nông nghiệp, Sở Lâm nghiệp, Ban Quản lý ruộng đất và đo đạc bản đồ thành Sở Nông - Lâm nghiệp), năm 1988 nhập với Ty Thủy lợi, Sở Nông nghiệp, Sở Lâm nghiệp thành Sở Nông - Lâm nghiệp).
23. Chi cục Kiểm lâm tỉnh (5-1976 – 3-1980)
24. Sở Nông - Lâm nghiệp (từ năm 1988)
25. Ban Khoa học kỹ thuật (đến năm 1984 đổi là Ủy ban Khoa học kỹ thuật, năm 1988 lại đổi là Ban Khoa học kỹ thuật)
26. Ban Tổ chức
27. Ban Thi đua - Khen thưởng (từ năm 1987 đến năm 1999 nhập vào Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)
28. Sở Giáo dục (đến năm 1987 sáp nhập với Ban Giáo dục chuyên nghiệp thành Sở Giáo dục - Đào tạo)
29. Ban Giáo dục chuyên nghiệp (từ năm 1982 đến năm 1987 nhập với Sở Giáo dục thành Sở Giáo dục - Đào tạo)
30. Sở Giáo dục - đào tạo (từ năm 1987)

31. Sở Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp
32. Ty (Sở) Thương nghiệp
33. Ty (Sở) Y tế (từ năm 1980, sáp nhập với Ty Thể dục thể thao thành Sở Y tế và Thể dục thể thao. Tháng 7-1983, Sở Y tế và Thể dục thể thao tách thành Sở Thể dục thể thao và Sở Y tế)
34. Bưu điện tỉnh
35. Ủy ban Thanh tra tỉnh (sau đổi là Thanh tra tỉnh)
36. Ty (Sở) Lương thực
37. Ban Dân tộc (sau đó giải thể, chưa rõ thời gian)
38. Ban Quy hoạch và phân vùng kinh tế (từ năm 1980 nhập vào thành một bộ phận trực thuộc Ủy ban Kế hoạch)
39. Sở Điện lực
40. Ban Xây dựng cơ bản (từ tháng 1-1982 đến tháng 3-1988 nhập vào Sở Xây dựng, không có Trưởng ban)
41. Đài Phát thanh Hà Tuyên (thành lập từ tháng 10-1976 đến tháng 10-1991 là Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh Tuyên Quang).
42. Cục Thống kê tỉnh
43. Tòa án nhân dân tỉnh
44. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh
45. Sở Điện lực (thành lập tháng 10-1982) đến tháng 3-1996 đổi thành Điện lực Tuyên Quang; từ tháng 11-2009 đổi thành Công ty điện lực Tuyên Quang.
46. Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh từ năm 1982
47. Chi nhánh Ngân hàng Phát triển nông nghiệp (thành lập năm 1988, sau đổi thành Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn)
48. Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển (thành lập năm 1991).

Thời kỳ tái lập tỉnh Tuyên Quang (từ năm 1992 đến năm 2010)

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân
2. Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao (đến năm 2000).
3. Sở Văn hóa - Thông tin (2001 - 4-2008). Từ tháng 4-2008 đến nay: Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch.
4. Sở Thể dục Thể thao (2001 - 2007). Từ tháng 4-2008 sáp nhập với Sở Văn hóa, Thông tin thành: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
5. Sở Lao động (đến năm 1988)
6. Sở Thương binh và Xã hội (đến năm 1988)
7. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (từ năm 1988)
8. Sở Y tế

9. Ủy ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình (đến năm 2002)
10. Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em (tái lập thành cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh từ 1991, đến năm 2002 sáp nhập với Ủy ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình thành Ủy ban Dân số gia đình và trẻ em)
11. Ủy ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình (từ năm 2002 trên cơ sở sáp nhập Ủy ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình với Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em; đến tháng 4-2008 Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em giải thể, chuyển giao chức năng quản lý nhà nước về gia đình sang Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chuyển giao chức năng quản lý nhà nước về trẻ em sang Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, chuyển giao chức năng quản lý nhà nước về dân số sang Sở Y tế).
12. Sở Xây dựng
13. Sở Tư pháp
14. Sở Giao thông - Vận tải
15. Sở Kế hoạch và Đầu tư (trước năm 1996 gọi là Ủy ban Kế hoạch)
16. Sở Tài chính
17. Kho bạc
18. Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh
19. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trước năm 1996, gọi là Sở Nông - Lâm nghiệp)
20. Chi cục Kiểm lâm tỉnh (9-1993 – 12-2007)
21. Sở Tài nguyên - Môi trường (1994-2004 là Sở Địa chính)
22. Sở Khoa học - Công nghệ
23. Sở Nội vụ (trước năm 2004, là Ban Tổ chức chính quyền)
24. Ban Thi đua - Khen thưởng (tách thành cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2000; đến năm 2008, sáp nhập vào Sở Nội vụ)
25. Sở Giáo dục - Đào tạo
26. Sở Công nghiệp - Thủ công nghiệp (đến tháng 4-2008)
27. Sở Thương mại và Du lịch (đến tháng 4-2008)
28. Sở Công thương (từ tháng 4-2008)
29. Sở Lương thực (đến năm 1995 chuyển thành Công ty Lương thực, trực thuộc ngành dọc của Trung ương).
30. Sở Bưu chính - Viễn thông (9-2005 – 4-2008)
31. Sở Thông tin - Truyền thông (từ tháng 4-2008)
32. Bưu điện tỉnh
33. Thanh tra tỉnh
34. Ban Dân tộc và miền núi (1994 - 2005)
35. Ban Dân tộc và tôn giáo (2005 – 4-2008)
36. Ban Dân tộc (từ năm 2008)

37. Sở Điện lực đến tháng 3-1996 đổi thành Điện lực Tuyên Quang; từ tháng 11-2009 đổi thành Công ty điện lực Tuyên Quang đến nay
38. Cục Thuế tỉnh
39. Cục Thống kê tỉnh
40. Sở Ngoại vụ (từ tháng 12-2011)
41. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh
42. Bảo hiểm xã hội tỉnh
43. Liên minh các hợp tác xã (từ năm 1995)
44. Cục Thi hành án dân sự
45. Ban quản lý Dự án RIDP
46. Ban Di dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang
47. Ban chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng
48. Ban Quản lý khu công nghiệp Long Bình An
49. Ban Quản lý khu Du lịch sinh thái Nà Hang
50. Ban Quản lý khu Du lịch suối khoáng Mỹ Lâm
51. Tòa án nhân dân tỉnh
52. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
53. Viễn thông Tuyên Quang
54. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (12-1995)
55. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh
56. Ngân hàng thương mại cổ phần và đầu tư phát triển
57. Ngân hàng phát triển tỉnh (1-1995)
58. Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương (8-2009)
59. Viễn Thông Tuyên Quang (1-2008, tách từ Bưu điện tỉnh).
60. Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh
61. Hội Nhà báo tỉnh
62. Hội Chữ thập đỏ tỉnh

Chương IV

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TUYÊN QUANG

I- LỰC LƯỢNG QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG

1. Tổ chức quân sự địa phương

1- Trong kháng chiến chống thực dân Pháp

Ngày 14-7-1947, theo quyết định của Bộ Quốc phòng, Tỉnh đội Tuyên Quang được thành lập, có ban chính trị, ban quân sự, ban tổ chức và một số cán bộ làm công tác quân báo; gồm 30 cán bộ, chiến sĩ do đồng chí Phạm Cương làm Tỉnh đội trưởng, đồng chí Vũ Tuấn làm Chính trị viên. Sau khi Tỉnh đội Tuyên Quang ra đời, các ban huyện đội (Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Nà Hang) và Thị đội Tuyên Quang cũng lần lượt được thành lập, do một huyện ủy viên, thị ủy viên được cử sang trực tiếp phụ trách. Các xã đội trong toàn tỉnh cũng được thành lập, đảng ủy xã cử cán bộ sang đảm nhiệm công tác quân sự.

Nhằm tăng cường khả năng chiến đấu cho lực lượng quân sự địa phương, năm 1947 tỉnh Tuyên Quang mở Trường Quân chính Minh Khai. Qua bốn khóa huấn luyện, Trường đã đào tạo được hơn 300 cán bộ quân sự, chính trị, bổ sung cho các ngành, các đơn vị. Trường còn mở 10 lớp bồi túc chuyên ngành quân sự cho 20 cán bộ xã đội, 411 cán bộ trung đội, tiểu đội

và nhiều lớp huấn luyện cho lực lượng du kích xã.

Ngày 24-5-1947, Hội nghị dân quân, du kích toàn quốc lần thứ nhất đã thống nhất tổ chức dân quân tự vệ và du kích từ những tổ chức vũ trang quần chúng, do Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc xây dựng trở thành một bộ phận trong các lực lượng vũ trang nhà nước, do các cơ quan quân sự địa phương chỉ huy.

Chấp hành chủ trương “Phát động du kích chiến tranh”, năm 1948, Tuyên Quang huấn luyện quân sự cho 207 cán bộ xã đội, đạt tỷ lệ 44%; 333 cán bộ trung, tiểu đội, đạt tỷ lệ 60%; 8.367 du kích, đạt tỷ lệ 95% và 2.188 dân quân, chiếm tỷ lệ 23%.

Chấp hành sắc lệnh và chỉ thị của trên, tính đến cuối năm 1949, Tuyên Quang đã xây dựng và phát triển được 3.270 du kích; 9.098 tự vệ, dân quân và một đại đội bộ đội địa phương 298 người (C821). Với phương châm “Du kích chiến là chính”, Tuyên Quang đã mở lớp huấn luyện cho 12 cán bộ huyện đội; 116 cán bộ xã đội; 131 cán bộ tiểu đội, trung đội và hàng nghìn đội viên du kích. Cùng với phương châm “Bộ đội địa phương do địa phương tổ chức và nhân dân nuôi dưỡng”, lực lượng bộ đội địa phương đã phát triển mạnh mẽ. Từ Đại đội 821, đến cuối năm 1949,

đã phát triển thành Tiểu đoàn 821 có 3 đại đội (C210, C215, C220). Sau một thời gian chiến đấu, Tiểu đoàn 821 đổi thành Tiểu đoàn 48. Cũng từ đó, Liên chi đoàn 48 được thành lập. Ở mỗi xã có một tiểu đội du kích, mỗi huyện có từ một trung đội đến một đại đội dân quân (gọi là trung, đại đội dự bị), sẵn sàng bổ sung quân số cho bộ đội địa phương.

Đến năm 1950, Tiểu đoàn 48 bộ đội địa phương của tỉnh Tuyên Quang có 4 đại đội (C220, C210, C215, C79) và 2 trung đội trợ chiến với đủ quân số. Lực lượng dân quân du kích cũng được kiện toàn, tổ chức biên chế sắp xếp lại cho phù hợp với khả năng và trình độ tác chiến trên từng địa bàn. Mỗi xã có một tiểu đội dân quân du kích; mỗi thôn, bản có từ một tổ đến một tiểu đội du kích.

Cuối năm 1951, Đại đội 215 và Đại đội 79 bộ đội địa phương tỉnh Tuyên Quang, được điều động đi chiến dịch Hòa Bình. Sau đó, các đại đội này được bổ sung cho Trung đoàn 148 thuộc Đại đoàn 316. Đầu năm 1952, Đại đội 210 và Trung đội 360 bổ sung cho Trung đoàn 238 chủ lực của Liên khu Việt Bắc; một trung đội gồm 36 cán bộ, chiến sĩ được điều về Cục Địch vận của Bộ Tổng tư lệnh. Lực lượng bộ đội địa phương tỉnh Tuyên Quang chỉ còn lại Đại đội 220, nhưng phần lớn là chiến sĩ mới nhập ngũ.

Cuối năm 1952 đầu năm 1953, Tuyên Quang tuyển quân thành lập Đại đội 210 và Đại đội 215 theo phiên hiệu đơn vị cũ; đồng thời tổ chức học tập, huấn luyện cho các đơn vị có đủ khả năng chiến đấu. Tính đến tháng 1-1954, Tỉnh đội Tuyên Quang đã hoàn thành việc biên chế theo quy định: Bộ đội địa phương của tỉnh gồm một tiểu đoàn (có 4 đại đội) và một trung đội trợ chiến. Các đơn vị dân quân, du kích cũng được tổ chức, sắp xếp lại: mỗi xã

thành lập một trung đội dân quân du kích; mỗi thôn, bản đều có một tổ hoặc tiểu đội dân quân du kích vừa sản xuất, vừa chiến đấu bảo vệ bản làng. Với phương châm tác chiến “Phát triển chiến tranh du kích lên cao độ”, phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực, chuẩn bị cho cuộc tổng phản công; ở Tuyên Quang, ngoài lực lượng chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, dân quân du kích địa phương còn thành lập các tổ chuyên môn kỹ thuật, như tổ đánh địa lôi, tổ tháo gỡ bom mìn, tổ thông tin, tổ trinh sát... Các tổ này đều được huấn luyện cơ bản. Cùng thời gian này, để tăng cường lãnh đạo đối với lực lượng vũ trang, Đảng bộ tỉnh đã điều động cấp ủy sang lãnh đạo lực lượng vũ trang: cấp Tỉnh đội là Thường vụ Tỉnh ủy, cấp huyện đội là các huyện ủy viên, cấp xã đội là các bí thư chi bộ. Nhờ vậy, hoạt động của lực lượng vũ trang địa phương có nhiều chuyển biến rõ rệt, đáp ứng được nhiệm vụ mới.

Với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Pháp”, lực lượng quân sự địa phương của tỉnh nhanh chóng biên chế thành tiểu đội, trung đội; xã thành đại đội; huyện thành tiểu đoàn. Các đơn vị này đã vận chuyển hậu cần lên chiến trường Tây Bắc. Vào thời điểm quyết định của chiến dịch Điện Biên Phủ (từ tháng 3 đến tháng 5-1954), Tuyên Quang đã huy động 1.854.360 ngày công với tổng số 56.196 người, chiếm 43% dân số toàn tỉnh, góp phần vào chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử.

2- Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Năm 1955, Tuyên Quang đã xây dựng vững mạnh 4 đại đội và 2 trung đội bộ đội địa phương, 6 huyện đội, bổ sung cho quân chủ lực 2 đại đội và 2 trung đội. Toàn bộ lực lượng này đã qua học tập chính trị, chính huấn và hoàn thành tốt qua các khóa huấn luyện. Theo thống kê đến cuối

năm 1955, toàn tỉnh có 4.180 dân quân, du kích. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân sự cho cơ sở được chú ý. Từ tháng 3 đến tháng 9-1955, tỉnh đã mở hai lớp huấn luyện, chính huấn cho 187 cán bộ xã đội của 121 xã.

Năm 1957, toàn tỉnh có 532 cán bộ xã đội (có 138 cán bộ là đảng viên), 581 cán bộ tiểu đội. Giữa năm 1957, Bộ Quốc phòng cho xây dựng cơ sở kho K820 ở huyện Sơn Dương, Đảng ủy Tỉnh đội đã tuyển chọn 143 dân quân, tự vệ của huyện Yên Sơn bổ sung cho các đơn vị thi công công trình và điều động hai đại đội bộ đội địa phương trực tiếp canh gác, bảo vệ. Cuối năm 1957, hai đơn vị này được biên chế vào lực lượng sản xuất của công trình do Bộ Quốc phòng quản lý.

Năm 1958, lãnh đạo chỉ huy Tỉnh đội được bổ sung đủ 4 người, do đồng chí Nguyễn Thu Sơn làm Tỉnh đội trưởng. Các ban chuyên môn cũng được kiện toàn, đủ khả năng thực hiện các chức năng tham mưu, chỉ đạo tác chiến trên địa bàn. Cuối năm 1959, cơ quan quân sự tỉnh, huyện, xã đã cơ bản ổn định về tổ chức, biên chế. Toàn tỉnh có 351 cán bộ xã đội (có 91 cán bộ là chi ủy viên); có 9.056 dân quân tự vệ (tăng 6.768 người so với năm 1958); trong đó có 4.303 dân quân tự vệ loại 1 và 4.753 dân quân tự vệ loại 2. Tỉnh đội đã trang bị cho dân quân tự vệ 2.000 súng bộ binh. Hầu hết các cơ sở đều lập tiểu đội, trung đội dân quân tự vệ, có cơ sở lập tới đại đội. Tỉnh đội đã tham mưu chỉ đạo thành lập 6 trung đội dân quân huyện và 17 trung đội dân quân ở các xã vùng xung yếu, được huấn luyện kỹ, trang bị tốt để khi cần có thể độc lập chiến đấu. Tháng 10-1960, Tỉnh đội đã cùng các ngành thành lập Khu An toàn ở 4 xã: Đà Vị, Thượng Nông, Thượng Giáp và Hồng Thái của huyện Nà Hang để ổn định hậu phương về chính trị.

Năm 1961, chỉ huy Tỉnh đội được kiện toàn do đồng chí Hoàng Quang Sơn làm Tỉnh đội trưởng. Toàn tỉnh đã ổn định biên chế 201 trung đội nam và 1 trung đội nữ, tăng 182 trung đội so với năm 1960. Tổng số dân quân tự vệ có 13.675 người, chiếm 8,3% dân số toàn tỉnh. Để chuẩn bị chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ, tháng 5-1964, hệ thống phòng không nhân dân các cấp được thành lập. Các chủ tịch Ủy ban hành chính các cấp, thủ trưởng cơ quan các ngành trực tiếp làm chủ nhiệm phòng không. Cơ quan phòng không các cấp gồm: quân sự, công an, giao thông, bưu điện, y tế. Hệ thống phòng không các cấp đã hướng dẫn nhân dân và cơ quan phòng tránh, đào hầm trú ẩn, tổ chức các đài quan sát báo động. Các lực lượng chiến đấu bảo vệ trị an, các đội cứu thương, cứu hoả đã được xây dựng, củng cố và huấn luyện. Mạng lưới thông tin liên lạc được trang bị bảo đảm thông suốt để phục vụ chỉ huy chiến đấu.

Cuối năm 1965, dân quân tự vệ toàn tỉnh có 22.084 người, chiếm 11,83% dân số, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ hậu phương, chi viện chiến trường.

Về tổ chức lực lượng, toàn tỉnh đã sắp xếp biên chế được 75 tổ dân quân tự vệ, xây dựng công sự, trận địa trực chiến ở các điểm cao phục kích đón bắn máy bay bay thấp bằng súng bộ binh, nơi địch thường bay qua và bảo vệ các mục tiêu quan trọng, các khu vực trọng điểm giao thông. Ngoài ra, Tỉnh đội còn thành lập một trung đội dân quân tập trung được huấn luyện và trang bị súng máy cao xạ 12,7mm, làm nhiệm vụ chiến đấu tại chỗ và cơ động chiến đấu khi cần thiết. Lực lượng phục vụ chiến đấu của dân quân tự vệ toàn tỉnh có 901 tổ công binh để bảo đảm giao thông; trong đó Tỉnh đội đã tập huấn cho

1.030 dân quân các huyện và tự vệ cơ quan cách rả phá, tháo gỡ bom mìn.

Bộ đội địa phương của tỉnh đến đầu năm 1965 mới có 1 đại đội bộ binh (C220) lấy tên Đại đội Khe Lau, còn lại là cơ quan Tỉnh đội và các ban chỉ huy quân sự huyện đội với tổng số trên 300 cán bộ, chiến sĩ. Chỉ huy Tỉnh đội do đồng chí Lương Thế Nho làm Tỉnh đội trưởng. Nhằm tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, Tỉnh đội Tuyên Quang thành lập tiểu đoàn bộ binh lấy tên Tiểu đoàn Đăng Châu. Tháng 3-1965, Tiểu đoàn hành quân từ Sơn Dương về chân núi Là ở xã Châu Sơn (huyện Yên Sơn) để xây dựng lán trại và huấn luyện quân sự. Tháng 6-1965, Tiểu đoàn Đăng Châu được tỉnh đưa về trực thuộc Trung đoàn 246 của Quân khu Việt Bắc.

Tháng 5-1965, Quân khu Việt Bắc giao cho Tỉnh đội Tuyên Quang thành lập tiểu đoàn pháo phòng không 37mm, mang phiên hiệu D119, lấy tên là Tiểu đoàn Bình Ca 1, gồm 3 đại đội pháo phòng không 37mm, 1 đại đội súng máy cao xạ 12,7mm. Tháng 6-1967, Tiểu đoàn Bình Ca 2 được thành lập, gồm 500 cán bộ, chiến sĩ. Sau 3 tháng huấn luyện tại xã Châu Sơn (huyện Yên Sơn), Tiểu đoàn lên đường vào Nam chiến đấu. Năm 1968, Tuyên Quang tiếp tục xây dựng và huấn luyện Tiểu đoàn Bình Ca 3 bổ sung cho Mặt trận B4 (miền Nam).

Ngày 25-5-1970, Thường trực Quân ủy Trung ương ra Nghị quyết số 61-NQ/QUTƯ, về công tác quân sự địa phương.

Để thực hiện nhiệm vụ công tác này, năm 1970, Tỉnh đội được đổi tên là Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, các ban trước đây được nâng lên thành các phòng: Phòng Tham mưu, Phòng Chính trị, Phòng Hậu cần. Cơ quan quân sự huyện đội trước đây đổi thành Ban Chỉ huy Quân sự huyện và

các ban chuyên môn trong cơ quan. Lực lượng dân quân tự vệ được tăng cường, chiếm 14% dân số, trong đó có hơn 20% là đảng viên.

Ngày 6-4-1972, đế quốc Mỹ đánh phá trở lại miền Bắc. Tại Tuyên Quang, ngoài lực lượng quân sự địa phương đã có từ trước, tỉnh thành lập một tiểu đoàn pháo phòng không mang phiên hiệu Tiểu đoàn 48 Tuyên Quang, vừa là lực lượng chiến đấu tại chỗ, vừa là lực lượng cơ động của Quân khu.

Bên cạnh lực lượng thường trực sẵn sàng chiến đấu, năm 1972, tỉnh còn thành lập 1 đại đội dân quân trực chiến và một trung đội dân quân trang bị súng máy cao xạ 12,7mm; lực lượng này do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh trung tập, sẵn sàng cơ động chiến đấu và phục vụ chiến đấu khi xảy ra tác chiến.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Tuyên Quang đã động viên trên một vạn thanh niên nhập ngũ, bổ sung cho bộ đội chủ lực. Tỉnh còn thành lập hai tiểu đoàn pháo phòng không, Tiểu đoàn bộ binh Đăng Châu chi viện cho Quân khu Việt Bắc và năm Tiểu đoàn Bình Ca (1, 2, 3, 4, 5) lần lượt lên đường vào Nam chiến đấu.

3- Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Ngày 11-3-1977, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 46/QĐ-QP thành lập các trường quân sự địa phương thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố. Theo đó, Tuyên Quang thành lập Trường Quân sự tỉnh, với nhiệm vụ: Đào tạo, bổ túc cán bộ xã đội, đại đội, tiểu đoàn dân quân tự vệ; tập huấn cán bộ cơ quan quân sự huyện, giáo viên các trường phổ thông, đại học, trung học và công nhân kỹ thuật trên địa bàn; bồi dưỡng đường lối quân sự của Đảng, kiến thức quân sự cho cán bộ các

ngành, đoàn thể tỉnh; tham gia nghiên cứu, biên soạn tài liệu quân sự địa phương.

Ngày 20-12-1984, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 23-NQ/TW về công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Tuyên Quang đã chấp hành đầy đủ Nghị quyết của Đảng.

Ngày 14-6-1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 35/CP quy định thi hành Pháp lệnh dân quân tự vệ. Tuyên Quang thực hiện tốt những nội dung cơ bản của Nghị định: hằng năm, từ ngày 1 đến ngày 15-4, công dân trong độ tuổi dân quân tự vệ phải đăng ký danh sách tại xã, phường, thị trấn nơi thường trú hoặc nơi đang công tác, học tập, lao động. Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn nắm số lượng, chất lượng dân quân đăng ký và kết quả tuyển chọn của cơ sở để giúp Ủy ban nhân dân tổ chức lực lượng dân quân, thực hiện luân phiên trong 4 năm. Các doanh nghiệp tổ chức lực lượng tự vệ khi cơ quan quân sự tỉnh, thành phố yêu cầu hoặc khi doanh nghiệp đề nghị và được chấp thuận. Vũ khí, trang bị của lực lượng được đăng ký, quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích theo quy định.

Hiện nay ở Tuyên Quang, cơ cấu tổ chức cơ quan quân sự địa phương từ tỉnh đến cơ sở gồm: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh do Đại tá Tiêu Xuân Hồng làm Chỉ huy trưởng, 4 phòng (Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật), Văn phòng, Trường Quân sự tỉnh, Trung đoàn bộ binh 247, đại đội thiết giáp, đại đội trinh sát; 7 ban chỉ huy quân sự huyện, thành phố; 141 ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn. Những năm qua, lực lượng quân sự địa phương thực sự là lực lượng nòng cốt của địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, giữ vững và ổn định chính trị, trật tự an toàn xã

hội; thực sự là cơ quan tham mưu, giúp việc có hiệu quả đối với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp, được nhân dân tin cậy.

Về dân quân tự vệ, tổ chức dân quân tự vệ của tỉnh hiện nay gồm các trung đội, tiểu đội, các tổ dân quân chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Mỗi làng, bản có tiểu đội chiến đấu tại chỗ; các xã, phường đều có tiểu đội cơ động; các huyện, thị đều có các trung đội cơ động và một số tổ, tiểu đội chuyên môn binh chủng, các cơ quan, xí nghiệp đều có từ tiểu đội đến trung đội. Tỷ lệ dân quân tự vệ đạt 2,47% dân số. Tổ chức biên chế, trang bị của lực lượng dân quân tự vệ trong tình hình hiện nay bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ và phù hợp với khả năng của địa phương. Công tác dân quân của tỉnh đã thực hiện theo hướng "Dân bầu, dân cử, dân nuôi" với chất lượng ngày càng cao, đảng viên chiếm 12,5%, lực lượng phục viên, xuất ngũ chiếm 4,8%. Đội ngũ cán bộ cơ sở ngày càng được củng cố, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

2. Vị trí, vai trò và thành tích của lực lượng quân sự địa phương

1- Trong kháng chiến chống thực dân Pháp

Tuyên Quang vừa là hậu phương chiến lược, có khả năng cung cấp nhân lực, vật lực phục vụ tại chỗ cho cuộc chiến tranh nhân dân, vừa là một đầu mối giao thông quan trọng nối liền hai chiến trường chính là Việt Bắc và Tây Bắc, là một trong những trung tâm chỉ đạo cuộc kháng chiến. Đình Hồng Thái, đình Tân Trào, lán Nà Lừa, hang Bòng, Kim Bình, Kim Quan,... là những địa danh lịch sử đã từng chứng kiến nhiều mốc son trọng đại của

Đảng, cùng nhiều hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thực dân Pháp nhiều lần tập trung lực lượng quân sự lớn, trang bị hiện đại để bao vây, càn quét, phá hoại hậu phương của ta, nhằm tiêu diệt lực lượng chủ lực, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, cắt đứt con đường vận chuyển chi viện chiến lược (đường 13A) từ Đông Bắc sang Tây Bắc.

Lực lượng quân sự địa phương và nhân dân Tuyên Quang đã chiến đấu hàng trăm trận, tiêu diệt và làm bị thương hàng nghìn quân địch, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Những chiến thắng Bình Ca, Đèo Chấn, Hòn Lau, Cầu Cỏ, Đèo Gà, km7,... đã đi vào lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.

Những thành tích điển hình: Trong Chiến dịch Thu - Đông năm 1947, lực lượng quân sự địa phương và nhân dân Tuyên Quang đã chiến đấu 48 trận; trong đó có 30 trận độc lập, 18 trận phối hợp với bộ đội chủ lực, đã tiêu diệt gần 1.300 địch, bắn cháy, bắn chìm 10 ca nô, tàu chiến; phá hủy 1 máy bay, góp phần đánh bại hoàn toàn chiến lược “Đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp, bảo vệ vững chắc căn cứ cách mạng Việt Bắc.

Công tác bảo vệ ATK được tổ chức chặt chẽ, quy định ra vào, chế độ đi công tác, giấy tờ... Các đường ngang ngõ tắt được canh phòng cẩn mật, do dân quân du kích và công an xã đảm nhiệm. Trong ATK, các nhu cầu thiết yếu về muối, vải, dầu... được đặc biệt chú trọng; các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ đã động viên, giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng cho đông đảo quần chúng. Với sự giúp đỡ của nhân dân, lực lượng quân sự và công an tỉnh đã phát hiện và đập tan một số tổ

chức phản động ở địa phương như “Nam Dương Hoa kiều hiệp hội” ở Chiêm Hóa, Yên Bình; vụ tổ chức phản động “Thanh niên chống cộng” của bọn đội lột nhà thờ Thiên Chúa giáo...

Từ ngày 11 đến ngày 25-5-1949, đã đánh bại cuộc hành quân Pômôn của Pháp. Lực lượng quân sự địa phương và nhân dân Tuyên Quang đã chiến đấu 25 trận, tiêu diệt gần 200 tên địch, làm bị thương hàng trăm tên, bắt hơn 30 tù binh, thu một số lớn vũ khí, trang bị.

Cuối năm 1952, đầu năm 1953, đã bắt giữ 370 tên thổ phi tại xã Hồng Thái và xã Đà Vị (trong đó có 8 tên đầu sỏ, 20 tên nguy hiểm,...). Ở các xã khác, ta bắt giữ thêm 146 tên. Sau khi tập trung cải tạo, chúng nhận ra sai lầm, hối cải nên ta cho về địa phương. Nhờ có biện pháp đấu tranh linh hoạt, ta đã nhanh chóng dập tắt sự nổi dậy của bọn thổ phi ở Nà Hang. Tổ chức “Việt - Pháp - Trung liên hiệp hội” cũng bị đập tan.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử, Tuyên Quang đã cung cấp 6.486.955kg gạo, 52.770kg thịt trâu, 41.675kg thịt lợn, 10.890kg lạc, 11.282kg đậu xanh và hàng trăm tấn rau quả các loại. Trong suốt thời gian phục vụ chiến dịch (từ tháng 10-1953 đến tháng 5-1954), đã bảo đảm cho 4.734 xe vận tải từ Thái Nguyên qua Tuyên Quang lên Tây Bắc.

Thực hiện kháng chiến toàn diện, Tuyên Quang đã tích cực thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến của Đảng, phá hoại tất cả các phương tiện mà địch có thể lợi dụng. Đồng thời ta cũng khắc phục khó khăn, giữ vững mạch máu giao thông kháng chiến. Đặc biệt từ năm 1950 đến năm 1954, đã phục vụ các chiến dịch lớn tiến công quân địch trên chiến

trường Tây Bắc. Đường quốc lộ số 2 nối liền miền núi với các tỉnh trung du, đồng bằng; đường số 13A nối liền Đông Bắc với Tây Bắc luôn được sửa chữa, khắc phục kịp thời, bảo đảm an toàn, thông suốt cho hàng nghìn chuyến xe vận tải, hàng trăm đơn vị chủ lực cơ động vận chuyển.

Thực hiện vai trò vừa là hậu phương chiến lược, vừa là tiền tuyến trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Tuyên Quang đã đóng góp hàng triệu ngày công làm đường và phục vụ các chiến trường.

Với thành tích đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Pháp, Tuyên Quang được Chính phủ tặng cờ thi đua và Huân chương Kháng chiến hạng Ba; 17 đơn vị và cá nhân được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công và nhiều người được tặng bằng khen...

2- Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Điểm nổi bật trong công tác xây dựng hậu phương, căn cứ địa ở Tuyên Quang là vấn đề xây dựng lực lượng quân sự địa phương. Bộ đội địa phương, dân quân tự vệ đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi trong hoạt động chống gián điệp, biệt kích, thổ phi, chống chiến tranh phá hoại và chi viện miền Nam.

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ từ năm 1965 đến năm 1972, Tuyên Quang vừa sản xuất, chiến đấu đánh trả máy bay địch, bảo vệ vững chắc hậu phương, vừa chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, Tuyên Quang đã lập được nhiều thành tích. Ngày 24-7-1965, Mỹ sử dụng nhiều tốp máy bay chiến đấu, ném bom bắn phá

Xí nghiệp quốc phòng Z2, bến phà Bình Ca, bến phà Hiên (km18 đường 13A Tuyên Quang đi Yên Bái). Từ đó, địch thường xuyên bắn phá vào các cơ sở kinh tế, kho quân sự, cầu phà giao thông, doanh trại quân đội, nhà máy, xí nghiệp quốc phòng và cơ quan Trung ương sơ tán trong tỉnh. Mỗi khi có máy bay địch đánh phá là lực lượng quân sự địa phương và nhân dân Tuyên Quang lại cùng với bộ đội chủ lực hiệp đồng đánh trả, bảo vệ mục tiêu và bảo vệ nhân dân.

Ngày 20-7-1966, Mỹ lại cho máy bay vào trinh sát, đánh phá Tuyên Quang. Một đơn vị tên lửa của bộ đội chủ lực phục kích địch trên đất Tuyên Quang đã phối hợp với các đơn vị phòng không của tỉnh bắn cháy một máy bay trinh sát điện tử RB66 của Mỹ, bắt sống phi công.

Sáng ngày 8-8-1966, nhiều tốp máy bay bắn phá, ném bom xuống bến phà Bình Ca. Ta đã bắn rơi tại chỗ một máy bay địch. Phi công nhảy dù vừa chạm đất đã bị dân quân địa phương bắt sống.

Ngày 27-9-1966, nhiều tốp máy bay địch bắn phá cầu sắt ở huyện Sơn Dương, các đơn vị của Tiểu đoàn Bình Ca 1 đã bắn một máy bay địch rơi xuống Đồng Măng (chân dãy núi Hồng). Phi công nhảy dù xuống núi Sồi, xã Kỳ Lâm, bị quân dân ta bắt sống.

Năm 1967, lực lượng quân sự địa phương Tuyên Quang đã độc lập chiến đấu đánh địch 72 trận, phối hợp với bộ đội phòng không chủ lực 132 trận, góp phần bắn rơi 7 máy bay Mỹ, nâng số máy bay địch bị bắn rơi trên đất Tuyên Quang lên 16 chiếc, tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái.

Trong chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, với hơn 20 trận chiến đấu,

Tuyên Quang đã phối hợp với không quân và các đơn vị phòng không của bộ đội chủ lực bắn rơi 5 máy bay Mỹ, nâng số máy bay địch bị bắn rơi trên đất Tuyên Quang lên 21 chiếc.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Tuyên Quang đã động viên trên một vạn thanh niên các dân tộc nhập ngũ, bổ sung cho bộ đội chủ lực. Thanh niên con em các dân tộc Tuyên Quang trên các chiến trường đều phát huy tốt truyền thống quê hương cách mạng, chiến đấu dũng cảm, tiêu biểu là liệt sĩ Lương Sơn Tuyết, liệt sĩ Hoàng Thế Cao và Triệu Tiến Xuân đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Với những thành tích đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Tuyên Quang đã được Nhà nước tặng thưởng 15 danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và Anh hùng lao động cho tập thể và cá nhân (trong đó có 11 tập thể và 4 cá nhân); 729 Bảng vàng danh dự, hơn 14 nghìn Bảng gia đình vẻ vang; 22.571 Huân chương, 11.434 Huy chương Kháng chiến các loại và hàng nghìn bằng khen; 43 Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Lực lượng quân sự địa phương và nhân dân Tuyên Quang đã cống hiến 3.275 liệt sĩ, 1.117 thương binh; hơn 40 nghìn hộ gia đình có người thân đi đánh Mỹ.

3- Trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Lực lượng quân sự địa phương là một bộ phận quan trọng của công tác quốc phòng, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và sự chỉ huy, chỉ đạo của cơ quan quân sự cấp trên. Có chức năng làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về lĩnh vực quốc phòng địa phương; củng cố, xây dựng

khu vực phòng thủ và thế trận quốc phòng toàn dân. Là lực lượng chủ yếu bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Trong công tác hậu phương quân đội, mỗi đoàn kết giữa lực lượng quân sự địa phương với nhân dân ngày càng được củng cố, được nhân dân giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để lực lượng quân sự địa phương hoàn thành nhiệm vụ.

Cơ quan quân sự các cấp thể hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, vai trò làm tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, đề xuất các biện pháp thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng quân sự địa phương phối hợp hiệp đồng chặt chẽ với các ngành, các cấp trong tỉnh, vận động quần chúng chăm lo xây dựng, củng cố thế trận chiến tranh nhân dân, tổ chức cho lực lượng quân sự địa phương hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Căn cứ vào nhiệm vụ quốc phòng, Tuyên Quang nằm ở vị trí quan trọng về mọi mặt, là địa bàn chiến lược của Quân khu 2, án ngữ và bảo vệ phần phía bắc của các tỉnh đồng bằng và trung du Bắc Bộ, khống chế trục đường quốc lộ số 2 từ bắc xuống nam, quốc lộ số 37 từ đông sang tây và ngược lại. Trước mắt và lâu dài, Tuyên Quang vẫn là căn cứ địa của Quân khu 2 và là một trong những căn cứ địa quan trọng của cả nước. Do đó, lực lượng quân sự địa phương các cấp phải tích cực góp phần thực hiện cơ cấu kinh tế của tỉnh bao gồm: công - nông - lâm nghiệp và dịch vụ tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội và hỗ trợ cho quốc phòng ngày càng lớn.

Tỉnh đội trưởng (Chỉ huy trưởng) qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Cương	Tỉnh đội trưởng
2	Bế Hiến Vinh	Tỉnh đội trưởng
3	Hoàng Quang Sơn	Tỉnh đội trưởng
4	Nguyễn Thu Sơn	Tỉnh đội trưởng
5	Trà Sơn	Tỉnh đội trưởng
6	Lương Thế Nho	Tỉnh đội trưởng (Chỉ huy trưởng)
7	Hoàng Chiến Bình	Chỉ huy trưởng
8	Lã Thái Hoà	Chỉ huy trưởng
9	Phan Chí Thiết	Chỉ huy trưởng
10	Trần An	Chỉ huy trưởng
11	Nguyễn Đức Huyền	Chỉ huy trưởng
12	Phan Đăng Vinh	Chỉ huy trưởng
13	Tiêu Xuân Hồng	Chỉ huy trưởng
14	Phạm Thanh Tuấn	Chỉ huy trưởng

Chính trị viên, Chính ủy qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	TT	Họ và tên
1	Vũ Tuấn	7	Trần Ngọc Mậu
2	Bùi Đức Kim	8	Hà Văn Xuyên
3	Phùng Thiệu	9	Lê Phát Tịnh
4	Lê Hạnh	10	Phạm Ngọc Châu
5	Phạm Ngọc Điển	11	Bùi Đức Nho
6	Vũ Cẩn	12	Phạm Đức Duyên

II- CÔNG AN TỈNH TUYÊN QUANG

Tháng 5-1945, tại xóm Cổ Ngựa, xã An Tường, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, Đội trinh sát võ trang trừ gian, gọi tắt là Đội trừ gian được thành lập, gồm 6 người, do đồng chí Nguyễn Trịnh Nam làm Trưởng ban. Từ tháng 5 đến tháng 8-1945, hoạt động chủ yếu của Đội là thu thập tin tức về hoạt động của phátxít Nhật, đấu tranh chống mật thám Nhật, trừng trị bọn ác ôn thân phátxít Nhật chống phá

cách mạng, gây tội ác với nhân dân ở khu vực từ thị xã Tuyên Quang đến Đoan Hùng (Phú Thọ). Vũ khí có súng ngắn, súng kíp, kiếm Nhật thu được của địch và tự trang bị. Thành tích đầu tiên của Đội trừ gian là sử dụng nội gián lấy được bản danh sách của Sở Mật thám Nhật ghi tên những người mà chúng nghi là người của Việt Minh để theo dõi, hãm hại. Trên cơ sở bản danh sách này, cấp trên kịp thời có chủ trương đối phó, bảo vệ được cán bộ

và cơ sở cách mạng. Giữa năm 1945, Đội trừ gian đã theo dõi, thu thập chứng cứ, bắt hai tên Việt gian thân Nhật tại xã An Tường (Yên Sơn) là Minh (trong Ban Chấp hành thanh niên) và Tình (huấn luyện viên thể dục thể thao), phá vỡ âm mưu lập tổ chức phản động làm tay sai cho Nhật. Sau cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, ngày 22-8-1945, Ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh Tuyên Quang được thành lập. Ngày 24-8-1945, Đội trừ gian đổi tên thành Ban trừ gian và ra hoạt động công khai, do đồng chí Nguyễn Trịnh Nam phụ trách. Trụ sở đầu tiên của Ban đóng tại dinh thự của viên tuần phủ Tuyên Quang. Lúc đầu, Ban có 10 - 12 nhân viên, hoạt động dưới sự chỉ đạo của Tỉnh bộ Việt Minh, địa bàn hoạt động chủ yếu là thị xã Tuyên Quang và khu vực hạ huyện Yên Sơn. Ban có bộ phận công khai và bộ phận bí mật. Bộ phận công khai chuyên điều tra, xác minh những vụ việc liên quan đến sinh mạng chính trị của nhân dân. Bộ phận bí mật điều tra các đối tượng nghi vấn và xử lý khi có đủ chứng cứ.

Thời gian đầu sau khi giành được chính quyền, tỉnh Tuyên Quang vẫn duy trì hoạt động của Ty Cảnh sát cũ, sử dụng lại ông Phó trưởng Ty Cảnh sát và 12 cảnh sát viên để giữ gìn trật tự ở thị xã. Tháng 12-1945, Ban Trừ gian đổi thành Ty Liêm phóng, do đồng chí Nguyễn Văn Tiến làm Trưởng ty, trụ sở đóng tại Sở Cấm cũ (thuộc phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang ngày nay). Ty Liêm phóng gồm 3 bộ phận: Ban Tư pháp, Ban Trinh sát và Văn phòng. Tháng 7-1946, theo Sắc lệnh số 23-SL của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Tuyên Quang tiến hành hợp nhất Ty Liêm phóng và Ty Cảnh sát thành Ty Công an. Tổ chức của Ty gồm: Văn phòng, Ban Tư pháp chính trị, Ban Trinh sát, Ban Trật tự và 6 trinh sát viên bố

trí tại Ủy ban hành chính 6 huyện. Ngay từ những ngày đầu, lực lượng công an Tuyên Quang đã phải đối phó với bọn phản động âm mưu dựa vào quân đội Tưởng Giới Thạch để cướp chính quyền.

Từ tháng 5-1947, khi các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chuyển lên Tuyên Quang, Công an Tuyên Quang có nhiệm vụ phối hợp cùng các lực lượng khác và trực tiếp bảo vệ an toàn vòng ngoài ATK; phát động phong trào phòng gian bảo mật, kiểm soát công khai các ngã đường ra, vào ATK và sự đi lại giữa các xã trong vùng.

Công tác giữ gìn an ninh chính trị, tróc nã bọn gián điệp, chỉ điểm, đập tan các âm mưu nhen nhóm tổ chức phản động và các tội phạm hình sự được Ty Công an đặc biệt chú trọng. Công an Tuyên Quang đã phá tổ chức “Nam Dương Hoa kiều hiệp hội” do Vương An Bách cầm đầu; khám phá các vụ giết người, cướp của trên sông Chày, Soi Sính trên sông Lô,...

Một số phần tử thoái hóa, cơ hội bị ta phát hiện, vô hiệu hóa và xử lý sớm. Điển hình là vụ phá tổ chức “Hội tế” do Lý Hồng Phẩm cầm đầu tại Sơn Dương. Lý Hồng Phẩm, một cán bộ cảnh vệ thoái hóa, tham ô, đã móc nối với một số tên phản động đội lốt tôn giáo ở nhà thờ Hán Đà (Đoan Hùng, Phú Thọ) thành lập ra tổ chức “Hội tế”. Phẩm lợi dụng uy tín từ khi còn hoạt động bí mật và dùng những thủ đoạn lừa bịp để tuyên truyền, y đã nhanh chóng gây được ảnh hưởng đối với một số quần chúng ở xã Hợp Thành, Phúc Ứng (cửa ngõ vào ATK), nên đã có 34 người tham gia “hội”. Phẩm còn tìm cách gây cơ sở sang các xã lân cận để âm mưu theo Pháp.

Sau khi nghe tổ công tác đặc biệt báo cáo tình hình hoạt động, sự nguy hiểm của tên cầm đầu, lãnh đạo Ty quyết định phá án. Đêm 26-8-1948, trinh sát hóa trang đã

phối hợp với lực lượng mai phục bắt sống y và đồng bọn.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ do Nha Công an giao, Công an Tuyên Quang đã lập nhiều đồn công an ở những đầu mối giao thông trên bộ, trên sông, nhằm kiểm soát người qua lại khu vực; đồng thời phát động nhân dân thực hiện khẩu hiệu “Ba không” (không nói, không nghe, không biết), xây dựng hàng rào bảo vệ an ninh từ xa, bảo đảm an toàn cho khu vực ATK.

Từ đầu năm 1949, Công an Tuyên Quang được Nha Công an giao trực tiếp bảo vệ một số công xưởng quốc phòng, xí nghiệp, cơ quan Trung ương. Ty đã bảo vệ vòng ngoài, xây dựng nội quy đi lại và quản lý người ra vào chặt chẽ, xây dựng phương án sơ tán khi lộ địa điểm.

Tháng 7-1949, Nha Công an tổ chức hội nghị về công tác điều tra các tỉnh trong vùng tự do. Tại hội nghị, báo cáo của Công an Tuyên Quang được đánh giá cao về chất lượng cũng như kinh nghiệm thực tiễn trong công tác đấu tranh với các loại tội phạm, tổng kết nhiều bài học kinh nghiệm quý giá trong công tác điều tra, nên đã vinh dự được nhận giải thưởng thành tích xuất sắc là chiếc khăn thêu và danh thiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh dành làm phần thưởng cho Hội nghị.

Từ đầu năm 1950, Ty biệt phái trình sát xuống phụ trách xã ở khu C (khu vực Chiêm Hóa) với danh nghĩa là đặc phái viên của Ủy ban tỉnh. Đặc phái viên chỉ đạo toàn diện hoạt động của dân quân và công an tại xã, có quyền cấp giấy phép vào khu C của ATK; tổ chức các chốt gác của công an xã ở những vị trí trọng yếu.

Từ năm 1950, Công an Tuyên Quang còn phối hợp với quân đội bảo vệ bí mật, an toàn cho đoàn chuyên gia quân sự Trung Quốc sang căn cứ địa giúp Chính phủ cách mạng chống thực dân Pháp.

Tháng 2-1951, Công an Tuyên Quang tham gia bảo vệ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng. Được giao nhiệm vụ bảo vệ vòng ngoài, Công an Tuyên Quang tổ chức đưa, đón các đại biểu đến địa điểm làm việc vào ban đêm; bảo đảm bí mật lối đi vào địa điểm đồng thời phát động nhân dân nâng cao cảnh giác, giữ gìn bí mật, bảo vệ thành công Đại hội.

Lực lượng Công an Tuyên Quang làm tốt nhiệm vụ bảo vệ vòng ngoài, góp phần bảo vệ bí mật, an toàn nơi ở và các hoạt động của Hoàng thân Xuphanuvông, Chủ tịch Chính phủ kháng chiến cách mạng Lào; của đồng chí Cayxôn Phômvihàn, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào trong thời gian Chính phủ cách mạng Lào đóng tại Tuyên Quang.

Từ tháng 1-1950, theo ủy nhiệm của Công an Liên khu Việt Bắc, Ty Công an Tuyên Quang phụ trách thêm Đội Công an bảo vệ Trại giam tù binh Pháp tại huyện Nà Hang. Từ năm 1953, số lượng tù binh rất đông và có nhiều sĩ quan cao cấp quân đội Pháp bị bắt đưa lên Nà Hang. Công an Tuyên Quang cùng lực lượng tại chỗ đã xây dựng phong trào quần chúng, bảo đảm an toàn, bí mật khu vực trại đóng cho tới ngày di chuyển.

Sau khi mở thông đường biên giới với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, ta tiếp nhận số tù nhân là người Việt Nam tham gia Quốc dân Đảng bị giam giữ tại Trung Quốc. Nha Công an giao cho Công an Tuyên Quang chuẩn bị địa điểm đặt Trại giam số 1 tại huyện Nà Hang. Cuối năm 1952, có khoảng 200 đối tượng được đưa lên Trại giam số 1, sau đó trại còn tiếp nhận nhiều đợt khác, lực lượng bảo vệ của Ty Công an đã làm tốt công tác canh gác và bảo đảm an toàn việc giam giữ tù chính trị.

Năm 1953, cuộc kháng chiến chống Pháp ngày càng phát triển, Công an Tuyên

Quang được giao bảo vệ quốc lộ số 37 là con đường huyết mạch vận chuyển lương thực, khí giới, hành quân và nghỉ chân của các đại đoàn quân chủ lực tham gia Chiến dịch Tây Bắc. Nhiệm vụ của lực lượng công an là tập trung bảo vệ an toàn cho dân công và các tuyến trọng điểm giao thông. Ngoài các đồng chí tham gia Ban Chỉ huy công trường, tham gia Ban Phụ trách 2 bến phà trọng điểm (Bình Ca; phà Hiên), công an các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Yên Bình và các đồn công an dọc quốc lộ số 37 thường xuyên giao ban, trao đổi và lập kế hoạch phòng gian, bảo mật, hướng dẫn các bộ phận tham gia làm đường tăng cường đề phòng sự phá hoại của địch, nắm tình hình các xã có đường đi qua, tăng cường nắm dân và vận động nhân dân thực hiện “bảo mật, phòng gian”. Do đó đã bảo vệ an toàn tuyến đường số 37, góp phần quan trọng trong việc vận chuyển sức người, sức của phục vụ thắng lợi chiến dịch Tây Bắc và Điện Biên Phủ.

Sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, các cơ quan Đảng, Chính phủ chuyển về Hà Nội. Công an Tuyên Quang đã củng cố toàn diện về mọi mặt, hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm giữ gìn an ninh ở địa phương, thực hiện chuyên chính với bọn phản cách mạng, bọn phá hoại công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, góp phần chi viện sức người cho cách mạng miền Nam.

Tuyên Quang là căn cứ địa kháng chiến, không có các địa chủ lớn nên việc thực hiện cải cách ruộng đất thu được thắng lợi và không gây biến động trong xã hội, nhưng do đời sống còn khó khăn, trình độ dân trí nhìn chung còn thấp nên một số phần tử phản động đã âm mưu lợi dụng chống phá chính quyền. Công an Tuyên Quang kịp thời phát hiện và đập tan âm mưu nhen nhóm tổ chức phản động tại Bình Yên (Sơn Dương),

ngăn chặn hoạt động của “Đảng Lý Xuân Ngàn” phát triển từ Yên Bái, phá tổ chức “Mặt trận Quốc minh” tại Sơn Dương và “Đảng Cộng sản thống nhất Việt Nam”. Điển hình là vụ phá tan tổ chức “Nhất tâm dân tộc” do Dương Trung Hiệu cầm đầu tại Chiêm Hóa.

Dương Trung Hiệu là một phạm nhân, trốn trại tháng 6-1958. Khi ở tù, Hiệu nung nấu ý đồ chống chế độ và tìm cách tuyên truyền, lôi kéo một số phạm nhân tham gia tổ chức phản động. Sau khi chạy trốn lên Chiêm Hóa, Hiệu dựa vào một người quen để nương náu và cùng một số tên tù được tha về tuyên truyền, vận động thành lập tổ chức đầu tiên tại 2 xã Xuân Quang và Tân An; sau đó, phát triển lên các xã khác thuộc huyện Chiêm Hóa và một số xã tại huyện Nà Hang.

Chúng lợi dụng tâm lý tự ti dân tộc, tuyên truyền kích động đồng bào các dân tộc thiểu số, xuyên tạc các chính sách về nông, lâm nghiệp và hợp tác xã mua bán của Nhà nước, lừa bịp những người kém hiểu biết. Đồng thời, Hiệu đe dọa nếu ai phản bội, tố cáo thì bọn chúng sẽ đến giết cả nhà. Tới tháng 8-1958, chúng đã xây dựng mô hình tổ chức, gồm: Bộ Thủ não, Bộ Chính trị, Bộ Công pháp, Bộ Tuyên truyền; đặt 10 trạm liên lạc từ Xuân Quang đi Bình An, lên Cao Bằng để liên lạc, cung cấp thông tin cho nhau. Chúng đã phát triển cơ sở tại 14 xã ở Chiêm Hóa và 10 xã giáp Chiêm Hóa của Nà Hang. Âm mưu của chúng là tìm cách bắt liên lạc với bọn phi tại Hà Giang, Cao Bằng; chuẩn bị vũ khí, lương thực nhằm khi có thời cơ sẽ đánh chiếm huyện lỵ Chiêm Hóa, thành lập an toàn khu Chiêm Hóa - Nà Hang - Bảo Lạc để “kháng chiến” lâu dài. Hiệu đã cùng đồng bọn soạn cương lĩnh, các pháp lệnh, sắc trị tạm thời trong thời gian hoạt động bí mật, điều lệ, 12 lời

thê nghĩa quân, khắc con dấu và may cò “Nhất tâm dân tộc”.

Sau khi điều tra, làm rõ âm mưu, hoạt động và tính chất nguy hiểm của tổ chức phản động, tháng 12-1958, Ban Chuyên án đề nghị Tỉnh ủy, Khu Tự trị, Bộ Công an cho phá án đồng loạt, bắt Hiệu và những tên cầm đầu, đồng thời triển khai ngay kế hoạch ổn định tình hình nhân dân sau phá án.

Từ ngày 18 đến ngày 21-3-1961, Tuyên Quang vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh lên thăm chiến khu xưa và làm việc với tỉnh. Kế hoạch bảo vệ Bác được vạch ra tỉ mỉ, chặt chẽ và bí mật.

Ngày 18-3-1961, Bác đi máy bay lên Tuyên Quang. Tại sân vận động thị xã, Bác nói chuyện với nhân dân các dân tộc trong tỉnh, sau đó Bác đi thăm Tân Trào, Thủ đô kháng chiến chống Pháp. Trước khi Bác rời Tuyên Quang để đi thăm Hà Giang, lực lượng Công an Tuyên Quang đã bảo vệ an toàn dọc tuyến hành lang máy bay bay qua.

Từ năm 1964 đến đầu năm 1975, Công an Tuyên Quang đã cử 73 cán bộ, chiến sĩ chi viện cho an ninh miền Nam. Những đồng chí được cử đi đều sẵn sàng nhận nhiệm vụ, chiến đấu dũng cảm, lập nhiều thành tích xuất sắc. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, Công an Tuyên Quang tiếp tục cử 64 cán bộ, chiến sĩ vào miền Nam.

Sau khi Tuyên Quang và Hà Giang hợp nhất thành tỉnh Hà Tuyên, trụ sở các cơ quan tỉnh đóng tại thị xã Hà Giang. Ngày 27-1-1976, Bộ Công an ra quyết định bổ nhiệm lãnh đạo Ty Công an Hà Tuyên. Ngày 10-3-1976, Tỉnh ủy Hà Tuyên ra quyết định chỉ định Đảng ủy (lâm thời) Ty Công an. Ngày 17-4-1976, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh ký quyết định phê chuẩn bộ máy tổ chức của Công an Hà Tuyên

gồm 33 đơn vị trực thuộc; trong đó có 16 phòng, 15 đơn vị công an huyện, thị xã, 1 trường đào tạo hạ sĩ quan và 1 trạm kiểm soát giao thông.

Từ năm 1977, tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong nội địa diễn biến rất phức tạp. Ty Công an xác định nhiệm vụ của Công an tỉnh là: phải bình tĩnh, nêu cao cảnh giác, thường xuyên, khẩn trương làm tốt các công tác cơ bản; quyết tâm chống và loại trừ hoạt động gây bạo loạn, gây phi; tập trung bóc gỡ các cơ sở gián điệp của địch. Trong năm 1978, đã hoàn thành các công tác nghiệp vụ cơ bản, điều chuyển toàn bộ các đối tượng nguy hiểm ra khỏi các địa bàn xung yếu. Ty Công an đã huấn luyện Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động chống gây rối, gây bạo loạn.

Ngày 17-2-1979, Trung Quốc huy động 60 vạn quân tiến đánh Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta. Các cơ quan tỉnh từ thị xã Hà Giang chuyển về thị xã Tuyên Quang. Ngày 28-2-1979, các phòng, ban của Ty Công an đến địa điểm mới tại thị xã Tuyên Quang. Đồng chí Trưởng ty cùng ba đồng chí Phó Trưởng ty ở lại thị xã Hà Giang trực tiếp chỉ đạo chiến đấu tại bộ phận công tác tiền phương.

Sau chiến tranh tháng 2-1979, đối phương tăng cường hoạt động phá hoại nhiều mặt ở vùng biên giới và nội địa. Trước tình hình đó, Công an Tuyên Quang quyết tâm bảo đảm an ninh biên giới, giữ vững an ninh trật tự trong nội địa.

Từ đầu năm 1984, tình hình biên giới ở Hà Tuyên ngày càng phức tạp, xung đột vũ trang liên tiếp xảy ra. Trong 6 tháng đầu năm 1984, có 222 cán bộ, chiến sĩ tăng cường lên biên giới, trong đó 103 người được tăng cường trực tiếp cho các xã trọng điểm đang có chiến sự. Trong nội địa, lực lượng công an phối hợp cùng

quân đội tăng cường công tác tuần tra dọc quốc lộ số 2, bảo đảm an toàn đường sá, cầu cống và các phương tiện vật tư kỹ thuật, vũ khí và lực lượng quân đội tăng cường cho biên giới.

Năm 1989, nổi lên hoạt động “xung vua, đón vua” trong vùng có đồng bào Mông ở huyện Hàm Yên và các vùng phụ cận, cầm đầu là Dương Văn Minh và Đào Đình Hoảng. Chúng vừa tuyên truyền mê tín dị đoan, lừa bịp, lôi kéo, vừa đe dọa bắt mọi người làm theo đã lôi kéo được một số người tham gia. Dư luận “người Mông có vua” lan rộng tới 17 xã có người Mông và một số vùng ở Cao Bằng, Yên Bái, Bắc Cạn. Hoạt động của chúng đã gây tác hại về nhiều mặt, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống, kinh tế, văn hóa. Trước tình hình trên, Công an tỉnh đã sử dụng các biện pháp, các lực lượng nhằm làm rõ và hạn chế các hoạt động của bọn Minh và Hoảng. Tháng 5-1989, Công an Hà Tuyên đã bắt Dương Văn Minh và Đào Đình Hoảng, khám xét thu được nhiều chứng cứ về hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của công dân, tuyên truyền mê tín dị đoan gây hậu quả nghiêm trọng của chúng. Sau khi phá vụ án này, tình hình an ninh, trật tự ở huyện Hàm Yên trở lại ổn định.

Tháng 10-1991, tỉnh Hà Tuyên tách thành hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang, Công an tỉnh Tuyên Quang được tái lập. Tổ chức gồm: Ban Chỉ huy Phản gián; Ban Chỉ huy Cảnh sát, các đơn vị trực thuộc Ban Giám đốc và 6 huyện, thị xã trực thuộc công an tỉnh, biên chế 1.100 cán bộ, chiến sĩ.

Tháng 8-1995, Tân Trào (huyện Sơn Dương) được chọn làm địa điểm tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập nước. Đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư của Đảng và các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước, quân đội, công an... lên thăm và

dự mít tinh tại Tân Trào. Trong thời gian tổ chức lễ kỷ niệm, tại Tuyên Quang xảy ra lũ lớn làm ngập sâu một số trục lộ chính thuộc thị xã và các huyện Sơn Dương, Yên Sơn. Việc bảo đảm giao thông đưa đón các đoàn đại biểu gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng do có kế hoạch chủ động từ trước và tinh thần khắc phục khó khăn, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ nên Công an Tuyên Quang đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ tuyệt đối an toàn cho lễ kỷ niệm.

Trên lĩnh vực giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, Công an Tuyên Quang tập trung điều tra khám phá các vụ án hình sự trọng điểm. Điển hình là khám phá đường dây trộm cắp, tiêu thụ, làm giả biển kiểm soát, giấy đăng ký xe tại Tuyên Quang và hai tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Phúc vào tháng 3-2003. Làm rõ lai lịch 72 xe gắn máy, trị giá gần 1 tỷ đồng bị trộm cắp, thu hồi và trả lại người bị hại 55 xe gắn máy. Cơ quan cảnh sát điều tra đề nghị truy tố trước pháp luật 22 bị can.

Tháng 8-2002, Công an Tuyên Quang đã khám phá đường dây buôn bán trái phép chất ma túy và vũ khí quân dụng do Lự Văn Can và Hà Thị Phương thường trú tại xã Tân An và Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa là hai đối tượng chính cùng 50 đối tượng khác. Chúng đã móc nối hình thành đường dây buôn bán ma túy từ Sơn La về Tuyên Quang rồi đưa lên Hà Giang tiêu thụ, kết hợp với thu gom vũ khí quân dụng trái phép đem lên Đồng Văn, Hà Giang bán; đã mua bán tàng trữ trái phép 389,26 kg thuốc phiện, 5 gam hêrôin, 18 khẩu súng quân dụng các loại. Công an Tuyên Quang đã bắt 50 đối tượng, thu giữ 72,746kg thuốc phiện, 5 gam hêrôin, 443 triệu đồng cùng nhiều tài sản do buôn bán trái phép ma túy và súng quân dụng mà có. Do có thành tích xuất sắc trong chuyên

án này, Chủ tịch nước đã tặng Huân chương Chiến công hạng Nhì cho một tập thể, Huân chương Chiến công hạng Ba cho 4 cá nhân của Công an Tuyên Quang; Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho 2 tập thể.

Trong trình chiến đấu, xây dựng và trưởng thành Công an Tuyên Quang đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng

1 Huân chương Hồ Chí Minh, 16 Huân chương Chiến công các loại cho 16 tập thể, 265 Huân chương Kháng chiến cho các cá nhân, 125 Huân chương Chiến công các loại cho các cá nhân; 3 tập thể (Phòng Bảo vệ chính trị, Công an huyện Chiêm Hóa, Phòng Cảnh sát hình sự) được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Trưởng ty, Giám đốc Công an tỉnh qua các thời kỳ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ
1	Trần Hồng Phu (Vũ Khải Ca)	Trưởng ty Công an Tuyên Quang	1946
2	Bùi Đình	Trưởng ty Công an Tuyên Quang	1-1947 – 8-1947
3	Nguyễn Văn Luân (Lê Minh Cường)	Trưởng ty Công an Tuyên Quang	8-1947 – 1957
4	Hoàng Khắc Giáp (Khắc Trung)	Trưởng ty Công an Tuyên Quang	1957 - 1959
5	Lê Bá Nghiêm (Hoàng Nghiêm)	Trưởng ty Công an Tuyên Quang	1959 - 1976
6	Vũ Bằng	Trưởng ty Công an Tuyên Quang	1976 – 3-1979
7	Quan Ngọc Thuyết	Trưởng ty, Giám đốc Công an Hà Tuyên	3-1979 – 5-1983
8	Hoàng Trọng Kim	Giám đốc Công an Hà Tuyên	5-1983 – 1988
9	Nguyễn Văn Tiếp	Giám đốc Công an Tuyên Quang	7-1988 – 1-2001
10	Bạch Hồng Hải	Giám đốc Công an Tuyên Quang	1-2001 – 1-2009
11	Hứa Kiến Thiết	Giám đốc Công an Tuyên Quang	Từ tháng 1-2009 đến nay

Chương V

CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

I- MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH TUYÊN QUANG

1. Thời kỳ Cách mạng Tháng Tám

Tháng 10-1930, Trung ương Đảng ra Nghị quyết về công tác Mặt trận. Ngày 18-11-1930, Thường vụ Trung ương ra Chỉ thị về vấn đề thành lập Hội “Phản đế đồng minh”, đây là hình thức đầu tiên của Mặt trận dân tộc thống nhất. Tháng 7-1936, Trung ương Đảng quyết định thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế; đến tháng 3-1938, đổi tên thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Tháng 6-1937, đồng chí Hoàng Văn Lịch (Hai Cao) được tổ chức Đảng điều từ Cao Bằng về Tuyên Quang để xây dựng và phát triển phong trào cách mạng. Lúc đầu, xây dựng cơ sở ở Mỏ than Tuyên Quang, đến tháng 9-1939 lập tổ Công hội. Cơ sở lan rộng ra vùng nông dân ở Soi Sính và soi Hồng Lương¹. Ở Soi Sính, đã thành lập Hội Thanh niên dân chủ, Hội Nông dân tương tế để tuyên truyền giác ngộ nhân dân.

Cuối năm 1938, phong trào Mặt trận Dân chủ phát triển mạnh. Công nhân Mỏ than Tuyên Quang nhiều lần tổ chức đình công đòi tăng lương; ở Soi Sính, nông dân đấu tranh chống địa chủ cướp đất...

Tháng 11-1939, thực hiện chủ trương của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6, Mặt trận Dân chủ chuyển thành Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (Mặt trận Phản đế), hoạt động của Mặt trận Dân tộc thống nhất ở Tuyên Quang phát triển và mở rộng.

Ngày 20-3-1940, Chi bộ Mỏ Than - chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Tuyên Quang được thành lập, gồm 7 đảng viên, do đồng chí Vũ Mùi làm Bí thư. Chi bộ trực tiếp lãnh đạo, tuyên truyền, vận động, tập hợp thợ thuyền, quần chúng nhân dân tham gia Mặt trận Việt Minh tại Tuyên Quang.

Tháng 5-1941, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Pác Bó (Hà Quảng - Cao Bằng) quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh). Từ giữa năm 1941, Mặt trận Việt Minh được xây dựng, phát triển trên diện rộng tại tỉnh Tuyên Quang với các cơ sở của các tổ chức thành viên như: Nông dân cứu quốc hội, Thanh niên cứu quốc hội, Phụ nữ cứu quốc hội, Nhi đồng cứu quốc hội, Công nhân cứu quốc hội...

Cuối năm 1944 đầu năm 1945, phong trào Việt Minh đã phát triển khắp các

1. Soi Hồng Lương (nay thuộc xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang); Soi Sính (nay thuộc xã Tân Long, thành phố Tuyên Quang).

huyện trong tỉnh, kêu gọi đồng bào tham gia đoàn thể cứu quốc, hăng hái tham gia chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền và khởi nghĩa giành chính quyền thành công.

2. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, Tỉnh bộ Việt Minh được thành lập, tiếp đó các huyện bộ Việt Minh, xã bộ Việt Minh lần lượt được thành lập, hệ thống Mặt trận Việt Minh hình thành từ tỉnh đến cơ sở. Đầu năm 1947, thực hiện chủ trương của Trung ương, cùng với Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt cũng được thành lập từ tỉnh đến cơ sở. Đến năm 1948, việc thống nhất Mặt trận Việt Minh với Mặt trận Liên Việt được tiến hành và hoàn thành vào năm 1950. Đầu năm 1951, Hội nghị Liên Việt toàn tỉnh (Đại hội Mặt trận Liên Việt tỉnh) lần thứ nhất được tổ chức.

Trong kháng chiến chống Pháp, Mặt trận đã có nhiều hoạt động, đóng góp quan trọng trong vận động nhân dân tham gia kháng chiến, kiến quốc, như: Làm tốt công tác tiêu thổ kháng chiến, góp phần đánh bại các cuộc tấn công của quân Pháp trong Thu - Đông năm 1947, mùa hè năm 1949; tham gia bảo mật, phòng gian, xây dựng và bảo vệ căn cứ địa kháng chiến; đóng đảm phụ quốc phòng, xây dựng quỹ kháng chiến, mua công trái quốc gia, đỡ đầu các đơn vị bộ đội địa phương; đẩy mạnh phong trào thi đua ái quốc, thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm xây dựng đời sống mới; đấu tranh thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, Chính phủ; động viên con em lên đường tòng quân; đi dân công, đóng góp lương thực, thực phẩm phục vụ các chiến dịch làm đường, các chiến dịch quân sự... Riêng trong chiến

dịch Đông - Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ, Mặt trận đã cùng các đoàn thể vận động 1.841 lượt người đi dân công, đóng góp 829 tấn gạo, 43 tấn thịt, 7 tấn rau xanh, xay giã 1.459 tấn thóc để cung cấp cho tiền phương. Với những thành tích đó, quân, dân Tuyên Quang đã được Đảng, Chính phủ tặng thưởng cờ và Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

3. Thời kỳ vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)

Tháng 9-1955, Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc đã quyết định đổi tên là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Từ năm 1954 đến năm 1975, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang đã có nhiều chương trình, phong trào và cuộc vận động lớn, tuyên truyền, tập hợp, đoàn kết nhân dân hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời dũng cảm chiến đấu đánh trả các cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ vững chắc hậu phương, chi viện tích cực sức người, sức của cho cách mạng miền Nam.

Ngày 3-4-1960, lễ kết nghĩa Tuyên Quang - Bình Thuận được tổ chức. Tiếp đó, lễ kết nghĩa giữa các huyện, thị xã của tỉnh Tuyên Quang với các huyện, thị xã của tỉnh Bình Thuận được tiến hành: huyện Nà Hang kết nghĩa với huyện Tánh Linh, huyện Chiêm Hóa kết nghĩa với huyện Hòa Đa (nay là huyện Bắc Bình), huyện Hàm Yên kết nghĩa với huyện Hàm Tân, thị xã Tuyên Quang kết nghĩa với thị xã Phan Thiết, huyện Yên Sơn kết nghĩa với huyện Hàm Thuận... Phong trào thi đua

lao động sản xuất, tiết kiệm,... đều gắn với phong trào kết nghĩa với khẩu hiệu “Tất cả vì miền Nam ruột thịt, vì Bình Thuận kết nghĩa”.

Năm 1961, hai tỉnh Tuyên Quang và Ninh Bình làm lễ kết nghĩa nhằm phát huy những thuận lợi vốn có của hai tỉnh, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến, đưa địa phương tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Trong giai đoạn này, Mặt Trận Tổ quốc tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành 4 kỳ đại hội: Đại hội lần thứ II (25 – 30-11-1955), Đại hội lần thứ III (4-1960), Đại hội lần thứ IV (17-9-1962), Đại hội lần thứ V (6-12-1969). Các kỳ đại hội đã thông qua chương trình hành động thiết thực, cụ thể; tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân đoàn kết, thi đua thực hiện chủ trương của Đảng; góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi.

4. Thời kỳ thuộc tỉnh Hà Tuyên (1976-1991)

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa V, tháng 12-1976 tỉnh Tuyên Quang hợp nhất với tỉnh Hà Giang thành tỉnh Hà Tuyên. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tuyên hình thành trên cơ sở hợp nhất Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Tuyên Quang với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hà Giang.

Từ năm 1976 đến năm 1991, Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hà Tuyên đã tiến hành 3 kỳ đại hội: Đại hội lần thứ I (6 – 7-1-1981), Đại hội lần thứ II (24 – 25-11-1983), Đại hội lần thứ III (6-12-1990). Các đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ đoàn kết, động viên, cổ vũ toàn dân, toàn quân thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng. Từ năm

1984 đến năm 1989 đã củng cố 317 Ủy ban Mặt trận xã, phường, thị trấn, 4.110 tổ, ban mặt trận, tập huấn cho trên 5.000 lượt cán bộ cơ sở.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tuyên phối hợp với các tổ chức thành viên, tích cực tuyên truyền, động viên toàn dân thi đua sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng hậu phương vững mạnh; kịp thời chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến; bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc. Hướng ứng đợt vận động quyên góp cho chiến sĩ biên phòng, nhân dân trong tỉnh đã góp hơn 500 tấn lương thực, 8.500 tấm chăn năm, 2.500 chăn bông,...

5. Thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế từ năm 1991 đến năm 2013

Tháng 10-1991, tỉnh Tuyên Quang được tái lập; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp của tỉnh kịp thời được củng cố, kiện toàn, ổn định hoạt động.

Từ năm 1991 đến năm 2013, Mặt trận Tổ quốc tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành 4 kỳ đại hội: Đại hội lần thứ IX (5-1995), Đại hội lần thứ X (11-2000), Đại hội lần thứ XI (2004), Đại hội lần thứ XII (5-2009).

Mặt trận đã tích cực vận động toàn dân lao động sản xuất, xóa đói giảm nghèo, tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, hoạt động từ thiện, nhân đạo, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh.

Phong trào đền ơn đáp nghĩa trở thành phong trào sâu rộng trong toàn dân. Từ năm 1991 đến năm 2010 đã vận động nhân dân ủng hộ Quỹ tình nghĩa được trên 16 tỷ đồng, làm mới và sửa chữa 2.886 nhà tình nghĩa, trị giá hơn 23 tỷ đồng; trao tặng 8.944 sổ tiết kiệm tình nghĩa, trị giá hơn 2 tỷ đồng; các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng

còn sống được các cơ quan, đơn vị và cá nhân nhận phụng dưỡng đến cuối đời; 331 con liệt sĩ, con thương binh nặng được các cơ quan, đơn vị nhận đỡ đầu; 100% gia đình chính sách đã thoát nghèo và có mức sống từ trung bình khá trở lên.

Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” được phát động từ tháng 10-2001 và là một trong hai cuộc vận động lớn trong thời kỳ đổi mới công tác mặt trận, được các tổ chức, cá nhân và nhân dân tích cực hưởng ứng, đạt kết quả to lớn, góp phần quan trọng vào thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Tính đến tháng 5-2010, toàn tỉnh đã huy động được hơn 25 tỷ đồng; giúp đỡ làm 14.747 nhà Đại đoàn kết, sửa chữa 1.609 nhà với số tiền trên 17 tỷ đồng; trợ giúp 4,2 tỷ đồng cho 2.571 hộ nghèo; đã có 5.140 hộ nghèo thoát nghèo.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” được triển khai từ tháng 6-1995. Đến tháng 4-2002, đổi tên gọi là Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Đây là cuộc vận động mang tính toàn dân, toàn diện trong giai đoạn đổi mới đất nước, đổi mới công tác Mặt trận Tổ quốc. Qua 15 năm thực hiện (1995-2010), đã có 11.931 lượt khu dân cư đạt danh hiệu khu dân cư tiên tiến, 14.730 lượt khu dân cư đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa và 1.450.122 lượt gia đình đạt gia đình văn hóa.

Mặt trận Tổ quốc đã có chương trình phối hợp với lực lượng công an, quân đội... trong tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội;

tăng cường hoạt động của các ban thanh tra nhân dân, tổ hòa giải, góp phần quan trọng giải quyết những xích mích, bất đồng trong nội bộ nhân dân ngay từ cơ sở.

Mặt trận đã tích cực thực hiện vai trò tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền thông qua việc phối hợp các cơ quan liên quan cải tiến công tác tiếp dân; tập hợp, phản ánh với cấp ủy, chính quyền những ý kiến, kiến nghị của cử tri; lấy phiếu tín nhiệm của nhân dân đối với những chức danh cán bộ cơ sở do Hội đồng nhân dân bầu và trưởng thôn, xóm, tổ nhân dân. Đặc biệt đã tham gia tổ chức tốt các kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, với tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đều đạt trên 99,8%. Đồng thời có nhiều hoạt động thiết thực tham gia vào việc xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh.

Với những thành tích đã đạt được, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2007), Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng Cờ và nhiều Bằng khen...

Về tổ chức: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang được tổ chức theo các cấp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; Ban công tác Mặt trận thôn, xóm, bản, tổ nhân dân. Năm 2013, toàn tỉnh có 7 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, thành phố với 141 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn và 2.095 Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư; trong đó:

- Huyện Nà Hang có 12 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, thị trấn; 127 Ban công tác Mặt trận.

- Huyện Lâm Bình có 8 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã; 75 Ban công tác Mặt trận.

- Huyện Chiêm Hóa có 26 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, thị trấn; 378 Ban công tác Mặt trận.

- Huyện Hàm Yên có 18 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, thị trấn; 321 Ban công tác Mặt trận.

- Thành phố Tuyên Quang có 13 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường; 297 Ban công tác Mặt trận.

- Huyện Yên Sơn có 31 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, thị trấn; 473 Ban công tác Mặt trận.

- Huyện Sơn Dương có 33 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, thị trấn; 424 Ban công tác Mặt trận.

CHỦ TỊCH ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC TỈNH QUA CÁC THỜI KỲ

TT	Họ và tên	Thời gian	Ghi chú
1	Chu Quý Lương	1951-1954	Nguyên Chủ nhiệm Việt Minh tỉnh Tuyên Quang, Chủ tịch Mặt trận Liên Việt tỉnh
2	Lương Hồng Thái	1954-1960	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang
3	Hoàng Văn Tung	1960-1967	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang
4	Lương Quang Mai	1969- 1976	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang
5	Nguyễn Tiến Lộc	1976-1980	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tuyên
6	Ma Khái Sò	1980 - 1983	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tuyên
7	Chu Minh Thảo	1983-1987	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tuyên
8	Sùng Đại Dũng	1987-1991	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tuyên
9	Hoàng Đức Hỷ	1991-1995	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang
10	Phạm Văn Long	1995-1996	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang
11	Hoàng Thế Viện	1996-2005	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang
12	Bàn Xuân Triều	Từ năm 2005	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang

II- LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH TUYÊN QUANG

1. Thời kỳ Cách mạng Tháng Tám

Từ giữa năm 1937, cơ sở cách mạng được gây dựng trong công nhân Mỏ than, thị xã Tuyên Quang. Đến năm 1938, cơ sở công hội đầu tiên của tỉnh và một số cơ sở Nghiệp đoàn Ái hữu ở Mỏ than ra đời; Hội Ái hữu thợ thuyền cũng được tổ chức tại Mỏ than. Năm 1941, một số cơ sở Hội Công nhân cứu quốc được tổ chức trên cơ sở các Hội Ái hữu thợ thuyền trước đây, với gần 200 hội viên.

Từ năm 1937 đến năm 1945, các cơ sở công hội, công nhân cứu quốc, ái hữu thợ thuyền đã tập hợp công nhân vào các phong trào đấu tranh chống sự đàn áp, bóc lột của chính quyền thực dân và bọn chủ mỏ; đòi tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện đời sống; đồng thời tích cực tham gia vào việc xây dựng, phát triển cơ sở và phong trào cách mạng ở các địa phương. Điển hình là các cuộc đình công trong năm 1938, đầu năm 1939, những năm 1940-1941... Trong cao trào kháng Nhật, cứu nước và Cách mạng Tháng Tám, các tổ chức tự vệ của công nhân đã đóng vai trò quan trọng phối hợp cùng lực lượng vũ trang cách mạng và trợ giúp quân chúng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền thành công trong toàn tỉnh.

2. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

Tháng 7-1945, Tỉnh ủy Tuyên Quang (lâm thời) được thành lập. Năm 1946 và đầu năm 1947, công nhân Tuyên Quang, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Hội Công nhân cứu quốc đã tích cực tham gia đấu tranh chống quân Tưởng Giới Thạch, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng; diệt giặc đói, giặc dốt, xây dựng lực lượng chuẩn bị kháng chiến; giúp đỡ các cơ quan

Trung ương từ Hà Nội lên chiến khu; xây dựng cơ sở làm việc, giúp đỡ đồng bào tản cư ổn định cuộc sống... Trên cơ sở đó, tổ chức công đoàn được mở rộng, đến cuối năm 1946 đã có gần 2.000 đoàn viên. Giữa năm 1947, Liên hiệp Công đoàn (lâm thời) tỉnh Tuyên Quang được thành lập, do đồng chí Lê Quang Tuệ làm Chánh Thư ký. Phong trào thi đua kháng chiến, kiến quốc được phát động sâu rộng trong công nhân. Tháng 7-1947, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã chuyển một số công đoàn cơ sở tại các cơ quan Trung ương đang ở tỉnh về Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang. Thu - Đông năm 1947, các tổ chức công đoàn và công nhân đã đóng vai trò nòng cốt trong thực hiện tiêu thổ kháng chiến; đã thành lập được 30 đơn vị tự vệ ở các nhà máy, xí nghiệp để phục vụ chiến đấu và chiến đấu.

Từ năm 1948, Liên hiệp Công đoàn tỉnh tiến hành sắp xếp, kiện toàn và thành lập mới một số công đoàn trực thuộc. Đến giữa năm 1949, toàn tỉnh có 8 công đoàn và 11 phân đoàn trực thuộc với 2.448 đoàn viên, trong đó có 975 đoàn viên công đoàn là công nhân vận tải. Đại hội lần thứ I Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang được tổ chức vào tháng 6-1950. Lúc này, Liên đoàn Lao động tỉnh có 18 công đoàn trực thuộc ở các ngành, xí nghiệp, các cơ sở quân khí...; chưa có tổ chức công đoàn cấp huyện.

Từ năm 1948 đến năm 1954, Công đoàn tập hợp, vận động đoàn viên, công nhân và người lao động đẩy mạnh phong trào thi đua ái quốc, như: Tăng gia sản xuất, bảo đảm hậu cần; thi đua sản xuất vũ khí; tòng quân; xây dựng dân quân, tự vệ; phòng gian bảo mật; mua công trái quốc gia, công phiếu kháng chiến; phục vụ các chiến dịch quân sự, các chiến dịch làm cầu đường; tham gia thực hiện giảm tô, cải cách ruộng đất...

3. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)

Từ sau ngày hòa bình lập lại (7-1954) đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (4-1975), Công đoàn tỉnh Tuyên Quang có 5 kỳ đại hội: Đại hội lần thứ II tổ chức vào tháng 1-1957, Đại hội lần thứ III tổ chức vào tháng 11-1959, Đại hội lần thứ IV tổ chức vào tháng 11-1961, Đại hội lần thứ V tổ chức vào tháng 1-1964, Đại hội lần thứ VI tổ chức vào tháng 7-1973.

Về mặt tổ chức: Công đoàn được tổ chức theo ngành và địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp cơ sở). Đến tháng 12-1957, gần 98% số nhà máy, xí nghiệp, lâm trường và các cơ quan hành chính sự nghiệp thành lập công đoàn cơ sở, gần 96% công nhân, viên chức toàn tỉnh là đoàn viên công đoàn. Đầu năm 1960, lực lượng công nhân viên chức toàn tỉnh có gần 15.000 người, trong đó có hơn 9.000 đoàn viên, chiếm gần 60% công nhân. Liên hiệp Công đoàn tỉnh có 42 công đoàn trực thuộc (ngành và địa phương), 469 công đoàn cơ sở; 125 cán bộ công đoàn chuyên trách.

Từ 1954 đến năm 1957, Công đoàn tập trung vận động, giáo dục đoàn viên, công nhân, viên chức và người lao động tham gia khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh, góp phần phục hồi các cơ sở sản xuất công nghiệp, lâm nghiệp, vận tải... Ngay trong năm 1955, các cơ sở sản xuất quan trọng như mỏ than, điện, nước... đã hoạt động được gần 95% công suất; có hơn 96% công nhân toàn tỉnh có việc làm. Công nhân tham gia mạnh mẽ vào phong trào đấu tranh phản đối các hành động phá hoại và vi phạm Hiệp định Giơnevơ. Hơn 10.000 công nhân, viên chức đã tham gia các công trường, khai thác trên 2.000 m³ gỗ và 60.000 thanh tà vẹt để phục vụ việc khôi phục tuyến đường sắt Hà Nội - Lào

Cai. Năm 1956, Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức 3 đợt thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch năm.

Trong kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế, văn hóa (1958-1960), đã tập trung tổ chức và động viên công nhân, viên chức, lao động thi đua lao động, sản xuất, hoàn thành vượt mức kế hoạch của cơ quan, đơn vị; phát huy tính chủ động và tinh thần xã hội chủ nghĩa của tập thể và cá nhân; phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giữ gìn máy móc, bảo vệ tài sản của cơ quan, xí nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm... Phong trào "Ngày lao động xã hội chủ nghĩa vì miền Nam ruột thịt" được công đoàn hưởng ứng tích cực. Công nhân, viên chức và tổ chức công đoàn có những đóng góp quan trọng trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công - thương nghiệp, tư bản tư doanh, tiểu thủ công nghiệp và tiểu thương. Năm 1960, có 22 đơn vị hoàn thành kế hoạch trước thời hạn từ 6 đến 126 ngày, hầu hết các đơn vị trong tỉnh đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch; toàn tỉnh có trên 1,6 vạn công nhân viên chức, trong đó trên 85% là đoàn viên công đoàn, tỷ lệ đoàn viên công đoàn là đoàn viên, thanh niên chiếm gần 90%.

Trong kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), hoạt động công đoàn đã tập trung vào vận động công nhân viên chức, người lao động đẩy mạnh sản xuất, tích cực cải tiến kỹ thuật; đã đẩy lên phong trào "Học tập và thi đua với sóng Duyên Hải, gió Đại Phong, cò Ba Nhất", "Phất cò Tân Trào, sông Lô nổi sóng", "Ba cải tiến"; thi đua đạt danh hiệu tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, công đoàn 4 tốt, cá nhân lao động tiên tiến, 5 tốt, 3 sẵn sàng, 3 đảm đang... Chỉ trong 2 năm (1961-1962), đã có 2.134 sáng kiến, bầu chọn 86 tổ sản xuất tiên tiến cấp tỉnh, 179 chiến sĩ thi đua

và hành nghìn Lao động tiên tiến. Năm 1962, Liên đoàn Lao động tỉnh phát động phong trào “4 mũi tăng cường chi viện cho nông nghiệp” và phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Năm 1963, có phong trào “Vì miền Nam ruột thịt, vì Bình Thuận kết nghĩa, vì sự thống nhất Tổ quốc”; “Ngày thứ bảy đẩy mạnh sản xuất vì sự nghiệp thống nhất Tổ quốc” và phong trào làm thêm giờ với khẩu hiệu “Nam đổ máu, Bắc đổ mồ hôi”; đồng thời, tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động “Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu” (gọi tắt là cuộc vận động 3 xây, 3 chống). Từ năm 1964, đã phát động thực hiện phong trào thi đua “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”, có 92% tập thể đăng ký thi đua tốt, đội lao động xã hội chủ nghĩa, 86% công nhân viên chức đăng ký thi đua đạt lao động tiên tiến.

Từ 1965-1975, Công đoàn đã tổ chức đoàn viên, công nhân viên chức, người lao động thực hiện khẩu hiệu hành động “Vừa sản xuất, vừa chiến đấu” với những phong trào cụ thể như “Tay búa, tay súng”, “Thanh niên 3 sẵn sàng”, “Phụ nữ ba đảm đang”, “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”. Đã đẩy mạnh phong trào thi đua với khẩu hiệu “Vững tay búa, chắc tay súng”, “Làm thêm giờ, nhận thêm việc”, “Giờ làm chống Mỹ”, “Ngày làm không đủ, tranh thủ làm đêm”. Từ năm 1967, phát động phong trào thi đua giành danh hiệu “Dũng sĩ ba điểm cao”. Sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, đã phát động phong trào thi đua thực hiện *Di chúc* của Bác; đồng thời tổ chức thực hiện các cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh”, “Tăng cường chế độ làm chủ tập

thể xã hội chủ nghĩa”... Năm 1966, có 364 tổ công đoàn, 56 công đoàn bộ phận và gần 5.400 đoàn viên công đoàn đạt danh hiệu thi đua các cấp. Năm 1966, đã có 74 đơn vị tự vệ tham gia chiến đấu, thành lập 40 trạm quan sát, báo động phòng không. Tháng 7-1967, có hơn 800 công nhân viên chức nhập ngũ. Năm 1967, Liên hiệp Công đoàn tỉnh đã công nhận 45 tập thể, 756 cá nhân đạt danh hiệu “Dũng sĩ ba điểm cao”. Năm 1968, có 105 công đoàn cơ sở đạt danh hiệu “Bốn tốt”, hơn 70% tổ công đoàn đạt danh hiệu thi đua các cấp. Trong chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (năm 1972), có 312 công nhân viên chức tham gia các tổ trực chiến; 70 tổ “Tay búa, tay súng” phối hợp với các đơn vị phòng không bắn máy bay Mỹ.

4. Thời kỳ tỉnh Hà Tuyên (1976-1991)

Trong 15 năm (1976-1991), Liên đoàn Lao động tỉnh Hà Tuyên đã tiến hành 4 kỳ đại hội: Đại hội lần thứ I tổ chức vào tháng 7-1977, Đại hội lần thứ II tổ chức vào tháng 12-1980, Đại hội lần thứ III tổ chức vào tháng 7-1983, Đại hội lần thứ IV tổ chức vào tháng 9-1988.

Về tổ chức: Năm 1977, toàn tỉnh có 248 công đoàn cơ sở với 45.000 đoàn viên, chiếm 85,7% tổng số công nhân viên chức, lao động. Năm 1978, thí điểm thành lập công đoàn cấp huyện tại huyện Sơn Dương; đến năm 1980, hoàn thành việc thành lập công đoàn cấp huyện; toàn tỉnh có 15 công đoàn huyện và 9 công đoàn ngành nghề, có 287 công đoàn cơ sở, 51.522 đoàn viên, 308 cán bộ công đoàn chuyên trách.

Từ 1976 đến năm 1980, công đoàn các cấp triển khai nhiều hoạt động nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công nhân viên chức; đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, giành 3 điểm cao, hoàn

thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước hàng năm và kế hoạch 5 năm lần thứ hai.

Từ 1978 đến năm 1980, công nhân viên chức, lao động đã đóng góp 26.522 công, 577 tấn phân các loại cho nông nghiệp; hàng năm có hàng nghìn lượt công nhân viên chức tham gia sản xuất cùng nông dân; có 1.900 sáng kiến được phát huy, làm lợi cho Nhà nước nhiều triệu đồng. Thực hiện khẩu hiệu “Tiết kiệm là quốc sách”, “Tiết kiệm toàn diện, tiết kiệm triệt để”, từ năm 1976 đến năm 1980, các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị đã tiết kiệm được trên 1 tỷ đồng. Số tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa và chiến sĩ thi đua tăng qua hàng năm; riêng năm 1980 có 333 tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa và 829 chiến sĩ thi đua, trong đó có 12 tổ giữ vững danh hiệu lao động xã hội chủ nghĩa 10 năm liên tục.

Trong chiến đấu bảo vệ biên giới Tổ quốc, đã có hơn 10.000 công nhân viên chức, lao động lên tham gia lao động tại các lâm trường, đồng thời là chiến sĩ tự vệ bảo đảm chiến đấu và phục vụ chiến đấu tại chỗ. Nhiều lượt cán bộ, đoàn viên công đoàn và công nhân viên chức đã tham gia phục vụ chiến đấu trên tuyến đầu; đóng góp hàng chục vạn ngày công để xây dựng tuyến phòng thủ biên giới.

Từ năm 1981 đến năm 1985, công đoàn đã có các phong trào “Sản xuất giỏi, chiến đấu, phục vụ chiến đấu giỏi”, “Vì điểm tựa tiền tiêu, vì biên cương Tổ quốc”, “Ngày công biên giới”... đã thực hiện kế hoạch “Ba tình huống”, phương án “Ba lực lượng” (lực lượng chiến đấu, lực lượng phục vụ chiến đấu, lực lượng chuẩn bị đưa về tuyến sau); có hơn 200 đơn vị đã củng cố, sắp xếp lại lực lượng dân quân tự vệ thành các tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn vừa sản xuất, vừa làm nhiệm vụ sẵn sàng phục vụ chiến

đấu và chiến đấu; công nhân viên chức và người lao động đã tiếp tục đóng góp hàng chục vạn ngày công và một lượng lớn vật chất, tài chính phục vụ biên giới. Trong ngành Giao thông - Vận tải, có khẩu hiệu thi đua “Sống bám đường, chết kiên cường, dũng cảm”, “Địch đánh, ta sửa ta đi”, “Địch đánh ngày, ta làm đêm”, “Hàng cho quốc phòng và vùng cao biên giới”..., “Mỗi công nhân là một chiến sĩ, mỗi xí nghiệp là một pháo đài”... Ngành Bưu điện có khẩu hiệu “Quyết giữ vững thông tin, liên lạc trong mọi tình huống”. Ở các nhà máy, xí nghiệp, có phong trào thi đua “Mỗi công nhân là một chiến sĩ, mỗi xí nghiệp, nhà máy là một pháo đài”. Ngành Y tế có phong trào “Thầy thuốc như mẹ hiền”; ngành Giáo dục đẩy mạnh phong trào “Hai tốt”; ngành Văn hóa - thông tin có phong trào “Tiếng hát át khó khăn”, “Tiếng hát át tiếng pháo”, “Sách cho điểm tựa”...; Ngành Điện lực có phong trào “Giữ cho dòng điện liên tục”... Trong phong trào thi đua “Năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều”, chỉ riêng năm 1984 đã có 30 sáng kiến được công nhận, làm lợi cho nhà nước hàng triệu đồng.

Những năm 1986-1990, bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới, Liên đoàn Lao động tỉnh đã phát động phong trào thi đua thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn của tỉnh (bao gồm chương trình sản xuất lương thực, thực phẩm; chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và chương trình sản xuất hàng xuất khẩu). Năm 1987, Công đoàn tỉnh đã tổ chức phong trào liên kết thi đua giữa 2 ngành nông nghiệp và thủy lợi, ký nghị quyết liên tịch với 13 ngành, có 44 đơn vị tham gia, nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp; thành lập Câu lạc bộ Giám đốc xí nghiệp với 44 giám đốc tham gia. Kết quả, ngành Nông nghiệp với 3 mũi tiến công (cung ứng vật tư - đầu tư

khoa học kỹ thuật - quản lý) đã cung ứng cho nông nghiệp trên 10.000 tấn phân bón, 300 tấn giống cây trồng, 50 tấn ngô giống, 400 tấn thức ăn gia súc, 40 tấn thuốc trừ sâu... Ngành Thủy lợi đã tu sửa trên 3.600 km kênh mương, 850 con đập, vận động nhân dân làm mới 27 công trình thủy lợi, khôi phục 376 công trình bị hư hỏng. Phong trào thi đua ở các ngành Bưu điện, Giáo dục, Y tế... tiếp tục mang lại hiệu quả; trong phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật đã có 376 sáng kiến được ứng dụng. Trong bảo vệ Tổ quốc, phong trào "Vì điểm tựa tiên tiêu" được đẩy mạnh; có 100% đơn vị hoàn thành nhiệm vụ quân sự, tham gia quy hoạch, củng cố 33 xã biên giới; Liên đoàn Lao động tỉnh đã trợ giúp 4 huyện biên giới trên 1.400.000 đồng, tổ chức tiếp nhận và chuyển giao 12.852 áo len, 760 khăn len, 625 chăn len của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ủng hộ để trao tặng cho 8 huyện vùng cao biên giới.

5. Thời kỳ tái lập tỉnh Tuyên Quang từ năm 1991 đến năm 2013

Từ khi tỉnh Tuyên Quang được tái lập tới nay, Liên đoàn Lao động tỉnh đã có 4 kỳ đại hội: Đại hội lần thứ XI tổ chức vào tháng 5-1993, Đại hội lần thứ XII tổ chức vào tháng 8-1988, Đại hội lần thứ XIII tổ chức vào tháng 8-2003, Đại hội lần thứ XIV tổ chức vào tháng 7-2008, Đại hội lần thứ XV tổ chức vào tháng 4-2013.

Tháng 12-1991, Liên đoàn Lao động tỉnh Tuyên Quang đã đề ra 4 chương trình hoạt động lớn: Chương trình giáo dục định hướng xã hội chủ nghĩa và nâng cao truyền thống cách mạng của giai cấp công nhân; Chương trình xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; Chương trình xóa đói giảm nghèo và Chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình. Kết quả: 100% công đoàn cơ sở đã tổ chức cho hơn 90% công

nhân viên chức, người lao động học tập, tham gia vào các đợt tuyên truyền, giáo dục chính trị và truyền thống lịch sử, cách mạng; đến năm 1995, trên 95% số người lao động ở các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước tham gia công đoàn, tỷ lệ công đoàn cơ sở vững mạnh tăng từ 35% năm 1992 lên trên 50% năm 1995.

Từ năm 1996 trở đi, nhằm mục tiêu "Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chăm lo và bảo vệ lợi ích của công nhân lao động" góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh; các cấp công đoàn đã thực hiện chương trình đào tạo tay nghề. Năm 1996, toàn tỉnh có 28.214 công nhân, viên chức, lao động; trong đó có 12.214 người trong khu vực sản xuất, kinh doanh; 15.283 người ở hành chính sự nghiệp; công nhân bậc 6 trở lên mới có 5,57%. Đến năm 2002, có 33.881 công nhân, viên chức, lao động; trong đó có trình độ trung học phổ thông đạt 74,35%, cao đẳng, đại học đạt 21,3%, trình độ tay nghề từ bậc 5 - 7 đạt 13,6%.

Năm 1997, thực hiện Quyết định số 979/QĐ-TLĐ của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh đã quyết định thành lập mới Công đoàn Dân - Chính - Đảng và tái thành lập 5 Liên đoàn Lao động cấp huyện ở các huyện Nà Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương (đã giải thể để thành lập Ban Cán sự công đoàn cấp huyện từ năm 1992).

Năm 1999, thực hiện Nghị quyết liên tịch giữa Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phát động phong trào "Thi đua phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn", các cấp công đoàn đã vận động mọi người

ủng hộ gần 400 triệu đồng, kiên cố hóa 552 km kênh mương nội đồng. Ngành Giáo dục - Đào tạo đẩy mạnh phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt”, Cuộc vận động “Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm”, “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”; thực hiện “Một hội đồng hai nhiệm vụ”. Trong 5 năm (1996-2000), toàn ngành đã có 5 giáo viên giỏi cấp quốc gia, 1.742 chiến sĩ thi đua các cấp, 363 tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, 2.318 người được tặng “Huy chương vì sự nghiệp giáo dục”... Ngành Điện lực có khẩu hiệu hành động “Núi rừng có điện thay sao”, ngành Y tế tiếp tục đẩy mạnh phong trào thực hiện 12 điều y đức, ngành Bưu điện có phong trào “Nhanh chóng - chính xác - an toàn - tiện lợi - văn minh”...

Năm 2002, các cấp công đoàn đã phối hợp tổ chức các phong trào thi đua yêu nước như: “Lao động giỏi với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”, “Học tập nâng cao trình độ mọi mặt, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa”, “Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, chống lãng phí, chống các biểu hiện tiêu cực, sách nhiễu, phiền hà, làm trái pháp luật, chống các tệ nạn xã hội”... Đã có 1.327 sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất được phát huy, ứng dụng, làm lợi cho Nhà nước và các đơn vị trên 5,375 tỷ đồng. Việc chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho cán bộ, công chức, lao động được quan tâm, coi trọng với nhiều biện pháp, hình thức tích cực. Từ năm 1998 đến năm 2003, đã triển khai thực hiện 32 dự án với tổng số vốn quay vòng trên 2,3 tỷ đồng cho 1.349 lượt người vay để phát triển kinh tế gia đình.

Từ năm 2003 đến năm 2008, nội dung hoạt động trọng tâm của công đoàn các cấp là: Tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh công

tác tuyên truyền, giáo dục, xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh; tham gia xây dựng, quản lý và kiểm tra, giám sát việc thi hành chính sách, pháp luật, chế độ liên quan đến người lao động; tiếp tục tổ chức các phong trào hành động cách mạng có hiệu quả; tăng cường phát triển đoàn viên, đổi mới phương thức, nội dung hoạt động công đoàn; vận động công nhân, viên chức, lao động và đoàn viên công đoàn tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Công đoàn các cấp đã vận động, tổ chức cho mọi người tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động, các chương trình lớn như: “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động”, “Thi đua liên kết phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn”, “Học tập nâng cao trình độ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu”, “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở trong công nhân, viên chức, lao động thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”... Trong phong trào nhận đỡ đầu các trường học, trong 5 năm (2001-2005) đã có 182 cơ quan, đơn vị nhận đỡ đầu 150 trường học với tổng số tiền đã ủng hộ trên 558 triệu đồng cùng nhiều vật phẩm khác trị giá hàng tỷ đồng. Trong 5 năm (2003-2008), có 33 tập thể và 27 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động; 61 tập thể và 100 cá nhân được Chính phủ tặng Bằng khen; 12.611 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp; 13 đơn vị được tặng cờ thi đua, 40 đơn vị và 155 cá nhân được tặng Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; hàng nghìn người được Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng; có 3.021 sáng kiến, giải pháp hữu ích được ứng dụng vào sản xuất, làm lợi trên 7,2 tỷ đồng.

Từ năm 2008 đến nay, các cấp công đoàn tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đoàn viên, công nhân, viên chức, lao động. Có nhiều hoạt động thiết thực trong tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, các chế độ, chính sách của Nhà nước; triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; hướng dẫn, giúp đỡ công nhân, lao động giao kết hợp đồng lao động. Đẩy mạnh hoạt động xã hội với nhiều nội dung, hình thức phong phú như giúp công nhân vay vốn từ Quỹ quốc gia hỗ trợ giải quyết việc làm; chương trình mái ấm công đoàn; tích cực ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ bảo trợ trẻ em, Quỹ vì người nghèo. Đã xây dựng, triển khai thực hiện có kết quả chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28-1-2008 của Ban Chấp hành Trung ương về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và Chương trình phát triển 1,5 triệu đoàn viên của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn và đội ngũ cán bộ công đoàn. Từ năm 2008 đến năm 2010, đã có 3.211 công nhân, viên chức có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp hữu ích được áp dụng vào lao động, sản xuất, kinh doanh, làm lợi cho Nhà nước trên 4 tỷ đồng. Đã có 42 tập thể, 37 cá nhân được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động; Chính phủ, các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua cho 61 tập thể, tặng Bằng khen cho 989 tập thể và 1.548 cá nhân; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Cờ thi đua cho 7 tập thể, tặng Bằng khen cho 38 tập thể và 45 cá nhân. Liên đoàn Lao động tỉnh tặng Cờ thi đua cho 50 tập thể, tặng Bằng khen cho 352 tập thể và 719 cá nhân. Có 12 đề tài của công nhân, viên chức được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng lao động sáng tạo.

Về tổ chức: Đến năm 2013, Liên đoàn Lao động tỉnh có 13 tổ chức công đoàn cấp trên cơ sở trực thuộc với 1.135 công đoàn cơ sở 39.671 đoàn viên. Cụ thể:

TT	Đơn vị	Số công đoàn cơ sở	Đoàn viên	Ghi chú
1	Liên đoàn Lao động huyện Nà Hang	86	1.924	
2	Liên đoàn Lao động huyện Lâm Bình	60	1.186	
3	Liên đoàn Lao động huyện Chiêm Hóa	143	3.748	
4	Liên đoàn Lao động huyện Hàm Yên	118	3.200	
5	Liên đoàn Lao động huyện Sơn Dương	172	7.311	
6	Liên đoàn Lao động thành phố Tuyên Quang	124	7.457	
7	Liên đoàn Lao động huyện Yên Sơn	167	5.375	
8	Công đoàn Dân - Chính - Đảng	63	3.604	
9	Công đoàn ngành Giáo dục	37	1.893	
10	Công đoàn ngành Y tế	19	1.279	
11	Công đoàn ngành Xây dựng	14	1.779	

12	Công đoàn ngành Giao thông vận tải	15	490	
13	Công đoàn ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn	16	408	
	Công đoàn cơ sở cơ quan Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh (do Liên đoàn Lao động tỉnh trực tiếp quản lý)	1	17	Là công đoàn cơ sở
	Cộng	1.035	39.671	

**CÁC ĐỒNG CHÍ CHÁNH THƯ KÝ, CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN TỈNH
QUA CÁC THỜI KỲ**

TT	Họ và tên	Thời gian	Ghi chú
1	Lê Quang Tuệ	1947 - 1949	Chánh Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
2	Lê Như Thao	1949 - 1950	Chánh Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
3	Trần Đức Việt	1950	Chánh Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
4	Bùi Thế Dương	1950 - 1952	Chánh Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
5	Trần Văn Miêu	1952 - 1954	Chánh Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
6	Nguyễn Văn Thơ	7-1954 – 10-1954	Chánh Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
7	Trần Văn Toàn	1954 - 1957	Chánh Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
8	Nguyễn Văn Tinh	1957 - 1958	Chánh Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
9	Ngô Trọng Toàn	1958 - 1959	Quyền Chánh thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh
10	Lương Quang Mai	1959 - 1961	Chánh thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
11	Nguyễn Ngọc Hứa	1961 - 1963	Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
12	Nguyễn Văn Khoa	1963 - 1975	Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
13	Nguyễn Hữu Chính	1975 - 1988	Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Hà Tuyên
14	Bùi Ngọc Quế	1988 - 1997	Chủ tịch Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
15	Vũ Văn Nhân	1997 - 2003	Chủ tịch Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
16	Lưu Bích Thuận	2003 - 2004	Chủ tịch Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
17	Triệu Kim Long	Từ 11-2005 – 7-2011	Chủ tịch Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang
18	Phạm Hồng Phong	Từ tháng 8-2011 đến nay	Chủ tịch Liên hiệp Công đoàn tỉnh Tuyên Quang

III- ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH TỈNH TUYÊN QUANG

1. Thời kỳ Cách mạng Tháng Tám

Tháng 6-1937, phong trào cách mạng được gây dựng tại thị xã Tuyên Quang. Đầu năm 1938, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Hoàng Văn Lịch, tổ chức Đoàn Thanh niên Dân chủ ở thị xã Tuyên Quang được thành lập.

Ngày 20-3-1940, chi bộ Mỏ than được thành lập, gồm 7 đảng viên, trong đó có các đồng chí là đoàn viên của cơ sở Đoàn đầu tiên ở thị xã Tuyên Quang như Lương Quang Mai, Lương Hải Bằng, Đức Kim, Trần Xuân Hồng...

Giữa năm 1941, Ban Cán sự Đảng Tuyên Quang được thành lập, trực tiếp chỉ đạo phong trào trong toàn tỉnh. Đến cuối năm 1941, dưới sự lãnh đạo của Ban Cán sự Đảng tỉnh Tuyên Quang, cơ sở Đoàn Thanh niên cứu quốc và Nhi đồng cứu quốc hình thành, tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến đường lối cứu nước của Mặt trận Việt Minh, giác ngộ thanh niên tham gia cách mạng. Cơ sở Đoàn được mở rộng ở thị xã Tuyên Quang và phát triển tới các xã như Phúc Ninh, Thắng Quân, Tân Tiến, Chiêu Yên, Cường Đạt (huyện Yên Sơn), Hùng Đức (huyện Hàm Yên)... sau đó hình thành ở một vùng rộng lớn trải dài từ Sơn Dương đến Yên Sơn, Chiêm Hóa... Tháng 3-1945, các cơ sở Đoàn và đoàn viên, thanh niên đã tích cực tham gia phong trào kháng Nhật, cứu nước; cùng nhân dân tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở hầu hết các địa phương của tỉnh vào tháng 6-1945; tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống phát xít Nhật vào vùng giải phóng, bảo vệ an toàn căn cứ địa Tân Trào. Từ ngày 17 đến ngày 22-8-1945, đông đảo thanh niên đã tham gia

vào cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tại thị xã Tuyên Quang, giải phóng toàn bộ tỉnh nhà.

2. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

Sau Cách mạng Tháng Tám, bộ máy công tác Đoàn toàn tỉnh với Ban Chấp hành lâm thời hình thành; đồng chí Ngô Vi Lăng được Trung ương Đoàn phân công làm Bí thư Tỉnh đoàn. Đến cuối năm 1946, hầu hết các huyện và một số xã trong tỉnh đã có cơ sở Đoàn. Thanh niên các dân tộc Tuyên Quang đã tham gia vào các đội "Thanh niên xung phong tăng gia sản xuất", lập "Hũ gạo cứu đói", làm công tác bình dân học vụ. Hàng chục đội "Thanh niên diệt dốt" đã ra đời; nhiều thanh niên tòng quân tham gia tuyên truyền, cổ động thực hiện "Tuần lễ vàng" để xây dựng nền tài chính quốc gia...

Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược được phát động. Đầu năm 1947, cùng với Đoàn Thanh niên cứu quốc, Tỉnh đoàn Thanh niên Việt Nam tỉnh ra đời, thu hút mọi tầng lớp thanh niên trong tỉnh vì mục tiêu kháng chiến và kiến quốc.

Thu - Đông năm 1947, đi đôi với việc tổ chức, huy động đoàn viên, thanh niên tham gia "tiêu thổ kháng chiến", các cấp bộ Đoàn trong toàn tỉnh tích cực vận động thanh niên tòng quân, tham gia xây dựng bộ đội địa phương, xây dựng quân chủ lực và các đội dân quân du kích.

Những năm 1948-1949, có phong trào tòng quân và xây dựng, phát triển dân quân, tự vệ. Đến năm 1949, toàn tỉnh có 8.270 du kích, 9.098 dân quân tự vệ, 298 bộ đội địa phương; năm 1950, có hơn 1.000 thanh niên đăng ký tòng quân.

Các tổ chức Đoàn và đoàn viên, thanh niên tích cực tham gia xây dựng hậu

phương vững mạnh về mọi mặt bằng những việc làm cụ thể: Thực hiện phong trào thi đua ái quốc; tham gia phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế để đáp ứng nhu cầu thời chiến theo mục tiêu: “ăn no, mặc ấm, đánh khoẻ”; xóa bỏ tàn tích văn hóa nô dịch, ngu dân của thực dân Pháp; xây dựng một nền văn hóa mới theo đúng đường lối của Đảng, tích cực hưởng ứng các hoạt động văn hóa với khẩu hiệu: “Yêu nước, căm thù giặc”; tham gia chống nạn mù chữ, phát triển giáo dục, xây dựng nếp sống mới; đi đầu thực hiện các chính sách của Đảng và Chính phủ về ruộng đất, thuế nông nghiệp...

Các tổ chức Đoàn đã tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các đợt mua công trái, công phiếu kháng chiến, bán thóc nuôi quân, đi dân công và tham gia lực lượng thanh niên xung phong... Tỉnh đoàn Thanh niên cứu quốc đã thành lập 2 đại đội Thanh niên xung phong (gồm C216 thành lập tháng 2-1952 và C217 thành lập tháng 1-1953) với trên 400 đội viên, làm nhiệm vụ rà phá bom, mìn, sửa chữa cầu đường trên địa bàn tỉnh). Đặc biệt, chỉ trong 2 tháng đầu năm 1954, toàn tỉnh đã có 479 đoàn viên, thanh niên nhập ngũ, hàng trăm thanh niên tham gia phục vụ chiến dịch Đông - Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ.

3. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)

Ngày 19-10-1955, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra nghị quyết đổi tên Đoàn Thanh niên cứu quốc Việt Nam thành Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam. Từ năm 1954 đến năm 1975, có nhiều hoạt động nổi bật ghi dấu sự phát triển về tổ chức và phong trào của Đoàn Thanh niên Tuyên Quang.

Đầu năm 1956, Tỉnh đoàn Tuyên Quang tổ chức Hội nghị đại biểu Đoàn toàn tỉnh, có 120 đại biểu thay mặt cho trên 600 đoàn viên về dự. Hội nghị đã đánh giá phong trào Đoàn trong 10 năm (1946-1956), đề ra phương hướng và nhiệm vụ cho thời gian tới. Đến cuối năm 1958, toàn tỉnh có 160 cơ sở đoàn với 5.771 đoàn viên; đã hoàn thành việc bầu Ban chấp hành của 6 huyện, thị đoàn.

Từ 1954 đến năm 1957, tổ chức Đoàn và tuổi trẻ của tỉnh đi đầu trên mặt trận khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội. Tổ chức Đoàn đã thành lập nhiều tổ, nhóm đi khai hoang, phục hóa, vận động gia đình và bà con cùng tham gia sản xuất; phát động phong trào và vận động đoàn viên, thanh niên đi đầu tham gia chống hạn, xây dựng các tổ đổi công. Các tổ chức Đoàn cũng vận động các tầng lớp thanh niên và nhân dân tham gia các lớp bình dân học vụ, thành lập các đội diệt dốt. Đến năm 1956, đã có 60% số người trong độ tuổi học tập được công nhận thoát nạn mù chữ, đại bộ phận đoàn viên, thanh niên ở vùng thấp, đồng bằng và các thị trấn, thị xã đều biết đọc, biết viết.

Cuối năm 1959, Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Lao động tỉnh Tuyên Quang lần thứ I được tổ chức, trên 100 đại biểu thay mặt cho 9.873 đoàn viên toàn tỉnh về dự Đại hội. Đại hội quyết định tiếp tục đẩy mạnh phong trào thanh niên tích cực lao động xã hội do Trung ương Đoàn phát động từ năm 1958 và đang được thanh niên hưởng ứng với tinh thần “Vì miền Nam ruột thịt, vì tuổi trẻ Bình Thuận kết nghĩa”.

Từ năm 1958 đến năm 1960, các cơ sở Đoàn đã có nhiều hình thức hoạt động phong phú, thích hợp trong tuyên truyền, vận động, thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia phong trào hợp tác

hóa nông nghiệp; đi đầu đảm nhận thành lập các tổ, đội chuyên môn như tổ phân bón, tổ giống, tổ cấy, tổ cày bừa, tổ khoa học - kỹ thuật,... Tỉnh Đoàn phát động hưởng ứng cuộc vận động “Sống, làm việc học tập theo gương những người cộng sản” trong toàn Đoàn, có trên 2.000 đoàn viên, thanh niên có bài dự thi tìm hiểu về Đảng, Bác Hồ.

Năm 1961, Đoàn Thanh niên Lao động tỉnh Tuyên Quang tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ II, có 120 đại biểu thay mặt cho một vạn đoàn viên toàn tỉnh về dự Đại hội. Đại hội đã phát động phong trào thi đua “Xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất”. Qua các phong trào thi đua, đến năm 1965 đã kết nạp thêm 8.361 đoàn viên; giới thiệu cho Đảng 6.210 đoàn viên ưu tú; có 1.930 đoàn viên được kết nạp vào Đảng.

Từ năm 1961 đến năm 1965, phong trào xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất là phong trào rộng lớn nhất của đoàn viên, thanh niên. Đoàn đã có những chiến dịch, các đợt thi đua và các phong trào lớn như: “Con mương Phú Lợi cắm thù”, “Con đường nối liền Tuyên Quang - Bình Thuận”, “Con đường thanh niên”, “Thừa ruộng tặng sản”, “Công trình chào mừng Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ III”, “Thi đua nước rút”,... Mỗi năm thanh niên toàn tỉnh đóng góp hàng chục vạn ngày công làm thủy lợi; xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đi đầu áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật để đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây trồng. Phát huy tính sáng tạo, tận dụng những tiềm năng và thế mạnh của địa phương để sản xuất các sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng; Tỉnh đoàn Tuyên Quang đã thành lập các đội thanh niên xung kích trên mặt trận giao thông - vận tải... Thanh

niên chiếm hơn 80%, đoàn viên chiếm hơn 43,8% lực lượng dân quân tự vệ; 100% chi đoàn và đoàn viên trong lực lượng vũ trang địa phương và các đơn vị bộ đội chủ lực trên địa bàn tỉnh đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu “Ba nhất”. Trong nhiều năm liên tục, Tuyên Quang luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, kế hoạch tuyển quân, cả về số lượng, chất lượng và thời gian giao quân. Chỉ tiêu tuyển quân năm 1964 tăng hơn gấp đôi so với các năm trước, qua 5 đợt tuyển quân đã có 1.748 đoàn viên, thanh niên nhập ngũ.

Năm 1965, Đoàn Thanh niên Lao động tỉnh Tuyên Quang tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ III, có 150 đại biểu thay mặt cho trên hai vạn đoàn viên toàn tỉnh về dự Đại hội. Đại hội nhấn mạnh kết quả đạt được trong phong trào thi đua “Xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất” và phong trào “Ba sẵn sàng”. Đến năm 1970 toàn tỉnh có trên 25.000 đoàn viên; trên 3.000 đoàn viên, thanh niên ưu tú được kết nạp vào Đảng.

Từ năm 1970, thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam được đổi tên là Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh; Đội Thiếu niên tiên phong Việt Nam mang tên là Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh; Đội Nhi đồng Việt Nam mang tên là Đội Nhi đồng Hồ Chí Minh.

Đại hội Đại biểu Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh toàn tỉnh lần thứ IV tổ chức vào tháng 5-1970, có 200 đại biểu thay mặt cho trên 25.000 đoàn viên toàn tỉnh về dự. Đại hội đánh giá phong trào Đoàn và tuổi trẻ toàn tỉnh trong hơn 10 năm qua; đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới và tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Ba sẵn sàng”.

Năm 1972, Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh tỉnh Tuyên Quang tổ chức

Đại hội đại biểu toàn tỉnh lần thứ V; có 130 đại biểu thay mặt cho trên 27.000 đoàn viên về dự.

Từ năm 1965 đến năm 1975, “Ba sẵn sàng” là phong trào lớn của tổ chức Đoàn và tuổi trẻ Tuyên Quang. Chỉ sau một thời gian ngắn, đã có hơn 80% thanh niên toàn tỉnh đăng ký tham gia “Ba sẵn sàng”. Đầu năm 1965, phong trào “Ba sẵn sàng” được đẩy lên một bước mới. Toàn tỉnh có trên 500 đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước và trên 300 đội thanh niên xung kích; trên 4 vạn thanh niên, trong đó có trên 1 vạn đoàn viên. Hầu như dân tộc nào cũng có thanh niên xung phong tòng quân. Năm 1966, Tuyên Quang có 7 đợt giao quân với 2.638 người. Năm 1968, là năm huy động cao nhất, có 5.276 thanh niên nhập ngũ, vượt mức chỉ tiêu trên 5%, trong đó có trên 50% là đoàn viên. Năm 1972, Tuyên Quang vượt 4,5% chỉ tiêu tuyển quân. Để sẵn sàng trực tiếp chi viện cho quân và dân miền Nam, năm 1969-1972, tỉnh thành lập thêm 4 tiểu đoàn bộ đội địa phương. Chiếm hơn 80% trong lực lượng dân quân tự vệ, đoàn viên và thanh niên Tuyên Quang với khí thế “Ba sẵn sàng”, đã luyện tập quân sự, sẵn sàng phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Năm 1965, đã đào được 159.000 mét hào giao thông, 4.770 đài quan sát, hầm trú ẩn và trận địa trực chiến.

Trong 3 năm (1965-1967), không quân Mỹ đã đánh phá 231 trận vào các điểm giao thông. Với quyết tâm trong bất cứ tình huống nào cũng phải bảo đảm giao thông - vận tải thông suốt, Ban Bảo đảm giao thông, trong đó có đại diện Đoàn thanh niên được thành lập từ tỉnh, huyện đến phường xã. Đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước (tập trung), lấy phiên hiệu là N13 - P38 gồm 500 đội viên, tổ chức thành 3 đại đội, được giao

nhệm vụ mở tuyến đường tránh bến phà Bọ (Hàm Yên) và mở tuyến đường Chiêm Hóa - Chinh - Linh Đức để phục vụ khai thác than. Trung ương Đoàn bổ sung cho tỉnh 2 đội thanh niên xung phong (Đội N61 - P38 có trên 1.000 đội viên của tỉnh Hải Dương, Đội N109 - P38 có 500 đội viên của tỉnh Hưng Yên).

Đoàn có phong trào “Xây dựng cánh đồng 5 tấn thắng Mỹ”. Các cơ sở Đoàn ở nông thôn đã cải tạo đồng ruộng và làm thủy lợi. Năm 1967, thanh niên 5 huyện và thị xã đã đóng góp 209.272 ngày công cùng với nhân dân xây dựng được 34 công trình thủy lợi vừa và nhỏ. Năm 1968, toàn tỉnh đã có 77 đội thủy lợi chuyên trách với 1.666 đoàn viên, thanh niên. Các phong trào “Ba chuồng” (chuồng lợn, chuồng trâu bò, chuồng xí), phong trào “Sạch làng tốt ruộng”, phong trào làm phân xanh... Năm 1968, đã làm được 6.732.165 kg phân các loại, sản xuất được 730 tấn vôi, 4.350 chuồng lợn 2 bậc, làm 3.900 nhà vệ sinh 2 ngăn, 1.250 nhà chế biến phân, 450 ha bèo hoa dâu,...

Trong năm 1967 và đầu năm 1968, có 3.024 cán bộ, đoàn viên, thanh niên tham gia bộ máy quản lý hợp tác xã, bình quân mỗi hợp tác xã có gần 50% cán bộ quản lý là đoàn viên, thanh niên.

Phong trào “Ba sẵn sàng” trong các nông trường quốc doanh được cụ thể hóa thành phong trào vừa sản xuất, vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu và kế hoạch trên giao; phong trào “Luyện tay nghề, thi thợ giỏi”, “Kiện tướng vạn cân”... Thanh niên nhiều nông trường đảm nhận các công trình thanh niên như “Đồi chè tăng sản”, “Đồi cây thanh niên”, Vườn ươm “Ba sẵn sàng”,... Hơn 70% công nhân, viên chức, toàn bộ đoàn viên, thanh niên trong các cơ sở sản xuất công nghiệp, dịch vụ, hành chính sự nghiệp... đã tham gia phong trào “Ba sẵn sàng”.

Thực hiện cuộc vận động “Toàn Đoàn làm công tác giáo dục thiếu nhi”, “Toàn Đoàn tham gia công tác xây dựng Đội”, “Toàn dân tham gia công tác thiếu niên, nhi đồng”, Đoàn đã làm tốt công tác phụ trách Đội. Đến năm 1966, tổ chức Đội đã có ở khắp nơi và đã hoàn thành việc đưa hoạt động Đội vào trong trường học. Phong trào Trần Quốc Toản, thi đua thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy đã thu hút đông đảo thiếu niên tham gia.

Trong 8 năm chống Mỹ, cứu nước (1965-1972), có 7 vạn lượt thanh niên tham gia phong trào “Ba sẵn sàng”, 3.895 đoàn viên được kết nạp vào Đảng, 28.050 thanh niên được kết nạp vào Đoàn. Phong trào thanh niên và tổ chức Đoàn tỉnh Tuyên Quang được Chính phủ tặng 3 Huân chương Lao động hạng Ba, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng tặng Cờ luân lưu mang dòng chữ “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” cho phong trào “Ba sẵn sàng” của tỉnh; có 34 cơ sở Đoàn được Trung ương Đoàn tặng cờ Nguyễn Văn Trỗi, 1.257 thanh niên được công nhận là chiến sĩ thi đua, 37.128 đoàn viên, thanh niên đạt danh hiệu “Thanh niên 3 sẵn sàng”; 2.857 đoàn viên, thanh niên được tặng Huy hiệu Nguyễn Văn Trỗi; hàng vạn đơn vị, cá nhân được Trung ương Đoàn, Ủy ban hành chính tỉnh và Tỉnh đoàn tặng Bằng khen.

4. Thời kỳ tỉnh Hà Tuyên (1976-1991)

Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Hà Tuyên lần thứ I tổ chức vào tháng 4-1977. Dự Đại hội có trên 260 đại biểu đại diện cho hơn 3,4 vạn đoàn viên trong toàn tỉnh.

Năm 1978, đã có gần 65.000 đoàn viên thanh niên đăng ký tham gia phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể” (xung kích trong chiến đấu và sẵn sàng chiến

đấu, xung kích trong lao động và xây dựng đất nước, xung kích trong học tập và rèn luyện...). Toàn tỉnh thành lập 395 đội thanh niên xung kích với gần 32.000 đội viên tham gia.

Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tổ quốc, đã có hàng nghìn thanh niên xung phong nhập ngũ. Hàng chục vạn lượt thanh niên đã bám trụ trên tuyến lửa, đóng góp hàng triệu ngày công, mở đường ô tô, làm đường dây thông tin, đường ống dẫn nước, bể chứa nước, vận chuyển hàng chục nghìn tấn bê tông, lương thực, thực phẩm, súng đạn, tu sửa hàng chục kilômét hầm hào, công sự...

Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Hà Tuyên lần thứ II tổ chức vào tháng 4-1980. Dự Đại hội có trên 180 đại biểu đại diện cho hơn 3,5 vạn đoàn viên trong toàn tỉnh.

Từ năm 1981, các tổ chức đoàn tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể”. Triển khai 3 chương trình hành động cách mạng của Đoàn và tuổi trẻ trong hai năm 1982-1983 là: Chương trình tuổi trẻ đẩy mạnh sản xuất lương thực; Chương trình tuổi trẻ thực hành tiết kiệm; Chương trình tham gia giải quyết việc làm.

Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Hà Tuyên lần thứ III tổ chức vào tháng 10-1983. Dự Đại hội có trên 200 đại biểu đại diện cho hơn 4,5 vạn đoàn viên trong toàn tỉnh.

Đoàn Thanh niên tỉnh phát động thực hiện “Cuộc hành quân theo bước chân những người anh hùng”, đến năm 1984, đã thu hút trên 179 cơ sở Đoàn tham gia. Thông qua cuộc hành quân, tổ chức Đoàn được củng cố và ngày càng vững mạnh. Năm 1984, kết nạp được 15.806 đoàn viên mới, 5.408 đoàn viên được nhận thẻ đoàn, 3.895 đoàn viên được giới thiệu với Đảng, trong đó đã kết nạp được 377 đồng chí.

Từ năm 1984, Đoàn triển khai 5 chương trình hành động cách mạng của tuổi trẻ:

- Chương trình “Tuổi trẻ xung kích đẩy mạnh sản xuất lương thực và phát triển nông nghiệp”: Trong năm 1984 đã có gần 2.000 hécta ruộng thâm canh cao sản đã được Đoàn đảm nhận, toàn tỉnh đã có 650 tổ đội của Đoàn đảm nhận các khâu: giống, thủy lợi, phân bón, bảo vệ thực vật.

- Chương trình “Tuổi trẻ xung kích trong lao động sáng tạo và tiết kiệm và giải quyết việc làm cho thanh niên”: Các cơ sở Đoàn đã đẩy mạnh phong trào thi đua “Lao động sáng tạo, tiết kiệm, vượt mức kế hoạch nhà nước”, “Làm thêm giờ, nhận thêm việc vì điểm tựa tiền tiêu, vì biên giới thân yêu”. Trong năm 1984, các lâm, nông trường có 65 công trình thanh niên công sản; nhiều đợt đợt kích của Đoàn đã đóng góp 14.000 ngày công lao động ngoài giờ, tiết kiệm vật tư, làm lợi cho Nhà nước 170.000 đồng; có 90% tổ chức Đoàn và chi đoàn đăng ký hoàn thành kế hoạch từ 5 đến 10 ngày.

- Chương trình “Tuổi trẻ xung kích trên mặt trận an ninh - quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc”: Tuổi trẻ trong lực lượng công an nhân dân tỉnh và các huyện tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động: “Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh”. Phong trào “Vì điểm tựa tiền tiêu” với các loại hình hoạt động như “Nhận thêm giờ, làm thêm việc vì biên giới thân yêu”, các công trình “Đổi cây thanh niên, khu rừng cao sản, tuần học tốt dạy tốt”, “Vì điểm tựa tiền tiêu” đã thu hút hơn 9 vạn thanh niên tham gia. Trên mặt trận an ninh trật tự, an toàn xã hội, các phong trào: “Ngày an toàn, tuần an toàn, tháng an toàn”; “Đường biên thanh niên làm chủ”; “Kết nghĩa 3 lực lượng”... đã thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên trong và ngoài lực lượng vũ trang tham gia.

- Chương trình “Tuổi trẻ xung kích trên mặt trận cải tạo xã hội chủ nghĩa và lưu thông phân phối”: Đoàn viên, thanh niên đã nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, ý thức trách nhiệm năm hàng, năm tiền, quản lý thị trường, thực hiện văn minh thương nghiệp trong các “Quầy hàng thanh niên”...

- Chương trình “Tuổi trẻ xung kích trên mặt trận học tập, rèn luyện và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa”: Trong năm 1985 đã có 400/729 cơ sở Đoàn được củng cố kiện toàn, trong đó 324 cơ sở đạt tiêu chuẩn vững mạnh (chiếm 45%), 8.320 thanh niên được kết nạp vào Đoàn, 709 đội viên lớn tuổi được giới thiệu lên Đoàn; Đoàn đã giới thiệu cho Đảng 3.190 đoàn viên, trong đó đã có 442 đồng chí được kết nạp vào Đảng, chiếm 79,8% số đảng viên mới kết nạp.

Thực hiện khẩu hiệu “Toàn Đoàn chăm sóc giáo dục thiếu niên, nhi đồng”, phong trào thi đua xây dựng “Liên đội mạnh”, “Chi đội mạnh”, “Sao nhi đồng tự quản”, “Thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy” được đẩy mạnh.

Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh toàn tỉnh lần thứ IV tổ chức vào tháng 5-1987. Dự Đại hội có trên 200 đại biểu đại diện cho hơn 6 vạn đoàn viên trong toàn tỉnh. Đoàn viên, thanh niên trong toàn tỉnh xung kích thực hiện nhiệm vụ trên tất cả các lĩnh vực. Đã đào đắp được 8.930m³ đất đá, vận chuyển 5.000 ống nước và hơn 180 tấn lương thực, 150 tấn vũ khí, đạn dược, mở hàng trăm kilômét đường giao thông lên điểm tựa tiền tiêu. Trong năm 1986 đã kết nạp được 4.842 đoàn viên, giới thiệu 1.395 đoàn viên để được xem xét kết nạp vào Đảng.

Trong nhiệm kỳ 1987-1990, Đoàn Thanh niên tỉnh đã tổ chức các phong trào: “Thanh niên sản xuất kinh doanh giỏi”,

“Xứng danh anh bộ đội Cụ Hồ” và thực hiện “6 điều Bác Hồ dạy công an nhân dân”, “Vì sự bình yên của quê hương Tân Trào”, “Thanh niên xung kích bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Đền ơn đáp nghĩa”, “Vì điểm tựa tiên tiêu”, “Vì người bạn tòng quân”, “Quân và dân một ý chí”... Các phong trào chính của Đội như “Nói lời hay, làm việc tốt”, “Công tác Trần Quốc Toàn”, “Kế hoạch nhỏ”... tiếp tục được duy trì và phát triển.

5. Thời kỳ tái lập tỉnh Tuyên Quang từ 1992 đến 2013

Tháng 9-1991, tỉnh Tuyên Quang được tái lập. Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Tuyên Quang lần thứ X được tổ chức vào tháng 4-1992. Dự Đại hội có 120 đại biểu đại diện cho hơn 2 vạn đoàn viên trong toàn tỉnh.

Tổ chức Đoàn và phong trào thanh niên ngày càng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Chuyển đổi, củng cố tổ chức theo thôn, bản; trong năm 1992 đã có 9/9 huyện, thị Đoàn và Đoàn trực thuộc triển khai và củng cố được 1.426 chi đoàn. Đến cuối năm 1993 có 470 chi đoàn mạnh (chiếm 26,7%); 980 chi đoàn khá, 267 chi đoàn trung bình, 40 chi đoàn yếu kém (chiếm 2,4%).

Thực hiện phong trào “Giới thiệu 3.000 đoàn viên ưu tú cho Đảng”, đã bồi dưỡng, giới thiệu 1.973 đoàn viên, trong đó 251 đoàn viên được vào Đảng.

Hội Liên hiệp Thanh niên tỉnh thành lập vào tháng 10-1993. Đến ngày 31-12-1993, có hơn 20 chi hội thanh niên theo sở thích, nghề nghiệp và theo các chương trình kinh tế - xã hội, không phân biệt tôn giáo, không phân chia địa giới hành chính.

Đến cuối năm 1995, kết nạp được 4.804 đoàn viên mới và 1.712 đội viên lớn tuổi được lên Đoàn; có 97% chi đoàn trong tỉnh tổ chức đại hội, 237/296 cán bộ đoàn cơ sở

và 1.449/2.068 cán bộ chi đoàn và 142/167 cán bộ chi hội đã qua tập huấn; toàn tỉnh có 1.319/2.068 chi đoàn vững mạnh và khá (chiếm 63,78%), 567/2.068 chi đoàn trung bình (chiếm 27,42%).

Từ năm 1993, Đoàn đã phát động thực hiện hai phong trào hành động “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước”.

Đoàn đã phối hợp với các ngành quân đội, công an, Hội Cựu chiến binh và các ngành, các cấp có liên quan làm tốt công tác tổ chức, tuyên truyền, giáo dục tuổi trẻ về truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng, của Đoàn, của dân tộc và các thế hệ cha anh; thực hiện tốt các hoạt động phối hợp, củng cố và phát triển các tổ, đội thanh niên xung kích bảo vệ an ninh, trật tự, phòng chống các tệ nạn xã hội...

Trong thực hiện chính sách hậu phương quân đội và phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, Đoàn tổ chức nhiều cuộc vận động như: “Vì điểm tựa tiên tiêu của Tổ quốc”, “Vì người bạn tòng quân”, “Quân và dân một ý chí”. Đã quyên góp hàng trăm triệu đồng để thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước, gia đình neo đơn, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và trẻ em nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Từ năm 1992 đến năm 1996, tổ chức Đoàn các cấp đã hướng công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh thi đua, sinh hoạt theo chủ đề: “Noi gương anh bộ đội Cụ Hồ”, “Về với cội nguồn”...

Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Tuyên Quang lần thứ XI, nhiệm kỳ 1997-2002, tổ chức từ ngày 7 đến ngày 9-10-1997, có 145 đại biểu đại diện cho 28.800 đoàn viên trong toàn tỉnh dự Đại hội.

Đại hội đã đề ra mục tiêu của công tác Đoàn, phong trào thanh niên nhiệm kỳ 1997-2002; đề ra 5 chương trình của Đoàn

và tuổi trẻ Tuyên Quang trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Quá trình thực hiện đã gắn kết với thực hiện 7 chương trình do Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VII (từ ngày 26 đến ngày 29-11-1997) đề ra và đã đạt được một số kết quả tiêu biểu, cụ thể sau:

Có 158 sáng kiến có giá trị được ứng dụng vào sản xuất, làm lợi cho Nhà nước 586 triệu đồng. Phong trào “Học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp” tiếp tục được thực hiện tốt. Nhiều hoạt động giáo dục bổ trợ được tổ chức từ cơ sở đến tỉnh như các cuộc thi “Trí tuệ học đường”, “Đường lên đỉnh Olympia”, “7 sắc cầu vồng”, “Kính vạn hoa”, “Hành trình thế kỷ XXI”... Đã vận động hơn 10 nghìn thanh niên trong độ tuổi đi học phổ cập trung học cơ sở, chủ trì phối hợp với ngành Giáo dục mở được 177 lớp xóa mù chữ cho 3.171 thanh niên trong độ tuổi chưa biết chữ hoặc tái mù chữ; vận động đoàn viên thanh niên ủng hộ sách vở, đồ dùng học tập, chăn ấm, công lao động... cho các học viên có hoàn cảnh khó khăn với tổng trị giá 246,6 triệu đồng.

Phối hợp mở 696 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật cho 18.141 lượt thanh niên, xây dựng 1.209 mô hình trình diễn kỹ thuật trồng lúa lai, ngô lai; xây dựng được 815 điểm trình diễn, mô hình trình diễn, đưa các giống cây, giống con có giá trị kinh tế cao vào sản xuất với 9.780 lượt đoàn viên thanh niên tham gia, tổ chức tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật cho 125.701 lượt đoàn viên, thanh niên.

Các cấp bộ Đoàn đã vận động và tổ chức cho đoàn viên thanh niên góp vốn, giúp đỡ nhau sản xuất, làm giàu chính đáng; đồng thời đứng ra tín chấp giúp 10.320 thanh niên lập 1.985 dự án vay vốn phát triển sản xuất với số tiền 15.224 triệu đồng (tăng hơn 7 tỷ đồng so với nhiệm kỳ trước).

Đảm nhiệm thực hiện nhiều công trình thanh niên, phần việc thanh niên tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn như: Làm đường giao thông, kiên cố hóa kênh mương, xây dựng sửa chữa phòng, lớp học, làm nhà văn hóa thôn bản... Đã xây dựng được 2.707 công trình thanh niên trị giá 6.077,7 triệu đồng.

Trong 5 năm, Đoàn Thanh niên tỉnh đã trao tặng quà trị giá 1.208,2 triệu đồng cho các gia đình chính sách, gia đình thương binh liệt sĩ, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình có công với cách mạng... Phong trào “Trần Quốc Toản” cũng được các đội viên, thiếu niên nhi đồng hưởng ứng với hơn 381 ngày công giúp đỡ gia đình chính sách, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, hơn 1.000 áo lụa tặng bà mẹ liệt sĩ...

Trong nhiệm kỳ 1997-2002, Đoàn đã tổ chức cho trên 365 nghìn lượt đoàn viên, thanh, thiếu niên ký cam kết không vi phạm tệ nạn xã hội; duy trì hoạt động của 253 đội thanh niên xung kích an ninh, tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội khác.

Toàn tỉnh đã quyên góp được 55.343 quyển sách giáo khoa, 62.145 quyển vở, 35.605 đồ dùng học tập, 18.775 bộ quần áo, 18.096 ngày công lao động, trị giá hơn 300 triệu đồng.

Cuộc thi tìm hiểu “75 năm lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam” thu hút 75.121 đoàn viên, thanh niên tham gia viết bài dự thi. Cuộc thi tìm hiểu “60 năm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, có 152.589 bài dự thi.

Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Tuyên Quang lần thứ XII, tổ chức từ ngày 29 đến ngày 30-11-2002, có 200 đại biểu đại diện cho trên 50.000 đoàn viên trong toàn tỉnh dự Đại hội.

Năm 2005, thành lập được 1.030 câu lạc bộ, nhóm, tổ học tập; phân công 1.372 đoàn viên có học lực khá, giỏi giúp đỡ 1.256 đoàn viên thanh niên có học lực yếu. Các chi đoàn đã đăng ký và tổ chức 6.485 tuần học tốt, 19.475 ngày học tốt, 182.998 giờ học tốt. Đoàn đã phối hợp với Sở Giáo dục - Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm tin học... đẩy mạnh phong trào học tập tin học trong thanh thiếu nhi toàn tỉnh; tổ chức Hội thi "Tin học trẻ không chuyên" toàn tỉnh lần thứ nhất, có 46 thí sinh của 6/6 huyện, thị trong tỉnh.

Trong "Chiến dịch thanh niên, học sinh, sinh viên tình nguyện hè 2005", có 227.306 lượt đoàn viên, thanh niên tham gia đào đắp được 753,3 m³ đất đá, làm mới và tu sửa 440,9km đường giao thông, nạo vét 364,8km kênh mương, 1 km đê, 45 lớp học, xây dựng 596 công trình thanh niên trị giá 2.373.000.000 đồng. Năm 2005, các cơ sở Đoàn đã phối hợp với cơ sở khuyến nông tổ chức được 1.182 lớp tập huấn chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho 32.011 lượt đoàn viên, thanh niên; thu gom ủ 43,57 tấn phân hữu cơ; hướng dẫn xây dựng 91 mô hình phát triển kinh tế vườn kết hợp với chăn nuôi thu hút 460 lao động trẻ.

Đến hết năm 2006, có 373 cơ sở Đoàn với 3.571 chi đoàn và 55.969 đoàn viên, tỷ lệ tập hợp thanh niên vào tổ chức Đoàn, Hội Liên hiệp Thanh niên đạt trên 70%. Tỷ lệ chi đoàn vững mạnh tăng từ 45% năm 2002 lên 50,3% năm 2006; có 90% ủy viên Ban Chấp hành Đoàn cơ sở có trình độ văn hóa trung học phổ thông, trong đó trình độ cao đẳng, đại học chiếm 22,4%, cán bộ chủ chốt (bí thư và phó bí thư) Đoàn cơ sở có trình độ chuyên môn cao đẳng, đại học chiếm 60,3%. Số đoàn viên xuất sắc và khá chiếm 81,8% năm 2002 tăng lên 86,9% năm 2006.

Năm 2007, thành lập được 5.152 chi hội, đội, nhóm, câu lạc bộ với 157.527 hội viên là thanh niên. Đoàn đã trợ giúp đoàn viên, thanh niên lập các dự án vay vốn phát triển sản xuất; đến năm 2007 số vốn vay đạt 25 tỷ đồng.

Trong nhiệm kỳ 2002-2007, thực hiện được 1.581 công trình, phần việc thanh niên, 292 đề tài nghiên cứu, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trị giá hàng tỷ đồng. Các cơ sở Đoàn trong tỉnh đã tặng 1.458 suất quà (trị giá hơn 500 triệu đồng), sửa chữa và làm mới 332 căn nhà (trị giá hơn 1 tỷ đồng); tặng 2.900 sổ tiết kiệm cho các gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình chính sách, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Trong 5 năm, đã tổ chức 2.152 buổi sinh hoạt chi đoàn, tuyên truyền giáo dục pháp luật cho 110.657 đoàn viên, thanh niên; đồng thời tổ chức cho 110 nghìn lượt đoàn viên thanh niên ký cam kết không vi phạm pháp luật và các tệ nạn xã hội; xây dựng được 118 câu lạc bộ phòng chống tệ nạn xã hội với 7.923 đoàn viên, thanh niên tham gia...

Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIII, tổ chức từ ngày 11 đến ngày 12-9-2007, có 222 đại biểu đại diện cho trên 55.000 đoàn viên trong toàn tỉnh dự Đại hội. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Tỉnh đoàn lần thứ XIII, các phong trào thanh niên được triển khai sâu rộng, liên tục, trọng tâm là tham gia thực hiện những việc mới, việc khó, các lĩnh vực đột phá theo nghị quyết của các cấp ủy Đảng. Trong nhiệm kỳ, các tổ chức đoàn trong tỉnh đã thực hiện được trên 3.000 công trình thanh niên, phần việc thanh niên; phối hợp giải quyết việc làm mới cho hơn 70 nghìn thanh niên; giới thiệu cho Đảng hơn 17 nghìn đoàn viên ưu tú, trong đó có hơn 5 nghìn đoàn viên được kết nạp vào Đảng.

Đến năm 2011, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Tuyên Quang có 11 huyện, thành đoàn và đoàn trực thuộc, 382 đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở, 3.296 chi đoàn dưới cơ sở, 55.850 đoàn viên. Cụ thể:

TT	Đơn vị	Số Đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở	Số lượng đoàn viên
1	Nà Hang	30	4.722
2	Lâm Bình	23	1.949
3	Chiêm Hóa	46	10.315
4	Hàm Yên	35	5.811
5	Yên Sơn	50	6.990
6	Sơn Dương	54	11.660
7	Thành phố Tuyên Quang	27	5.520
8	Đoàn khối cơ quan tỉnh	45	5.663
9	Đoàn khối doanh nghiệp	48	2.573
10	Đoàn công an	21	587
11	Đoàn quân đội	3	76
	Cộng:	382	55.866

BÍ THƯ TỈNH ĐOÀN QUA CÁC THỜI KỲ

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Ngô Vi Lăng	1946 - 1947	Bí thư Tỉnh đoàn Tuyên Quang
2	Vũ Cận	1947 - 1949	Bí thư Tỉnh đoàn Tuyên Quang
3	Trần Việt Thanh	1950 - 3-1957	Bí thư Tỉnh đoàn Tuyên Quang
4	Chu Minh Thảo	4-1957 - 8-1959	Bí thư Tỉnh đoàn Tuyên Quang
5	Nguyễn Hữu Chính	9-1959 - 1971	Bí thư Tỉnh đoàn Tuyên Quang
6	Chu Thế Nhiêu	1972 - 4-1977	Bí thư Tỉnh đoàn Tuyên Quang
7	Hà Quang Dự	4-1977 - 3-1982	Bí thư Tỉnh đoàn Hà Tuyên
8	Ấu Xuân Chiếu	3-1982 - 9-1983	Quyền Bí thư Tỉnh đoàn Hà Tuyên
9	Hoàng Xuân Hiến	10-1983 - 5-1987	Bí thư Tỉnh đoàn Hà Tuyên
10	Vũ Quang Tiến	5-1987 - 10-1995	Bí thư Tỉnh đoàn Hà Tuyên (từ năm 1991 là tỉnh Tuyên Quang)
11	Nông Hải Việt	10-1995 - 11-2002	Bí thư Tỉnh đoàn Tuyên Quang
12	Mai Đức Thông	11-2002 - 4-2004	Bí thư Tỉnh đoàn Tuyên Quang
13	Nguyễn Văn Sơn	4-2004 - 7-2007	Bí thư Tỉnh đoàn Tuyên Quang
14	Nguyễn Mạnh Tuấn	8-2007 - 2-2011	Bí thư Tỉnh đoàn Tuyên Quang
15	Nguyễn Hưng Vượng	Từ tháng 3-2011 đến nay	Bí thư Tỉnh đoàn Tuyên Quang

IV- HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH TUYÊN QUANG

1. Trước và trong Cách mạng Tháng Tám 1945

Những cơ sở đầu tiên và phong trào phụ nữ đầu tiên của tỉnh ra đời từ năm 1937-1938, cùng với sự ra đời của phong trào cách mạng tại Mỏ than, thị xã Tuyên Quang. Từ đó đến năm 1945, phong trào phụ nữ tiếp tục phát triển ở các địa phương khác trong tỉnh. Phụ nữ tham gia vào phong trào Việt Minh, các cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân; tham gia nuôi giấu, bảo vệ cán bộ cách mạng; tham gia vào phong trào đấu tranh giành chính quyền trong toàn tỉnh.

2. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

Năm 1946, Tỉnh hội Phụ nữ cứu quốc Tuyên Quang được thành lập.

Sau khi Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thành lập (10-1946), năm 1947 Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Tuyên Quang được thành lập. Từ tháng 9-1948, thực hiện chủ trương của Trung ương và nghị quyết của hội nghị cán bộ toàn tỉnh, Hội Phụ nữ cứu quốc và Hội Liên hiệp Phụ nữ của tỉnh thống nhất thành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 1949, tổ chức Hội Phụ nữ đã phát triển, được thành lập ở tất cả các xã; toàn tỉnh có 22.968 hội viên.

Vừa củng cố, phát triển tổ chức, Hội Phụ nữ các cấp đã tuyên truyền, vận động, tổ chức đông đảo hội viên tham gia kháng chiến, kiến quốc với những phong trào, việc làm như: Diệt giặc đói, diệt giặc dốt; thi đua tăng gia sản xuất; mua công trái quốc gia, công phiếu kháng chiến; bán gạo cho Chính phủ nuôi quân; tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu; thực hiện phòng gian bảo mật, bảo vệ an toàn Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ và các

cơ quan trung ương đóng tại địa phương; hăng hái đi dân công làm cầu đường; làm tốt công tác hậu phương quân đội, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ...

3. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)

Cuối năm 1955, toàn tỉnh có 59 chi hội phụ nữ với trên 19.000 hội viên, đến năm 1961 có trên 30.000 hội viên, năm 1963 có 44.926 hội viên; năm 1972, toàn tỉnh có 137 tổ chức cơ sở Hội Liên hiệp Phụ nữ với 2.350 tổ, 72.364 hội viên.

Từ năm 1954 đến năm 1975, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành 6 kỳ đại hội: Đại hội lần thứ I (Đại hội phụ nữ nông dân) tổ chức vào đầu năm 1956; Đại hội lần thứ II tổ chức vào năm 1959; Đại hội lần thứ III tổ chức vào năm 1961; Đại hội lần thứ IV tổ chức vào năm 1963; Đại hội lần thứ V tổ chức vào năm 1971; Đại hội lần thứ VI tổ chức vào năm 1974.

Từ năm 1954 đến năm 1960, phụ nữ tích cực tham gia thực hiện khôi phục kinh tế, bước đầu tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế - văn hóa.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), phụ nữ tham gia các phong trào thi đua lớn như: "5 tốt", "Phất cờ Tân Trào, sông Lô nổi sóng, giành vụ đông - xuân thắng lợi"; các phong trào làm thủy lợi, phân bón, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, kết nghĩa với phụ nữ Bình Thuận, gửi tiền tiết kiệm để chống Mỹ, cứu nước; phong trào xây dựng, phát triển nhà trẻ, nhóm trẻ... Năm 1963, có 556 chi ở các cơ quan, công, nông, lâm trường, xí nghiệp được bình bầu là "Phụ nữ 5 tốt", trên 30.000 hội viên phụ nữ ở nông thôn tham gia học tập và đăng ký thực hiện "5 tốt".

Tháng 3-1965, Tỉnh hội Phụ nữ Tuyên Quang phát động hưởng ứng phong trào

“Phụ nữ ba đảm đang” trong toàn tỉnh. Từ đây, phong trào này là hành động nòng cốt của phụ nữ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trong 8 năm (1965-1972), có 223.000 lượt chị em học tập và đăng ký thực hiện phong trào “Ba đảm đang” và đạt được những thành tích to lớn:

- Về đảm đang sản xuất thay thế chồng, con đi chiến đấu: 76% lao động trong sản xuất nông nghiệp là nữ. Từ năm 1971 đến năm 1972 có 8 chủ nhiệm, 46 phó chủ nhiệm, 408 đội trưởng, đội phó đội sản xuất, 259 cán bộ kỹ thuật của các hợp tác xã nông nghiệp là phụ nữ. Năm 1970-1971, có 8.120 nữ kiện tướng làm phân giới; trong 8 năm (1965-1972), có 50.018 lượt nữ xã viên đạt danh hiệu “Phụ nữ ba đảm đang”, 459 lượt là chiến sĩ thi đua.

Số lượng nữ cán bộ, công nhân viên chức đã tăng từ 7.236 người (năm 1965) lên 10.972 người (năm 1972), trong đó có 452 chị giữ cương vị từ đội trưởng trở lên, có 683 lượt chị đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua, 12.304 lượt chị đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, 9.450 lượt chị đạt danh hiệu “Phụ nữ ba đảm đang”...

- Về đảm đang công tác hậu phương: Đến năm 1972 có 102 xã tổ chức được 256 tổ hội mẹ chiến sĩ với 6.578 mẹ tham gia, lập 392 tổ vợ bộ đội với 4.588 chị tham gia; toàn tỉnh có 5 mẹ có 5 con đi bộ đội, 85 mẹ có 3 con đi bộ đội, 2.632 mẹ có 2 con đi bộ đội. Trong 6 năm có 2.316 chị vợ bộ đội được tặng nhãn chung thủy, 1.614 mẹ được tặng nhãn mẹ hiền; trong 8 năm có 233 chị nhập ngũ, năm 1972 toàn tỉnh có 11.564 nữ dân quân, tự vệ, chiếm 32,5% số dân quân, tự vệ của tỉnh; đã có 16 đơn vị nữ đạt danh hiệu Quyết thắng.

- Về đảm đang công tác gia đình, phúc lợi xã hội: Đã tổ chức nhiều đợt, nhiều hình thức tuyên truyền thực hiện vệ sinh, phòng, chữa bệnh, nuôi dạy con cho gần

30.000 lượt hội viên; tới 1972, toàn tỉnh có 12.500 nhà tắm, 70,2% tổng số hộ gia đình có giếng nước sạch, 90% số hộ có nhà vệ sinh. Từ bước làm thí điểm vào năm 1967, đến năm 1970 đã có 68 xã xây dựng được 525 nhóm trẻ với 8.150 cháu; năm 1972, trong 86 cơ quan nhà nước đã xây dựng 286 nhà trẻ với 3.150 cháu, chiếm 62,8% số cháu trong độ tuổi đi nhà trẻ. Số phụ nữ tham gia công tác đảng, chính quyền, công tác quản lý tăng từ 6.358 chị (năm 1965) lên 7.532 chị (năm 1972).

Qua 8 năm (1965-1972), Chính phủ đã tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho phụ nữ tỉnh và 5 tập thể nữ, tặng Bằng khen cho 3 đơn vị; có 10 chị được Bác Hồ tặng Huy hiệu; 273 tập thể, cá nhân được Trung ương hội tặng Cờ luân lưu và Bằng khen; 150 tập thể, 78 cá nhân được Khu hội khen thưởng; 712 tập thể, cá nhân được Tỉnh hội khen thưởng; có 59.450 lượt chị được bình bầu là “Phụ nữ ba đảm đang”, trong đó có 1.142 lượt chị đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua, 12.304 lượt chị đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, có 475 tổ đội đạt danh hiệu Tập thể lao động xã hội chủ nghĩa, trong đó 153 tổ có 100% là nữ.

4. Thời kỳ tỉnh Hà Tuyên (1976-1991)

Sau khi hợp nhất Hà Giang và Tuyên Quang thành tỉnh Hà Tuyên, Hội Phụ nữ tỉnh có 15 huyện, thị hội với 305 cơ sở hội.

Từ năm 1976 đến năm 1991, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hà Tuyên đã có 3 kỳ đại hội: Đại hội lần thứ I tổ chức vào tháng 9-1977; Đại hội lần thứ II tổ chức vào tháng 12-1980; Đại hội lần thứ III tổ chức vào tháng 1-1986.

Hoạt động xuyên suốt của phụ nữ Hà Tuyên từ năm 1976 đến năm 1991 là phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Ngay trong năm 1978 ở 12/15 huyện, thị hội đã có 27.801 lượt chị em

tham gia học tập và đăng ký thực hiện các nội dung của phong trào.

Tháng 2-1979, chiến tranh biên giới phía Bắc xảy ra, phong trào phục vụ chiến đấu, ủng hộ biên giới là hoạt động, nhiệm vụ quan trọng của phong trào phụ nữ Hà Tuyên. Chỉ trong 3 tháng đầu năm 1979, phụ nữ đã đóng góp 9.500 ngày công đào hầm hào, công sự, hàng vạn ngày công làm cầu đường, vận chuyển lương thực, thực phẩm cho bộ đội. Phong trào kết nghĩa với các đơn vị bộ đội ở biên giới được phát động, nhiều tổ, hội mẹ chiến sĩ được thành lập và hoạt động có hiệu quả.

Đến năm 1986, đã có 3.518 hội viên đạt tiêu chuẩn Người phụ nữ mới 9 - 10 năm liên tục, 6.423 hội viên đạt tiêu chuẩn 7 - 8 năm liên tục, 6.821 hội viên đạt tiêu chuẩn 5 - 6 năm liên tục, có 34 cơ sở và 170 chi được đề nghị Trung ương hội khen thưởng.

Năm 1979, Hội triển khai cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa trong phụ nữ toàn tỉnh; đến năm 1980, đã có 20.500 lượt chị đăng ký thực hiện, trong đó có 8.560 gia đình hội viên đạt 3 tiêu chuẩn.

Năm 1989, Hội triển khai tiếp 2 cuộc vận động lớn là “Cuộc vận động phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình” và “Cuộc vận động nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bỏ học”. Trong 2 năm (1989-1990), chị em đã giúp nhau về giống, vốn, ngày công giá trị nhiều triệu đồng; tổ chức hàng chục cuộc hội thảo, hàng trăm cuộc trao đổi kinh nghiệm làm kinh tế gia đình; 100% các huyện, thị hội xây dựng được quỹ hội để giúp phụ nữ làm kinh tế, mở nhiều lớp dạy nghề cho phụ nữ... Trong năm học 1990 - 1991, chị em đã vận động 6.377 trẻ em bỏ học trở lại tiếp tục đi học; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng của tỉnh giảm từ 2,7% (năm 1987) xuống còn 2,5% (năm 1990).

5. Thời kỳ tái lập tỉnh Tuyên Quang từ năm 1992 đến năm 2013

Đến năm 2001, Tuyên Quang có 6 huyện, thị hội phụ nữ, 154 cơ sở hội xã, phường, thị trấn, đơn vị, 2.280 chi hội thôn, bản, tổ nhân dân với tổng số 61.747 hội viên.

Từ năm 1992 đến nay, Hội Phụ nữ đã có 4 kỳ đại hội: Đại hội lần thứ X tổ chức vào tháng 1-1992, Đại hội lần thứ XI tổ chức vào tháng 1-1997, Đại hội lần thứ XII tổ chức vào tháng 12-2001, Đại hội lần thứ XIII tổ chức vào tháng 10-2006.

Từ năm 1992 đến năm 1996, phong trào phụ nữ tập trung vào thực hiện 5 chương trình công tác trọng tâm: Chương trình giáo dục tư tưởng và nâng cao kiến thức cho phụ nữ; Chương trình trợ giúp các hoạt động tăng thu nhập cho phụ nữ và xây dựng quỹ hội; Chương trình vận động phụ nữ thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, thực hiện cuộc vận động nuôi dạy con tốt góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bỏ học, hạn chế bệnh tật cho phụ nữ; Chương trình đổi mới tổ chức bộ máy và cán bộ hội; Chương trình thực hiện một số cơ chế, chính sách, luật pháp tham gia và kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo quyền lợi phụ nữ và trẻ em.

Toàn tỉnh đã lập được 1.180 nhóm phụ nữ hỗ trợ sản xuất. Tổng số tiên tiến chấp năm 1995 lên đến hàng chục tỷ đồng. Đội ngũ cán bộ nữ phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đặc biệt cán bộ nữ làm công tác khoa học - kỹ thuật phát triển khá nhanh. Năm 1993, có 1.424 chị em có trình độ từ cao đẳng trở lên, chiếm 43,1% so với toàn tỉnh, tăng 12,1% so với năm 1984. Đội ngũ cán bộ nữ tham gia cấp ủy và giữ các chức vụ chủ chốt không ngừng tăng lên.

Những năm 1996-2000, chương trình giáo dục, bồi dưỡng kiến thức năng lực

cho phụ nữ, bằng các hình thức tuyên truyền giáo dục đa dạng, phong phú, thu hút được 100.834 lượt phụ nữ tham gia.

Từ năm 2001 đến năm 2011, Hội Liên hiệp Phụ nữ từ tỉnh đến cơ sở không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tập trung hướng về cơ sở, xây dựng nội dung, chương trình hoạt động phù hợp với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng thiết thực của phụ nữ.

Tổ chức bộ máy của các cấp hội thường xuyên được củng cố, kiện toàn nhất là chi hội, tổ, nhóm phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng còn nhiều khó khăn. Đến năm 2013, toàn tỉnh có 105.716 hội viên, chiếm gần 80% số phụ nữ. Đội ngũ cán bộ hội từng bước được chuẩn hóa, có tri thức, năng động, sáng tạo, gắn bó với cơ sở, đáp ứng yêu cầu phong trào phụ nữ. Nhiều cán bộ Hội trưởng thành, được đề bạt vào các vị

trí lãnh đạo cơ quan Đảng, chính quyền các cấp. Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy tỉnh nhiệm kỳ 2005-2010 đạt 29,8%, tăng 3,1%; cấp ủy huyện, thị đạt 17,4%, tăng 4,1%; cấp ủy xã, phường, thị trấn đạt 19,7%, tăng 4,9% so với nhiệm kỳ 2000-2005. Tỷ lệ nữ tham gia Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2004-2009 đạt 38,59%, tăng 5,59%; Hội đồng nhân dân huyện, thành phố đạt 34,62%, tăng 4,52%; Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn đạt 26,82%, tăng 6,62% so với nhiệm kỳ 1999-2004.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Tuyên Quang được Chủ tịch nước tặng các Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Độc lập hạng Ba; Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và qua các nhiệm kỳ đại hội liên tục được Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tặng Cờ thi đua xuất sắc.

Tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Tuyên Quang đến năm 2011

TT	Đơn vị	Số cơ sở hội	Số lượng hội viên
1	Nà Hang	13	6.756
2	Lâm Bình	9	4.826
3	Chiêm Hóa	27	19.939
4	Hàm Yên	19	14.150
5	Sơn Dương	34	24.008
6	Yên Sơn	33	21.236
7	Thành phố Tuyên Quang	15	14.497
8	Đoàn khối cơ quan tỉnh	0	0
9	Đoàn khối doanh nghiệp	0	0
10	Đoàn công an	0	260
11	Đoàn quân đội	0	46
	Cộng:	150	105.718

**BÍ THƯ PHỤ NỮ CỨU QUỐC, HỘI TRƯỞNG,
CHỦ TỊCH HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH QUA CÁC THỜI KỲ**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
1	Dương Thị Kim (Dương Thị Ổn)	Bí thư Phụ nữ cứu quốc Tuyên Quang	1946
2	Trần Thị Thái Hà	Bí thư Phụ nữ cứu quốc Tuyên Quang	1947 - 1948
3	Lê Thi	Bí thư Phụ nữ cứu quốc Tuyên Quang	1948 - 1949
4	Phạm Trân (Phạm Đoan Sinh)	Bí thư Đảng đoàn Phụ nữ Tuyên Quang	1949 - 1950
5	Hà Thị Phương Dung	Bí thư Phụ nữ cứu quốc Tuyên Quang	1951 - 1954
6	Hoàng Thị Nguyên	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ Tuyên Quang	1955 - 1958
7	Nguyễn Thị Sâm	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ Tuyên Quang	1959 - 1963
8	Nguyễn Thị Huyền	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ Tuyên Quang	1963 - 1971
9	Nguyễn Thị Hào	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ Tuyên Quang Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ Hà Tuyên	1971 - 1976 1978 - 1980
10	Nguyễn Thị Tăng	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ Hà Tuyên	1976 - 1977
11	Hà Thị Khiết	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ Hà Tuyên	1981 - 1986
12	Hoàng Thị Độ	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ Hà Tuyên	1986 - 1991
13	Nguyễn Thị Oanh	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Tuyên Quang	1992 - 1995
14	Tôn Thị Phương Toàn	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Tuyên Quang	1995 - 2009
15	Vương Thị Kim Ngân	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Tuyên Quang	Từ năm 2010 đến nay

V- HỘI CỰU CHIẾN BINH TỈNH TUYÊN QUANG

1. Tổ chức và hoạt động

Ngày 11-3-1990, Hội Cựu chiến binh tỉnh Hà Tuyên chính thức được thành lập theo Quyết định số 862-QĐ/TU, ngày 10-3-1990 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên. Ban Chấp hành lâm thời Hội Cựu chiến binh tỉnh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên chỉ định gồm 19 đồng chí, đồng chí Trần Quang Nhân làm Chủ tịch Hội, các đồng

chí Nghiêm Bút Ngọc, Mai Liên, Nguyễn Quang Thuận làm Phó Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Sinh làm Ủy viên thư ký.

Ban Chấp hành lâm thời tiến hành công tác vận động và chỉ đạo thành lập Hội Cựu chiến binh các huyện, thị trong toàn tỉnh Hà Tuyên.

Tháng 10-1991, tỉnh Hà Tuyên chia tách thành hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang, Hội Cựu chiến binh tỉnh Hà Tuyên cũng tiến hành chia tách.

Hội Cựu chiến binh tỉnh Tuyên Quang thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-TU, ngày 7-10-1991 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang; Ban Chấp hành lâm thời do Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định gồm có 9 đồng chí, đồng chí Trần Quang Nhân làm Chủ tịch Hội.

Nhiệm vụ trọng tâm của Hội giai đoạn này là đẩy mạnh công tác tuyên truyền Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam, vận động các thế hệ cựu chiến binh tham gia Hội, thành lập các tổ chức cơ sở Hội từ thôn bản đến xã, phường, thị trấn; đồng thời chuẩn bị các yếu tố cần thiết để tiến hành Đại hội Hội Cựu chiến binh các cấp lần thứ nhất. Sau hai năm Hội Cựu chiến binh tỉnh ra đời, ở Tuyên Quang đã có 116 cơ sở hội tại xã, phường, 858 chi hội thôn bản được thành lập, thu hút 5.806 cựu chiến binh tham gia.

2. Các kỳ đại hội của Hội Cựu chiến binh tỉnh

Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 1992 - 1997 tổ chức vào ngày 19-5-1992. Đại hội đã bầu 13 đồng chí ủy viên Ban Chấp hành. Đồng chí Trần Quang Nhân được bầu là Chủ tịch, đồng chí Nghiêm Bút Ngọc là Phó Chủ tịch và đồng chí Nguyễn Văn Sinh là Phó Chủ tịch kiêm Thư ký Hội.

Hội đã thành lập được 153 cơ sở Hội xã, phường, thị trấn, cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, 1.430 chi hội, với 17.072 hội viên, đạt 70% số cựu chiến binh trong tỉnh tham gia Hội.

Thành tích nổi bật của Hội Cựu chiến binh các cấp trong giai đoạn này là hưởng ứng và tham gia cuộc vận động thực hiện chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về công tác cai nghiện ma túy. Thực hiện phương

châm “cựu chiến binh gương mẫu đi đầu”, Hội đã vận động được 7 cựu chiến binh, 11 cựu quân nhân và trên 100 con em cựu chiến binh mắc nghiện đi cai nghiện tại cộng đồng.

Cuối nhiệm kỳ, các cấp cơ sở có 34,6% cơ sở Hội đạt “Trong sạch, vững mạnh”, 43,1% đạt khá, 21,2% đạt trung bình, chỉ có 1,3% yếu. Cấp huyện, thị xã có 67% đạt “Trong sạch vững mạnh”, 33% đạt khá, không có đơn vị yếu kém.

Qua 5 năm hoạt động, nhiều cán bộ, hội viên cơ sở Hội và 100% Hội Cựu chiến binh cấp huyện, thị được Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Hội Cựu chiến binh tỉnh khen thưởng Cờ thi đua, Bằng khen; Giấy khen Hội Cựu chiến binh tỉnh hai lần được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh tỉnh lần thứ II, nhiệm kỳ 1997-2002 khai mạc ngày 6-9-1997, có 125 đại biểu chính thức thay mặt cho 17.072 hội viên trong toàn tỉnh. Đại hội lần thứ II bầu 15 đồng chí vào khóa II, đồng chí Trần Quang Nhân được bầu là Chủ tịch Hội, đồng chí Trương Trọng Phan là Phó Chủ tịch Hội, đồng chí Phan Văn Quán là Ủy viên thư ký.

Trong nhiệm kỳ 1997-2002, Hội tiếp tục xây dựng về tổ chức, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động Hội theo chiều sâu, bám sát các nhiệm vụ chính trị của Hội. Phong trào “Phát huy bản chất truyền thống bộ đội Cụ Hồ góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” được phát động và triển khai sâu rộng trong toàn tỉnh. Trong Hội xuất hiện nhiều mô hình, điển hình cựu chiến binh tiêu biểu về công tác vận động xây dựng Quĩ tình nghĩa; chăm sóc gia đình chính sách, gia đình liệt sĩ, thương

binh, bệnh binh; thực hiện chương trình dồn điền, đổi thửa; bê tông hóa hệ thống kênh mương thủy lợi, đường giao thông nông thôn; chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng; tham gia lực lượng bảo đảm an ninh quốc phòng, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tại các địa phương.

Đến cuối nhiệm kỳ 1997-2002, tổ chức Hội toàn tỉnh đã phát triển tới 170 cơ sở xã, phường, thị trấn và cơ quan doanh nghiệp nhà nước, tập hợp được 22.500 hội viên.

Kết thúc nhiệm kỳ, cấp dưới cơ sở (chi hội) đạt “Trong sạch vững mạnh” 52,9%, khá 33,6%, trung bình 12,5%, yếu 1%. Cấp cơ sở có 65,6% đạt “Trong sạch, vững mạnh”, 25,5% khá, 8,9% trung bình, không có cơ sở Hội yếu kém. Cấp huyện, thị có 83% “Trong sạch, vững mạnh”, 17% khá, không có đơn vị yếu kém. 90% hội viên và gia đình hội viên đạt tiêu chuẩn “Hội viên gương mẫu”, “Gia đình văn hóa”. Có 45 tập thể, 215 cá nhân được tặng Cờ thi đua, Bằng khen, Giấy khen của các cấp.

* Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh tỉnh Tuyên Quang lần thứ III, nhiệm kỳ 2002 - 2007 khai mạc ngày 25-9-2002, có 172 hội viên thay mặt cho 22.500 hội viên trong toàn tỉnh. Đại hội được Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch danh dự Hội Cựu chiến binh Việt Nam gửi tặng lẵng hoa và điện chúc mừng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa III gồm 21 đồng chí. Đồng chí Trương Trọng Phan được bầu là Chủ tịch, đồng chí Trương Thanh Bình là Phó Chủ tịch, đồng chí Phan Văn Quán là Ủy viên thư ký.

Từ năm 2002 đến năm 2007, Hội Cựu chiến binh tỉnh tập trung thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8-1-2002 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam

trong giai đoạn cách mạng mới” và Pháp lệnh cựu chiến binh, Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, ngày 12-12-2006 của chính phủ về “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh cựu chiến binh”, gắn với thực hiện 5 chương trình công tác trọng tâm là:

- Tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa

Tại đại hội Đảng ở địa phương nhiệm kỳ 2005-2010 tỷ lệ hội viên cựu chiến binh được bầu giữ các chức vụ Đảng, chính quyền khá cao: Cấp huyện ủy viên và tương đương chiếm tỷ lệ 26,5%; đảng ủy viên cơ sở 38,3%; bí thư đảng ủy 46,4%; phó bí thư đảng ủy 60,5%; bí thư, phó bí thư chi bộ 59,7% và trong nhiệm kỳ đã có 566 hội viên cựu chiến binh được kết nạp vào Đảng. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004-2009, có 964 cựu chiến binh trúng cử, trong đó có 9 người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; 31 người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, thị và 924 người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn, tăng 3% so với nhiệm kỳ trước. Số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp cơ sở đã được bầu giữ các chức vụ: chủ tịch Hội đồng nhân dân chiếm 51,4%, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân 30%, chủ tịch Ủy ban nhân dân 42,7%, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân 47,5%, xã đội trưởng 74,8%, trưởng công an xã 45%, trưởng các đoàn thể 43,5%, trưởng thôn bản 38,9%. Hội viên cựu chiến binh ở cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước có 12 bí thư, phó bí thư đảng ủy cơ sở; 27 Bí thư chi bộ; 79 người là ủy viên cơ sở; 9 cán bộ chủ chốt cơ quan doanh nghiệp; 52 trưởng, phó phòng hoặc trưởng, phó quản đốc phân xưởng.

- Tham gia phát triển kinh tế- xã hội, giúp nhau xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng

Toàn Hội có 18.130 hộ làm nông nghiệp với gần 4.980 ha trồng cây lương thực, trong đó có 2.498 ha lúa 2 vụ, năng suất bình quân đạt 10 - 12 tấn/ha/năm. Đầu năm 2002, toàn Hội có 1.117 hộ trồng cây ăn quả, trong đó có 651 hộ có từ 1 ha trở lên, có 1.300 hộ trồng và bảo vệ rừng từ 2 ha trở lên. Đến năm 2007 đã có 2.467 hộ trồng cây ăn quả, trong đó có 730 hộ có từ 1 ha trở lên, có 1.530 hộ trồng rừng từ 2 ha trở lên; đến năm 2013 đã có 1.800 hộ có mô hình vườn - ao - chuồng và 25 hộ có mô hình trang trại vườn - ao - chuồng - rừng với tổng diện tích hơn 5.000 ha, có 695 hộ trồng chè với diện tích gần 450 ha.

Năm 2002, toàn Hội có 10.456 hộ chăn nuôi trâu, bò với tổng đàn trâu, bò 17.500 con. Đến năm 2007, đã có 13.345 hộ với tổng đàn trâu, bò gần 32.000 con, trong đó có 3.948 hộ nuôi từ 3 con trở lên, có 572 hộ có 10 con trâu bò trở lên; kết hợp tận dụng mặt nước sông, hồ, ao đầm và vườn rừng để chăn nuôi thủy sản và các loại gia súc, gia cầm khác trong những năm qua cũng được phát triển mạnh và rộng khắp trong các gia đình hội viên cựu chiến binh.

Đến năm 2007, Hội đã có 1.910 hộ làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp và xây dựng, 1.986 hộ dịch vụ thương nghiệp vừa và nhỏ, có 7 công ty trách nhiệm hữu hạn, 22 doanh nghiệp tư nhân, 11 hợp tác xã và 6 tổ hợp sản xuất do hội viên cựu chiến binh làm chủ doanh nghiệp, hợp tác xã.

Các cấp Hội đã phối hợp khai thác được các nguồn vốn cho hội viên vay, đến tháng 6-2007 được 54 tỷ 300 triệu đồng cho trên 9.500 hộ vay. Cấp cơ sở Hội và chi hội đã đẩy mạnh xây dựng quỹ Hội, nâng tổng số tiền quỹ tự lập của Hội được gần

2,3 tỷ, đạt bình quân hơn 80.000 đ/hội viên, tăng gấp 1,5 lần so với năm 2002.

Hội đã vận động hội viên đóng góp được 24.654 ngày công, 103 triệu đồng, 67 m³ cát sỏi, 1.348 kg gạo, 1.200 tàu lá cọ, nhiều cây tre gỗ, v.v. giúp những hộ nghèo xóa nhà tạm, nhà dột nát. Kết quả năm 2002, toàn Hội còn 3,75% hộ nghèo (theo tiêu chí cũ). Đến tháng 5-2005, số hộ nghèo theo tiêu chí mới có 5.357 hộ, chiếm tỷ lệ 21,3%; đến tháng 6-2007, số hộ nghèo còn 3.362 hộ, chiếm 12,16%; số hộ có mức sống khá đã chiếm 47,6%.

- Tham gia giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ

Các cấp Hội tổ chức nói chuyện truyền thống được 1.900 buổi cho hơn 421.175 lượt người nghe. Phối hợp tổ chức được 2.122 buổi giao lưu văn nghệ quần chúng; 2.237 buổi hoạt động thể thao quần chúng; 185 buổi tham quan di tích lịch sử cách mạng, phối hợp tổ chức tuyên truyền về luật an toàn giao thông được 167 buổi với 54.275 lượt người nghe. Phối hợp tổ chức 9 buổi giao lưu với Đoàn Thanh niên các trường trung học phổ thông với chủ đề “Mãi mãi tuổi 20” thu hút 8.500 lượt giáo viên, học sinh, đoàn viên thanh niên và hội viên cựu chiến binh tham gia. Các cấp Hội đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cơ sở và chủ động phối hợp với tổ chức Đoàn, cơ quan quân sự địa phương tổ chức thành lập được 45 câu lạc bộ quân nhân ở xã, phường,... thu hút gần 2.000 hạ sĩ quan, chiến sĩ hoàn thành nghĩa vụ quân sự về địa phương tham gia sinh hoạt...

- Động viên hội viên

Các cấp Hội đã vận động hội viên tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua của địa phương; gương mẫu hưởng ứng thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn

dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao quần chúng, bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục lạc hậu và các cuộc vận động, các phong trào ở địa phương, đóng góp ủng hộ xây dựng các quỹ được 2 tỷ 997,6 triệu đồng. Ngoài ra, hằng năm các cấp Hội đã trích quỹ tặng sổ tình nghĩa cho hội viên, con hội viên gia đình chính sách được trên 151 triệu đồng, quà tặng thanh niên lên đường nhập ngũ 79 triệu đồng, quyên góp tặng các gia đình chính sách, các gia đình hội viên có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp ngày Tết hằng năm được 61,5 triệu đồng; ủng hộ xây dựng công trình văn hóa nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ được hơn 53 triệu đồng...

Các cấp Hội phối hợp tuyên truyền, vận động hàng nghìn hộ gia đình hội viên cựu chiến binh và nhân dân thực hiện việc di dân tái định cư, giải phóng mặt bằng để xây dựng thủy điện Tuyên Quang, mở rộng quốc lộ số 2, quốc lộ số 37, xây dựng khu công nghiệp Long Bình An, cầu An Hòa, cầu Tân Hà, v.v.. Đã phối hợp với các cơ quan quân sự và các ngành chức năng tham gia hướng dẫn làm thủ tục và xét duyệt trợ cấp một lần cho các đối tượng là quân nhân xuất ngũ, chuyển ngành trước ngày 31-12-1960 chưa được hưởng chế độ theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg cho 3.331 trường hợp đã được trợ cấp với số tiền 7 tỷ 193,5 triệu đồng. Phối hợp tham gia xét duyệt trợ cấp cho các trường hợp bị nhiễm chất độc da cam, các đối tượng được hưởng theo Quyết định số 290/2005/QĐ/TTg, ngày 8-11-2005 của Thủ tướng Chính phủ... Phối hợp với ngành bảo hiểm và các cơ quan chức năng xét đề nghị và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh

duyet cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 6.688 cựu chiến binh. Đồng thời phát hiện, đề xuất giải quyết những việc tồn đọng về công tác chính sách, thực hiện các chế độ, chính sách theo Pháp lệnh người có công ở địa phương đạt kết quả tốt. Nhiều hoạt động tình nghĩa trong Hội có hiệu quả thiết thực như việc: Giúp hội viên nghèo về cây, con, giống, về ngày công, tiền; thăm hỏi, động viên hội viên và người thân lúc ốm đau, hoạn nạn và phối hợp tổ chức tang lễ cho hội viên lúc qua đời...

- Xây dựng tổ chức Hội

Tỷ lệ tham gia học tập, quán triệt các nghị quyết của Đảng và sinh hoạt của Hội đạt 87% trở lên. Thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, các cấp Hội đã tổ chức tuyên truyền học tập cho toàn thể cán bộ, hội viên cựu chiến binh, tỷ lệ tham gia đạt 87% trở lên.

Về xây dựng tổ chức: Trong 5 năm, Hội đã kết nạp mới 5.100 hội viên, đưa tổng số hội viên toàn tỉnh lên 27.600, đạt tỷ lệ thu hút 92,5% cựu chiến binh vào Hội; đến năm 2007 các thôn, bản có cựu chiến binh đều có hội viên; đưa tổng số chi hội lên 1.862 và 192 tổ chức Hội cơ sở. Phong trào thi đua “cựu chiến binh gương mẫu” trong các cấp Hội được đẩy mạnh; xuất hiện nhiều gương điển hình tiên tiến, xuất sắc, nhất là điển hình làm kinh tế giỏi. Qua Hội nghị tổng kết phong trào thi đua 5 năm (1999-2004) và sơ kết phong trào thi đua hằng năm của các cấp Hội, đã có 309 lượt tập thể và 333 lượt cá nhân đã được tặng từ giấy khen trở lên, trong đó Hội Cựu chiến binh tỉnh được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2005); có 2 tập thể, 1 cá nhân được Thủ tướng tặng Bằng khen (năm 2003, 2005);

có 110 tập thể và 103 cá nhân được Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, các bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen...

Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh tỉnh Tuyên Quang lần thứ IV, nhiệm kỳ 2007-2012 tổ chức vào tháng 8-2007 với chủ đề “Phát huy truyền thống bộ đội Cụ Hồ”, truyền thống quê hương cách mạng, đoàn kết, vận động các thế hệ cựu chiến binh tích cực phấn đấu góp phần xây dựng Tuyên Quang giàu đẹp, văn minh”. Đại hội được Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch danh dự Hội Cựu chiến binh Việt Nam gửi lẵng hoa chúc mừng. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa IV gồm 25 ủy viên; Ban Chấp hành đã bầu đồng chí Trương Trọng Phan làm Chủ tịch, bầu các đồng chí Tạ Văn Bang, Vũ Văn Minh làm Phó Chủ tịch.

Phương hướng chung của Hội trong nhiệm kỳ là: Đẩy mạnh phong trào thi đua “cựu chiến binh gương mẫu”, đoàn kết vận động các thế hệ cựu chiến binh, phát huy truyền thống bộ đội Cụ Hồ, truyền thống cách mạng của quê hương. Quán triệt sâu sắc phương châm “Chớp thời cơ, đột phá mạnh, liên kết rộng, hợp tác sâu” của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra. Phát huy tiềm năng, tính năng động, sáng tạo của cựu chiến binh, thi đua làm giàu chính đáng. Tích cực tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, xây dựng tổ chức Hội luôn luôn là lực lượng “trung thành, đoàn kết, gương mẫu, đổi mới”.

Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 7-1-2006 của Bộ Chính trị về tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương

đạo đức Hồ Chí Minh”; Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh đã quán triệt và ban hành Kế hoạch số 09/KH-CCB ngày 10-7-2007 để chỉ đạo các cấp Hội, hội viên thực hiện cuộc vận động và xác định khẩu hiệu chỉ đạo xuyên suốt của Hội là: Cựu chiến binh Tuyên Quang mãi mãi xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ”. Tỉnh hội đã ban hành 2 Nghị quyết chuyên đề “Hội cựu chiến binh đẩy mạnh phong trào xóa nghèo, làm giàu chính đáng và góp phần phát triển kinh tế của địa phương” và “Nâng cao chất lượng tổ chức Hội cựu chiến binh cơ sở”. Qua 4 năm thực hiện cuộc vận động, tại Hội nghị tổng kết 4 năm thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” của cấp ủy Đảng các cấp đã có 38 tập thể, 56 cá nhân cựu chiến binh được Ban Chỉ đạo các cấp tặng bằng khen, giấy khen.

Hội đã đoàn kết, chủ động, sáng tạo, đổi mới nội dung phương thức hoạt động, tích cực tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; đoàn kết giúp nhau giảm nhanh hộ nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tích cực tham gia giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, xây dựng tổ chức không ngừng được phát triển cả về số lượng và chất lượng; đến năm 2010, nhiều nội dung đã đạt chỉ tiêu của giai đoạn 2007- 2012.

Quán triệt Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 4-8-2009 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; Hội đã tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, hội viên tham gia đóng góp ý kiến vào các văn kiện đại hội đảng bộ các cấp, tham gia giới thiệu nhân sự, góp phần tích cực

vào thành công đại hội đảng bộ các cấp. Qua đại hội có 865 đảng viên là hội viên được bầu vào cấp ủy Đảng các cấp, tăng 14% so với nhiệm kỳ trước; trong đó có 6 người được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, 45 người được bầu vào cấp ủy huyện, thành phố, 814 người được bầu vào cấp ủy Đảng cơ sở... Có 598 hội viên được kết nạp vào Đảng, nâng tổng số lên 9.300 hội viên là đảng viên, chiếm tỷ lệ gần 30% tổng số hội viên.

Kết quả làm kinh tế của hội viên cựu chiến binh vẫn tiếp tục được giữ vững và phát triển. Toàn Hội có 21.900 hội viên làm nông nghiệp, trong đó có hơn 15.900 hộ có nuôi trâu, bò, với tổng đàn trâu, bò gần 32.000 con; có 1.862 hội viên có mô hình kinh tế trang trại, gia trại, nhiều hộ đã mạnh dạn đầu tư chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi như: trồng cam, quýt sạch, nuôi đà điểu, rắn, nhím, cá chiên... có hiệu quả kinh tế cao và đã có 35 doanh nghiệp tư nhân, 62 công ty trách nhiệm hữu hạn của hội viên cựu chiến binh. Hội tiếp tục phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn thành lập, củng cố, kiện toàn các tổ nhóm tiết kiệm và vay vốn, tính đến hết năm 2010 Hội cựu chiến binh đã có 6.200 hộ hội viên vay với số vốn trên 61,5 tỷ đồng. Đồng thời Hội đã xây dựng Quỹ tự lập được trên 6,3 tỷ đồng đạt bình quân 195.000 đồng/ hội viên. Giai đoạn 2005-2010 toàn Hội đã giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 21,5% xuống còn 2%, hộ có mức sống khá trở lên đạt 52% tổng số hội viên. Các cấp Hội đã phối hợp rà soát, phân loại xong hộ nghèo theo tiêu chí giai đoạn 2011-2015 toàn Hội có 19% hộ hội viên nghèo và 12,02% hộ cận nghèo; Hội đã xây dựng kế hoạch giảm nghèo, mỗi năm giảm từ 3-4% hộ nghèo, phấn đấu đến hết năm 2015 toàn Hội cơ bản xóa hết hộ hội viên nghèo.

Tháng 11-2010, Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh xây dựng và chỉ đạo các cấp Hội xây dựng Chương trình thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/2010/NQLT-CP-HCCBVN ngày 5-5-2010 Về việc ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Chính phủ và Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Tháng 10-2010, Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch số 1409/NQLT, ngày 14-5-2010 giữa Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Hội Cựu chiến binh Việt Nam giai đoạn 2010-2015 và ký chương trình phối hợp hoạt động với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tổ chức ký chương trình phối hợp hoạt động giữa Hội Cựu chiến binh tỉnh và Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh.

Các cấp Hội đã phối hợp thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho cựu chiến binh theo Pháp lệnh cựu chiến binh, Nghị định số 150/NĐ-CP của Chính phủ. Hội đã phối hợp vận động hội viên đóng góp, ủng hộ ngày công, vật liệu xây dựng... trị giá 182,4 triệu đồng, giúp cho 113 hộ hội viên nghèo xóa được nhà dột nát trong năm 2010 và vận động hội viên đóng góp, ủng hộ các loại quỹ tình nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ bảo vệ, chăm sóc trẻ em, quỹ khuyến học v.v. được 835,5 triệu đồng.

Hàng năm các cấp Hội đã phối hợp tổ chức nói chuyện truyền thống cách mạng, nói chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cho thanh, thiếu niên, học sinh được từ 395 buổi với hơn 109.500 lượt người, tổ chức hơn 400 lượt đi tham quan di tích, lịch sử về cội nguồn cho hàng ngàn cựu chiến binh và thanh, thiếu niên địa phương; tham gia giới thiệu đoàn viên ưu tú cho chi bộ Đảng mỗi năm trên 500 người, v.v..

Từ cuối năm 2007 đến hết năm 2010 đã kết nạp được 5.100 hội viên, thành lập, chia

tách 140 chi hội, thành lập mới 28 cơ sở Hội và 2 tổ chức Hội cấp trên cơ sở là Hội Cựu chiến binh khối Dân-Chính-Đảng và Hội cựu chiến binh khối Doanh nghiệp tỉnh. Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về “Nâng cao chất lượng tổ chức Hội Cựu chiến binh cơ sở” và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình số 03-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân giai đoạn 2006-2010”. Kết quả xếp loại năm 2010 có 100% Hội Cựu chiến binh huyện, thành phố và tương đương đạt trong sạch, vững mạnh; cấp cơ sở 86,6% đạt trong sạch, vững mạnh, 11,6% đạt khá; cấp chi hội có 80,4% đạt trong sạch, vững mạnh, 17,2% đạt khá; không có cơ

sở Hội và chi hội yếu; có 92,7% hội viên cựu chiến binh gương mẫu và gia đình cựu chiến binh đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Tổng kết phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2005-2010, Hội Cựu chiến binh tỉnh được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, 1 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, 6 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, 2 tập thể và cá nhân được tặng Bằng khen của Chính phủ và hàng trăm tập thể, cá nhân được tặng Bằng khen, Giấy khen.

Đến năm 2013, Hội Cựu chiến binh tỉnh có 9 tổ chức hội Cựu chiến binh trực thuộc, với 221 tổ chức cơ sở Hội, 35.820 hội viên. Cụ thể:

TT	Đơn vị	Số cơ sở hội	Số hội viên
1	Nà Hang	16	1.103
2	Lâm Bình	8	1.109
3	Chiêm Hóa	31	5.398
4	Hàm Yên	22	4.226
5	Sơn Dương	36	8.734
6	Yên Sơn	35	8.595
7	Thành phố Tuyên Quang	16	5.840
8	Khối cơ quan tỉnh	29	330
9	Khối doanh nghiệp tỉnh	28	487
	Tổng cộng	221	35.822

CHỦ TỊCH HỘI CỰU CHIẾN BINH TỈNH QUA CÁC NHIỆM KỲ

TT	Họ và tên	Thời gian	Ghi chú
1	Trần Quang Nhàn	1990 - 2002	
2	Trương Trọng Phan	9-2002 – 8-2012	
3	Tạ Văn Bang	Từ tháng 9-2012 đến nay	

VI- HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM TỈNH TUYÊN QUANG

1. Thời kỳ Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Từ năm 1937 đến năm 1941, các cơ sở Nông hội sau đó là Nông hội phân để được gây dựng ở các vùng ven thị xã Tuyên Quang. Tháng 5-1941, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ VIII tại Pác Bó (Cao Bằng), thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh). Các tổ chức thành viên của Mặt trận Việt Minh đều lấy tên là Cứu quốc hội. Tổ chức Nông dân cứu quốc tỉnh Tuyên Quang được thành lập và phát triển hội viên ở các xã Phúc Ninh, Thắng Quân, Tân Tiến, Chiêu Yên (huyện Yên Sơn) Hùng Đức (huyện Hàm Yên).

Năm 1942 ở nhiều xã nông dân tham gia tổ chức cứu quốc như xã Trung Sơn, Trung Minh, Hùng Lợi, Chiêu Yên, Quý Quân, Kiến Thiết, Trung Trực, Kim Quan (Yên Sơn); Bình Dân, Lũng Tấu, Ngòi Nho, Ao Búc, Khuôn Đào, Tân Trào, Thanh La, Minh Thanh, lan tỏa ra các xã Hợp Thành, Trung Yên, Bình Yên (Sơn Dương). Nông hội tích cực tuyên truyền vận động nông dân tham gia phong trào đấu tranh cách mạng và tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền thành công trong toàn tỉnh vào tháng 8-1945.

2. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

Hệ thống tổ chức Hội từng bước được thành lập từ tỉnh đến cơ sở. Ban Chấp hành Hội được cấp ủy cùng cấp chỉ định. Từ năm 1948, đồng chí Nguyễn Đức Hiến được Tỉnh ủy chỉ định làm Bí thư Nông hội tỉnh.

Tổ chức Hội đã vận động Nông hội tích cực sản xuất, chống nạn đói, diệt giặc dốt, với khẩu hiệu “Tắc đất tắc vàng”, “Không một tấc đất bỏ hoang”. Hưởng ứng Tuần lễ Vàng, nông dân tích cực góp phần ủng hộ cách mạng 130 lạng vàng, 7.500 lạng bạc. Sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, các tổ chức Hội đã vận động nhân dân, hội viên tích cực giúp các cơ quan Trung ương di chuyển từ Hà Nội lên chiến khu Việt Bắc, tham gia xây dựng lán trại cho các cơ quan Trung ương; góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc An toàn khu của các cơ quan Trung ương, bảo vệ an toàn nhiều hội nghị, đại hội lớn của Trung ương, đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, tổ chức tháng 2-1951 tại Kim Bình - Chiêm Hóa. Với tinh thần “tiêu thổ kháng chiến” nông dân trong tỉnh đã tự tháo dỡ nhà cửa, thực hiện “vườn không nhà trống”, góp phần đánh bại các cuộc hành quân, càn quét của địch. Hội vận động hội viên tham gia sôi nổi các phong trào thi đua yêu nước, thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm; đấu tranh đòi giảm tô, giảm tức; thực hiện các chính sách về ruộng đất và xây dựng nền kinh tế, văn hóa kháng chiến. Các phong trào thi đua với Hoàng Hanh, phong trào mua công trái, mua công phiếu kháng chiến, bán thóc nuôi quân cho bộ đội Cụ Hồ, đi dân công, tòng quân nhập ngũ,... được các cấp Hội và hội viên hưởng ứng sôi nổi.

3. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)

Từ năm 1957, công tác nông vận do Ban Công tác nông thôn phụ trách. Tổ chức Hội Nông dân được gắn với hoạt động của các cơ quan Ủy ban hành chính tỉnh và ngành Nông nghiệp.

Cán bộ Ban Công tác nông thôn từ tỉnh đến cơ sở do cấp ủy cùng cấp chỉ định,

đồng chí Nguyễn Đức Hiến, Bí thư Nông hội được Tỉnh ủy chỉ định tiếp tục giữ chức vụ Trưởng ban Công tác nông thôn, đồng chí Đinh Văn Thư được chỉ định giữ chức vụ Phó ban.

Từ năm 1954 đến năm 1958, tổ chức Nông hội chịu trách nhiệm vận động và tổ chức nhân dân tham gia các tổ đổi công, đẩy mạnh sản xuất, góp phần khôi phục kinh tế. Những năm 1958-1960, tổ chức Hội vận động hội viên tích cực tham gia thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, đưa nông dân vào làm ăn tập thể.

Từ năm 1960 đến năm 1965, Ban Công tác nông thôn được bổ sung các đồng chí là thủ trưởng các cơ quan ban, ngành cấp tỉnh như: Hội Phụ nữ, Tỉnh đoàn thanh niên, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh để vận động nông dân vào hợp tác xã. Đã vận động được 85% số hộ nông dân vào hợp tác xã, đưa 68% ruộng đất vào sản xuất tập thể. Vận động 10.814 nông dân tham gia xóa mù chữ, 29.000 lượt người học xong chương trình bổ túc văn hóa.

Đến năm 1975, trước khi sáp nhập tỉnh Tuyên Quang với tỉnh Hà Giang, Thường trực Tỉnh ủy giao cho Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy và Ty Nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang tham mưu cho Tỉnh ủy về công tác trụ bị Đại hội lần thứ I Hội Liên hiệp nông dân tỉnh Tuyên Quang. Ban trụ bị gồm 5 đồng chí, đồng chí Nguyễn Xuân Hoà, Phó ban Nông nghiệp Tỉnh ủy được giao nhiệm vụ Trưởng ban, Ban trụ bị Đại hội lần thứ I hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Phạm Mạnh Quý, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, kiêm Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy.

4. Thời kỳ tỉnh Hà Tuyên (1976-1991)

Năm 1976, sáp nhập hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang thành tỉnh Hà Tuyên. Ban

trụ bị Đại hội I được bổ sung một số cán bộ mới của Ban Nông nghiệp tỉnh Hà Giang, tiếp tục làm công tác trụ bị cho Đại hội lần thứ I Hội Nông dân tập thể tỉnh Hà Tuyên. Về tổ chức, thời kỳ này có 13 huyện hội và 2 thị hội (chưa có huyện Bắc Mê), 1.266 chi hội, 3.201 tổ hội, 226.083 hội viên.

Các kỳ đại hội của Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Hà Tuyên

- *Đại hội lần thứ I*, tổ chức vào tháng 5-1977 tại thị xã Hà Giang, có 350 đại biểu chính thức. Đại hội đã bầu Hội đồng Hội Nông dân tập thể tỉnh Hà Tuyên lần thứ I, đồng chí Ma Trang được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng. Đại hội đề ra nhiệm vụ trọng tâm là vận động nông dân thực hiện tốt phong trào nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới và phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

- *Đại hội lần thứ II*, tổ chức tháng 7-1984 tại thị xã Tuyên Quang, có 201 đại biểu chính thức. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Hà Tuyên lần thứ II (nhiệm kỳ 1984-1987), gồm 31 đồng chí. Đồng chí Hà Ngọc Hội được bầu giữ chức Chủ tịch Hội. Đại hội đề ra nhiệm vụ trọng tâm là vận động nông dân thực hiện tốt phong trào nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới, gồm: phong trào thâm canh tăng vụ, cải tiến cơ cấu mùa vụ, vượt khoán; phong trào phát triển kinh tế gia đình theo mô hình vườn - ao - chuồng (VAC); phong trào xây dựng gia đình nông dân văn hóa; phong trào xây dựng chi hội đăng ký xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa.

- *Đại hội lần thứ III*, tổ chức tháng 9-1987 tại thị xã Tuyên Quang, có 224 đại biểu chính thức. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Hà Tuyên lần thứ III (nhiệm kỳ 1987-1992), gồm 35 đồng chí. Đồng chí Hà Ngọc Hội

được bầu lại là Chủ tịch Hội. Đại hội đề ra nhiệm vụ trọng tâm là vận động nông dân thực hiện tốt phong trào nông dân thi đua phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, gồm: phong trào xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; phong trào nông dân tham gia văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng; phong trào xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

Tháng 3-1988, đồng chí Triệu Đức Thanh được bầu bổ sung giữ chức Chủ tịch thay đồng chí Hà Ngọc Hội nghỉ hưu.

5. Thời kỳ tái lập tỉnh Tuyên Quang từ năm 1992 đến năm 2013

Tháng 10-1991, sau khi tách tỉnh Hà Tuyên thành 2 tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang, đồng chí Triệu Đức Thanh giữ chức Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Hà Giang, đồng chí Hoàng Thế Nhã, Phó Chủ tịch là Quyền Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại hội lần thứ IV Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Tuyên Quang, tổ chức tháng 7-1992 tại thị xã Tuyên Quang, có 88 đại biểu chính thức. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Hội Nông dân tập thể tỉnh Tuyên Quang lần thứ IV (nhiệm kỳ 1992-1998), gồm 23 đồng chí. Đồng chí Hoàng Xuân Hiến được bầu là Chủ tịch Hội. Đại hội bầu 11 đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ II.

Đại hội đề ra nhiệm vụ trọng tâm là vận động nông dân thực hiện tốt các phong trào Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu; phong trào dân số - kế hoạch hóa gia đình; phong trào chi hội không có hội viên sinh con thứ ba;

phong trào nông dân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; phong trào nông dân tham gia xây dựng an ninh - quốc phòng; phong trào xây dựng gia đình nông dân văn hóa.

Về tổ chức: năm 1992 có 130 cơ sở Hội với 54.206 hội viên sinh hoạt ở 697 chi hội, đến năm 1998 có 144 cơ sở Hội, có 2.056 chi hội với 66.221 hội viên. Tháng 8-1996, đồng chí Nguyễn Thị Hoan được bầu bổ sung giữ chức Chủ tịch Hội thay đồng chí Hoàng Xuân Hiến chuyển công tác khác.

- Đại hội lần thứ V Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Tuyên Quang, tổ chức ngày 19-5-1998 tại Hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, có 139 đại biểu chính thức. Đại hội bầu Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh lần thứ V (nhiệm kỳ 1998-2003) gồm 25 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thị Hoan được bầu lại là Chủ tịch Hội. Đại hội bầu 10 đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ III.

Đại hội đề ra nhiệm vụ trọng tâm là vận động nông dân thực hiện tốt các phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói giảm nghèo và làm giàu; phong trào dân số - kế hoạch hóa gia đình; phong trào chi hội không có hội viên sinh con thứ ba; phong trào nông dân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; phong trào nông dân tham gia xây dựng an ninh - quốc phòng; phong trào xây dựng gia đình nông dân văn hóa.

Về tổ chức: Năm 1999, có 144 cơ sở Hội, có 2.079 chi hội với 68.388 hội viên.

- Đại hội lần thứ VI Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Tuyên Quang, tổ chức từ ngày 23 - 24-6-2003 tại Hội trường Ủy ban nhân

dân tỉnh Tuyên Quang, có 198 đại biểu chính thức. Đại hội bầu Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh lần thứ VI (nhiệm kỳ 2003-2008), gồm 25 đồng chí. Đồng chí Tạ Hữu Biển được bầu giữ chức Chủ tịch Hội. Đại hội bầu 12 đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IV.

Đại hội đề ra nhiệm vụ: Vận động hội viên nông dân thực hiện tốt các phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu; phong trào dân số - kế hoạch hóa gia đình; phong trào nông dân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; phong trào nông dân tham gia xây dựng an ninh - quốc phòng; phong trào xây dựng gia đình nông dân văn hóa.

Về tổ chức: Tháng 9-2005, đồng chí Triệu Thị Lún được bầu là Chủ tịch Hội thay đồng chí Tạ Hữu Biển chuyển công tác khác. Năm 2007, toàn tỉnh có 139 cơ sở Hội (giám 5 xã ở lòng hồ thủy điện Tuyên Quang), có 1.927 chi hội với 88.724 hội viên. Hội Nông dân tỉnh Tuyên Quang được Chính phủ tặng cờ Đơn vị có thành tích xuất sắc.

- Đại hội lần thứ VII Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Tuyên Quang, tổ chức ngày 18 - 19-6-2008 tại Hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, có 199 đại biểu chính thức. Đại hội bầu Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh khóa VII (nhiệm kỳ 2008-2013) gồm 27 đồng chí. Đồng chí Triệu Thị Lún được bầu lại là Chủ tịch Hội. Đại hội bầu 14 đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ V.

Đại hội đề ra nhiệm vụ vận động hội viên nông dân thực hiện tốt 3 phong trào do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam phát động, gồm: Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi; đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng. Phong trào nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới. Phong trào nông dân tham gia bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Về tổ chức: Đến năm 2013, Hội Nông dân tỉnh có 7 huyện, thành hội, 140 cơ sở, có 1.967 chi hội với 104.374 hội viên. Hội Nông dân tỉnh Tuyên Quang được Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tặng Cờ thi đua xuất sắc nhất.

Tổ chức Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Tuyên Quang đến năm 2013

TT	Đơn vị	Số cơ sở Hội	Số hội viên
1	Nà Hang	12	6.872
2	Lâm Bình	8	5.668
3	Chiêm Hóa	26	20.828
4	Hàm Yên	18	15.593
5	Sơn Dương	33	23.381
6	Yên Sơn	30	24.076
7	Thành phố Tuyên Quang	13	7.956
	Tổng cộng	140	104.374

BÍ THƯ TỈNH HỘI, CHỦ TỊCH HỘI QUẢ CÁC THỜI KỲ

TT	Họ và tên	Thời gian	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Hiến	1948 - 1975	Bí thư Nông hội, Trưởng ban Công tác nông thôn
2	Ma Trang	5-1977 – 7-1984	
3	Hà Ngọc Hội	7-1984 – 3-1988	
4	Triệu Đức Thanh	3-1988 – 10-1991	
5	Hoàng Thế Nhã	10-1991 – 7-1992	Quyền Chủ tịch Hội
6	Hoàng Xuân Hiến	7-1992 – 8-1996	
7	Nguyễn Thị Hoan	8-1996 – 6-2003	
8	Tạ Hữu Biển	6-2003 – 9-2005	
9	Triệu Thị Lún	9-2005 – 10-2009	
10	Trịnh Ngọc Tân	11-2009 – 2-2011	
11	Trần Văn Chiến	Từ tháng 3-2011 đến nay	